

Bùi Ngọc Tấn

Một thời để mất



Lời tác giả:

Một thời để mất là tập sách đầu tiên tôi in sau gần một phần tư thế kỷ gác bút. Chịu trách nhiệm xuất bản là anh Nguyễn Kiên và người biên tập là anh Vương Trí Nhàn (nhà xuất bản Hội Nhà văn). Để nó ra đời được, các anh đã phải cắt đi một số đoạn. Trong lần tái bản thứ hai, người biên tập là anh Hải Lộc, chịu trách nhiệm xuất bản là anh Phạm Ngà, giám đốc nhà xuất bản Hải Phòng, tập sách đã được bổ sung một số đoạn cắt trong lần xuất bản trước. Và lần xuất bản thứ ba này tác giả bổ sung thêm sao cho gần được như bản thảo ban đầu, giữ được sự hồn nhiên khi tôi mới cầm bút trở lại.

Tôi cảm ơn tất cả các anh, những người đã góp sức cho tập sách chào đời và có cuộc sống trong đời sống văn học.

Hải Phòng, xuân 2003

Bùi Ngọc Tấn

[Anh](#) Vương Trí Nhàn, một người bạn mới quen khi tôi cầm bút trở lại đã mấy lần giục tôi viết riêng một tập sách về Nguyên Hồng. Tôi đoán anh có

đọc và thích mấy bài đã in của tôi viết về nhà văn này. Qua đó anh tin ở tôi, ở những tư liệu của tôi, ở cái tình của tôi với Nguyên Hồng. Và hình như anh còn tin ở cuộc đời ba chìm bảy nổi của tôi nữa. Anh cho rằng tôi có thể có một tập sách kha khá về nhà văn đã đượm “phong thánh” này.

Lời khuyên của Vương Trí Nhàn có sức thuyết phục tôi còn ở lẽ tôi đánh giá cao bài viết của anh về Nguyên Hồng “Một cuộc đời sáng tạo trong đau khổ”. Tôi nghĩ đó là bài nghiên cứu về Nguyên Hồng hay nhất cho đến lúc đó.

Vương Trí Nhàn đã hiểu Nguyên Hồng và phát biểu về Nguyên Hồng đúng như trong thực tế.

Tôi tin Nhàn thành thật, thiện ý khi khuyên tôi viết.

Thế nhưng tôi chỉ cười. Một kiểu xã giao. Như một câu nói không thành lời:
- Cảm ơn các ông đã tin tôi. Nhưng...

Về Hải Phòng rồi quên ngay thẳng lời gợi ý ấy của Nhàn. Cuộc đời còn bao thứ phải bận bịu lo toan, hơn nữa tôi không thích đào bới những người đã nằm yên dưới mộ, vào “đội cải táng” như cách nói của Vũ Bảo.

Một năm sau, vào mùa thu năm 1993, khi vụ “Đào Hiếu - Nổi loạn”* đã tới cao trào, tôi lên Hà Nội thăm Nguyễn Kiên. (*Tiểu thuyết Nổi loạn của Đào Hiếu do Nhà xuất bản Hội Nhà văn xuất bản bị cấm. Nguyễn Kiên, giám đốc Nhà xuất bản bị đe dọa truy tố)

Ở tỉnh lẻ - vâng, dù Hải Phòng là thành phố lớn thứ ba toàn quốc và đầu mối giao thông lớn nhất miền Bắc thì Hải Phòng vẫn là tỉnh lẻ với sự chính xác nhất của ngôn từ, tỉnh lẻ về bầu trời, về địa lý hành chính, tỉnh lẻ trong sự dèm pha tâng bốc... Ở cái tỉnh lẻ “cô em nằm xem kiếm hiệp”* này (*thơ Yên Lan), chẳng biết mô tê răng rứa ra làm sao, nghe đồn và đọc báo thấy Kiên đang bị lôi thôi, chúng tôi, nghĩa là tôi và vợ tôi hay nhắc đến Kiên và thương Kiên đang chịu trận. Thế trận tôi đã từng chịu cách đây một phần tư

thể kỷ, khốc liệt và cay đắng hơn nhiều.

Kiên quê Vạn Phúc. Vợ tôi người Tả Thanh Oai. Gọi là cùng quê. Kiên biết vợ tôi từ thời con gái, khi chúng tôi còn chưa lấy nhau.

Tôi bảo vợ tôi:

- Anh phải lên Hà Nội đây. Lên chỗ anh Kiên.

Vợ tôi mở tủ dúi cho tôi 100.000 đồng.

- Anh hỏi anh Kiên chuyện vợ con anh ấy nữa nhé. Em không hiểu chuyện gia đình anh ấy ra làm sao. Nhớ đấy. Các ông gặp nhau thì chỉ văn chương, chữ nghĩa.

Tôi đi nhờ cái Toyota mới tinh, còn chưa hết thời gian chạp rô-da lên Hà Nội thăm Kiên, thăm ông giám đốc nhà xuất bản Hội nhà văn đang lâm nạn. Kiên định tiếp tôi ở nhà xuất bản. Nhưng tôi rủ Kiên:

- Đi uống bia đi. Mình có tiền.

Kiên hiểu rằng chúng tôi cần được yên tĩnh, chỉ có hai người với nhau.

Hà Nội, thu, sắp đến ngày 10 tháng 10. Ngày tiếp quản Hà Nội. Tôi vào Hà Nội sớm. Từ mừng 3 tháng 10 năm 1954. Theo đường số 6. Rút nuy-mê-rô xít. Giấy vào Hà Nội của Ban Liên hợp đình chiến Bắc Bộ tôi còn giữ đến bây giờ. Cô-lô-nen Ga-li-be ký. Trung tá Đoàn Thế Hùng ký. Hà Nội ngày ấy như một điều kỳ diệu mà cuộc đời dành sẵn cho chúng tôi. Như một bữa tiệc để chúng tôi say men cuộc sống rồi từ đó chỉ có chuyện bay bổng.

Hết đợt tiếp quản tôi về báo Tiền Phong. Kiên về Trung ương Đoàn sau tôi.

Kiên đã kết thúc những ngày đi lưu động* (*tên một tác phẩm của Nguyễn Kiên). Đường Nguyễn Du. Những cây sữa cao vút, thon thả rải thành hàng, im lặng như những trang giấy xếp liền nhau, như có thể lần giở ở đó từng trang kỷ niệm. Tôi bỗng hiểu ra rằng mình không chỉ lên thăm Kiên, mà còn thăm Hà Nội. Gặp lại Hà Nội. Trò chuyện với Hà Nội. Để Hà Nội lại ngấm vào mình cho dù Hà Nội không còn là Hà Nội ngày xưa nữa. Để có thêm cái

chất Hà Nội vào người, bớt đi một ít phần trăm tỉnh lẻ mà mình mang không tự giác.

Sau đủ mọi chuyện gia đình con cái, văn chương chữ nghĩa thế sự vui buồn, tôi và Kiên trở về nhà xuất bản. Lại gặp Vương Trí Nhàn. Nhàn với vẻ niềm nở rất dễ thương đưa cho tôi 60 ngàn đồng:

- Nhuận bút của anh đấy. Cả tập được 480 ngàn. Anh một phần tám đấy.

Những người khác chỉ hai, ba chục ngàn thôi.

- Anh nhớ tên sách là Nguyên Hồng - Cát bụi và ánh sáng. Bài của anh in ở trong ấy. Chúng tôi không có quyền nào cả. Anh về Hải Phòng xem có thì mua. Và thanh minh là in ở thành phố Hồ Chí Minh, họ chưa gửi sách bản quyền ra.

- Nhưng anh cho tôi xem mặt tập sách có được không?

Nhàn nhanh nhẩu xuống nhà, cầm lên một quyển:

- Sách này tôi mượn của chị... đây. Chính tôi cũng không có.

Kiên xen vào câu chuyện với cương vị giám đốc:

- Không được. Phải đưa anh Tấn quyền sách tác giả chứ. Anh ấy ở Hải Phòng lên cơ mà. Rồi nhà xuất bản bản tìm mua giả chị... sau.

Cám ơn Kiên. Tôi lật tìm bài của tôi. Đó là bài đầu tiên tôi viết khi cầm bút trở lại. Nguyên Hồng thời đã mất in trên tạp chí Cửa Biển của Hội văn nghệ Hải Phòng, nay lại được các anh đưa vào tập sách.

Nhàn lại động viên tôi viết về Nguyên Hồng. Cả Kiên nữa. Lần này lời xui của các anh làm tôi xiêu lòng.

Tôi đã quyết định viết. Không. Không chỉ chuyện Nguyên Hồng. Chuyện tôi. Cái lớp tôi. Lê Bầu, Mạc Lân, Dương Tường, Vũ Thu Hiền, Nguyên Bình, Vũ Bảo...

Chuyện một thời tin tưởng

Một thời bay bổng

Một thời hạnh phúc

Và cả một thời nhảm nhí của chúng tôi nữa.

Tôi chịu không nhớ được lần đầu tiên mình gặp Nguyên Hồng. Cũng như không nhớ được lần đầu tiên gặp biển. Mặc dù tôi rất yêu biển, có thể im lặng nhìn biển hàng giờ.

Thế mà lần đầu tiên gặp các nhà văn, nhà thơ khác, tôi lại nhớ.

Ví như với Tô Hoài.

Chúng tôi nhận ra Tô Hoài ngay khi ông đang uống cà phê ở ngõ Bà Triệu. Một ngõ cụt, vắng, trồng những cây me tơi, gần cơ quan chúng tôi. Tôi nói chúng tôi vì hôm ấy đi uống cà phê có tôi và Vũ Lê Mai, người có số phận khác tôi và sau này khi tôi đi tù, anh là một trong những người giữ những vị trí quan trọng trong ngành điện ảnh.

Nhà cửa sau tiếp quản chưa ổn định. Có thể kể những số nhà báo Tiền Phong đã đặt trụ sở làm việc hoặc cho anh em ở tập thể: 64 Bà Triệu, 57 Hàm Long, 45 Hàm Long, 11 Ngô Văn Sở, 167 Phùng Hưng, 3 Hồ Xuân Hương, 133 Bà Triệu...

Là phóng viên trên dưới 20 tuổi, chúng tôi gặp nhau, thân thiết với nhau và thống nhất ở hai điểm chính: Rất khao khát với việc viết văn, muốn trở thành nhà văn lớn và cũng muốn mình già. Thật không ưng ý chút nào những khuôn mặt phơn phớt lông măng, bầm ra sữa của chúng tôi. Nguyễn Tiên Phong sau này trở thành bí thư Trung ương Đoàn, nhưng được chúng tôi biết đến nhiều hơn vì anh là anh ruột của vợ Hữu Loan, người đàn bà chết sớm, người đàn bà nguyên có nội dung của một bài thơ tuyệt vời bất tử mà hồi đó chúng tôi chỉ dám đọc khẽ cho nhau nghe, bài Mầu tím hoa sim, Nguyễn Tiên Phong đã có một nhận xét rất đúng:

- Ở cái Trung ương Đoàn này thật lạ. Những anh trẻ muốn mình già đi. Còn

những anh già lại cố làm ra trẻ.

Chúng tôi cố làm ra già. Chúng tôi để ria mép. Chúng tôi đi sóng đôi, đếm bước trên đường Bà Triệu, xuôi xuống Vân Hồ. Tư lự, bàn bạc, trang nghiêm.

Trong một buổi đi dạo như vậy, tôi và Vũ Lê Mai vào quán cà phê ngõ Bà Triệu. Tô Hoài đang ngồi một mình ở đó.

Rất cởi mở và tự tin, tôi cùng Vũ Lê Mai bước tới:

- Xin lỗi anh. Anh là nhà văn Tô Hoài?

Và chúng tôi ngồi xuống bên anh.

Tô Hoài lúc đó đã đọc một truyện ngắn của tôi gửi tham gia cuộc thi truyện ngắn của tạp chí Văn Nghệ.

Truyện Chị Trúc. Tô Hoài khen và cho biết cùng với Chiếc cán búa của Võ Huy Tâm, Chị Trúc sẽ là truyện ngắn được in đầu tiên, trình diện, mở đầu cho cuộc thi này. Chị Trúc viết về nông thôn. Chiếc cán búa viết về công nghiệp. Nhưng rồi Chị Trúc không được in cũng không được giải vì nó nói tới những mất mát của chiến tranh hơi quá liều lượng (?). Tô Hoài sau mấy ngụm cà phê, nheo mắt hóm hỉnh nhìn tôi:

- Anh chưa có vợ phải không?

Tôi ngơ ngác không hiểu vì sao Tô Hoài biết tôi chưa có vợ và lại hỏi tôi câu hỏi ấy. Như đoán được ý nghĩ của tôi, Tô Hoài giảng giải:

- Nếu anh có vợ rồi anh không viết vợ chồng xa nhau nhớ nhau như vậy. Nỗi nhớ vợ chồng có mùi da thịt, có mùi sinh lý.

Tôi chịu ông vì quả thật cho đến lúc ấy tôi chưa biết nỗi nhớ nhưng vợ chồng nó như thế nào. Nhưng liền ngay đó, Tô Hoài nói một câu làm tôi tỉnh người:

- Văn anh đẹp lắm.

Và cười, nhìn hai chúng tôi:

- Các anh trẻ đến là vui.

Đúng là chúng tôi vui. Chúng tôi đọc. Chúng tôi suy nghĩ, bàn bạc. Chúng tôi không ngừng khắc phục những điểm yếu của chúng tôi: vốn sống và kiến thức.

Tôi cũng nhớ lần gặp gỡ đầu tiên với Xuân Diệu.

Thời ấy cuộc kháng chiến chống Pháp đang ở giai đoạn gay go quyết liệt nhất. Thác Huống bị ném bom. Nước sông Cầu dâng lên cuồn cuộn cuồn cuộn trôi suốt một ngày trời và sau đó là cạn đến mức có thể lội qua sông sang bên kia. Những con sông máng của cả một vùng Phú Bình, Yên Thế tưới nước cho hàng vạn héc ta nằm trơ đáy. Không chỉ là hệ thống thủy nông, dòng sông máng còn là hệ thống giao thông thuận lợi. Đêm đêm những con thuyền hoàn toàn do người kéo, im lặng chở sắn, gạo, muối mỏ, măng tươi, củ nâu, vải vóc, thuốc men, hàng hoá quân nhu, dân dụng ngược xuôi trên những dòng sông máng, chững lại ở những cửa ải, chờ bơm nước để lên hay xuống một bậc thang cho thẳng bằng với môn nước mới. Nó cũng giống như tàu bè phải leo dốc qua kênh Xuy-ê. Ba-ra Tắc Cun (đập Thác Huống) vỡ, những dòng sông máng trở thành những dòng sông chết. Ban đêm vắng những tiếng người gọi nhau, những tiếng thờ, những dáng người gò lưng kéo, những tiếng cót két của bánh lái, của dây chèo miết vào trụ thuyền. Ban ngày vắng hẳn tiếng máy bay, những chiếc Kinh Cô-bra cổ ngỗng màu én bạc, những chiếc Hen-cát cổ rụt màu xám tuần tiểu dọc sông, quần thảo những vụng thuyền ẩn nấp. Tiếng máy bay xé gió và tiếng đại liên nổ từng tràng. Những dòng sông chết kéo theo cái chết của những cánh đồng. Từ vùng Lang Tà, Đức Lân ngược lên Thái Nguyên, xuôi về Đức Thắng, Hiệp Hoà, sang vùng Yên Thế chỉ một màu đất bạc trắng. Mặt ruộng nứt nẻ toang hoác. Phải đào giếng lấy nước tưới cho hoa màu. Hạt thóc quý như hạt vàng. Tìm khắp nhà không có lấy một hạt thóc nhỏ lông nách.

Tình hình rất bi đát. Nhưng chúng tôi chẳng suy nghĩ gì nhiều. Chúng tôi vui vẻ vượt qua những khó khăn. Chúng tôi ăn đói. Về mùa nóng chúng tôi đem nong ra đặt giữa đường làng và ngủ ở đó để đón chút gió hút giữa hai rặng tre. Sáng sớm những đàn trâu đi làm đi thả, bước qua người chúng tôi, móng gõ lộp cộp. Chúng tôi choàng tỉnh và vội lẫn người tránh được dòng nước của một chú trâu tơ dừng lại tè xối giữa mặt. Về mùa rét chúng tôi rải ổ đập chiếu và đè thêm cái chõng tre lên người để chống cái rét cắt ruột, rét Thái Nguyên rét về Yên Thế (thơ Tố Hữu).

Chúng tôi đi học đêm xa bầy cây số. Chúng tôi đọc Viếng bạn của Hoàng Lộc, Làng của Kim Lân, Thư nhà của Hồ Phương, Thời gian ủng hộ chúng ta của I-li-a Ê-ren-bua và ký sự Ngụy Ngụy. Chúng tôi đồng ca: “Nông dân là quân chủ lực, Đội quân hùng hậu. Không có nông dân thì kháng chiến ta không thể thành công...”. Chúng tôi băng qua không biết bao nhiêu cánh đồng đất ải về Đức Thắng, Trại Cờ để xem phim Chủ tịch nông trường của Liên xô, Bạch Mao nữ của Trung Quốc. Chúng tôi mơ tới ngày độc lập, mơ tới những thành phố tung bừng ánh điện, chúng tôi cùng vợ con chúng tôi làm việc, chung sức với mọi người xây dựng cuộc sống mới.

Trong thời gian kháng chiến khốc liệt và vui tươi đó, Xuân Diệu về trường chúng tôi. Anh nói chuyện thời sự. Anh nói về xã hội thối nát của Pháp và Mỹ, về những đảng 3K, những điệu nhảy Hu-la-húp, Rốc-en-rôn. Xuân Diệu trợn tròn mắt:

- Các đồng chí có biết bên ấy chúng nó mặc quần áo bằng gì không? Bằng ni lông! Quần áo ni lông! Chúng tôi ào lên. Thật không thể nào hiểu được cái bọn người khôn nạn ấy lại có thể lấy ni lông làm quần áo, thứ vải mưa màu cánh dán trong suốt mà chúng tôi mới được biết đến khi các anh tôi từ vùng địch hậu ra, có mang theo vài mảnh, vừa dùng để đi mưa, vừa dùng gói quần áo, lấy dây túm chặt làm thành một thứ phao bơi khi vượt sông ra vùng tự

do. Thật là một lũ điên loạn, truy lạc. Mặc quần áo như vậy có khác gì cời truồng! (Mãi mấy chục năm sau khi may chiếc áo ni lông đầu tiên trong đời mà Nguyên Hồng gọi là pha lon, tôi mới thấy loại vải ấy thật tuyệt biết bao).

Xuân Diệu bồi thêm:

- Còn quần áo may bằng vải thường các đồng chí có biết nó in gì lên đấy không. Không phải in hoa! Nó in cả một tờ Nữ ước thời báo với đầy đủ ảnh, măng sét, tit lớn, tit nhỏ, tin ngắn, tin dài lên mặt vải. Cũng không phải in lên một bộ quần áo mà in lên cả hàng bao nhiêu cuộn vải rồi cứ thế mà cắt!

Không để chúng tôi kịp ngạc nhiên, Xuân Diệu tiếp luôn:

- Còn tổng thống ở bên Mỹ, khi hết nhiệm kỳ không làm lỏng thống nữa, các đồng chí có biết nó đi làm gì không? Đi quảng cáo cho các hãng buôn kiếm tiền? Chúng tôi lại ò lên. Cái bọn người quái đản ấy cần được cải tạo. Chúng ta sẽ là người cải tạo chúng. Giai cấp vô sản, tầng lớp lao động, những người nghèo khổ bị bóc lột ở những nước ấy sẽ đứng lên.

Buổi tối hôm ấy Xuân Diệu gặp riêng mấy anh em chúng tôi ở một bìa rừng. Chúng tôi ngồi bệt trên cỏ. Những bụi sim mua thâm thắp giống như người ngồi mà những đêm tan học từ trường về, tôi cứ rợn hết cả người. Một bên là một khu rừng nhỏ. Rừng làng Phú Mỹ (Phú Bình). Một bên là cánh đồng hẹp rồi đến một rừng sau sau, loại cây nuôi một thứ sâu lấy cước trông giống hết những cây bu-lô sau này tôi được thấy trong những trang hoạ báo Liên xô.

Phía sau rừng sau sau ấy là vụng Thanh Lang, đã có một thời ngày nào máy bay cũng tới nã đại liên vào các lùm cây, triệt những thuyền ẩn nấp.

Được ngồi cạnh một nhà thơ lớn thật là sung sướng. Được trực tiếp đối thoại với nhà thơ càng sung sướng hơn. Từ khi tôi lớn lên, khi tôi biết có tôi trên cuộc đời này, tôi đã biết có cánh đầm trước cửa nhà tôi, ngọn núi Đèo xa tí

tấp, giới hạn của vũ trụ, như tầng trời ngày ấy...

Rồi sau nữa tôi biết có Xuân Diệu, Huy Cận, Thạch Lam, Nguyên Hồng.

Những vòm trời tài năng trí tuệ. Vòm trời ấy tồn tại mãi cho tới khi tôi trưởng thành, cho tới khi tôi cầm bút, tên tuổi những người ấy khuyến khích tôi, động viên tôi. Hình như lớp trẻ sau này không có những ý nghĩ ấy tình cảm ấy. Vòm trời tuổi thơ của họ chỉ tồn tại trong tuổi thơ thôi. Hơn chúng tôi, họ biết đánh giá, họ biết tinh táo, không tôn thờ, không định kiến. Họ không có những thần tượng. Họ biết khơi dậy sức lực của chính họ.

Có những người đã chọc thủng cả vòm trời. Đã đánh họ có tài. Nhưng thế hệ chúng tôi không phải không có những người tài. Chỉ là vì quá tuân theo quy ước, ngay trong nội tâm đã không thắng nổi mình.

Đêm ấy Xuân Diệu bình thơ. Anh phân tích bài thơ của một thiếu sinh quân:

Đánh giấy về không thì em giận

Chép cho em bài hát thiếu sinh

Mẹ ngồi mẹ nói một mình

“Để rồi phải kiếm cho anh một người”.

Anh giảng về bài thơ đã đi vào cổ điển của anh, bài

Lời kỹ nữ, về câu thơ:

Trăng từ viễn xứ

đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn.

Sau bốn từ không dấu đi - khoan - thai - lên diễn đạt trăng đang lên, đến chữ ngự mang dấu nặng như một sự dừng lại vì trăng đã lên tới nơi cao nhất của bầu trời, và cuối cùng với ba từ đỉnh trời tròn, ta thấy vàng trăng toả khắp vũ trụ.

Không chỉ cái hay của thơ, giọng ngâm của Xuân Diệu hoàn toàn chinh phục chúng tôi. Lũ học sinh chúng tôi chỉ biết xuýt xoa. Tôi đề nghị nhà thơ hò Huế. Anh vui vẻ hò ngay. Lần đầu tiên tôi được nghe hò Huế. Xuân Diệu là

người có trí nhớ diệu kỳ. Chỉ gặp nhau lần ấy mà anh nhớ tôi. Mấy năm sau, khi hoà bình lập lại, tôi đã về báo Tiền Phong, đang đạp xe giữa dòng người xuôi ngược qua bến tàu điện bờ hồ Hoàn Kiếm, bỗng nghe tiếng người gọi:

- Tấn!

Tôi phanh gấp, quay lại: Xuân Diệu.

Xuân Diệu rất có trách nhiệm khi làm việc. Chính anh đã lục trong đồng bản thảo bị loại khỏi cuộc thi, đọc lại truyện Sao của tôi và truyện này được tặng giải khuyến khích của tạp chí Văn Nghệ. Anh làm việc đó không phải vì quen tôi. Truyện đó tôi lấy bút danh Lôi Động. Đó là tên làng mẹ tôi. Phải giấu biệt tên thật của mình. Cơ quan biết thì lòi thối to. Tôi còn nhớ Lê Mạc Lân, người con cả của Lê Văn Trương nhưng không bao giờ nói về bố mình, không bao giờ muốn người ta biết mình chỉ với tư cách là con cả của Lê Văn Trương, người bạn hơn tuổi mà tôi rất thân, gọi tôi và Tất Vinh đi lên Phúc Châu uống chè. Lân bảo giọng nghiêm trọng:

- Chi bộ vừa họp quyết định: Trong chi bộ và trong cơ quan không được viết văn.

- Cấm viết văn? Chúng tôi hỏi lại.

Nghị quyết ghi là tạm thời, trong thời gian trước mắt, để cải tiến, tập trung sức lực nâng cao chất lượng tờ báo. Tao đã phản đối nhưng hoàn toàn thiếu số.

Làm sao chúng tôi từ bỏ việc viết văn cho được. Dù mới tập viết, dù vốn sống còn ít ỏi, dù phải thức khuya, dù phải vụng trộm như đang làm một việc xấu xa. Trong một thời gian ngắn ở báo Tiền Phong, cơ quan ngôn luận của Trung ương Đoàn Thanh niên lao động Việt Nam này, tôi đã thấy có hai việc kỳ cục: Một là việc cấm viết văn trên đây, hai là cách đây hai năm, chi đoàn khai trừ tôi và một vài đoàn viên khác vì chúng tôi là thành phần lớp trên, rồi sau đó lại làm lễ kết nạp lại khi có chủ trương sửa sai.

Đinh Chương, người của đoàn thể, cũng khẳng định tình hình căng thẳng lắm đấy các cậu ạ”. Rồi nghị quyết ấy được đưa ra cho toàn thể anh em thảo luận. Chúng tôi nêu thắc mắc, chúng tôi đề nghị giải thích... Những người không có khả năng viết văn thì nhiệt liệt ủng hộ nghị quyết. Trong những cuộc họp ấy lần đầu tiên tôi được biết những kẻ cơ hội. Những người này cũng là phóng viên, những người chân đất, hình như cũng có tý chút máu văn chương, nhưng cái “ý thức phấn đấu” nhiều hơn. Hằng ngày họ chuyện trò, tâm sự với bọn chúng tôi về sáng tác, chiêm biếm những tổ trưởng, biên uỷ kém năng lực, trong cuộc họp này họ nói uồn lượn cực kỳ. Đại loại như: sáng tác nhìn chung về lâu dài cần được khuyến khích. Nếu đặt vấn đề sáng tác từ góc độ cá nhân thì khác. Nếu đặt vấn đề sáng tác từ góc độ tập thể chúng ta sẽ thấy nó đơn giản đi nhiều...

Chúng tôi hiểu được rằng viết báo là để phục vụ cách mạng, viết văn cũng phục vụ cách mạng. Lãnh đạo báo, xuất phát từ lợi ích chung, từng thời gian sẽ có những chủ trương thích hợp nhằm huy động tối đa năng lực anh em vào sự nghiệp giáo dục thanh niên, một bộ phận rất quan trọng trong sự nghiệp cách mạng, vì thanh niên là cánh tay, là lực lượng hậu bị của Đảng. Chỉ có cá nhân chủ nghĩa, đặt cá nhân lên trên tập thể mới sinh ra mâu thuẫn giữa viết văn và viết báo. Mâu thuẫn ấy không có ở những người toàn tâm toàn ý phục vụ tờ báo.

Thật đúng là chân lý.

Không thể tự mình tỏ ra là những phần tử cá nhân chủ nghĩa. Cũng không thể chống lại nghị quyết chi bộ. Việc thảo luận trong toàn cơ quan chỉ để chính thức hoá nó, pháp chế hoá nó. Vũ Bão đạo ấy đang nổi tiếng với tiểu thuyết Sắp cưới và bị đánh toi tả, hay qua lại chỗ chúng tôi, biết chuyện cảm viết văn ở báo Tiền Phong, nói với điệu hài hước rất quen thuộc của anh:

- Tiểu đoàn 2 phải rút về cánh đồng Chum thôi.

Thời đó tiểu đoàn 2 của ông hoàng Xu-pha-nu-vông xây dựng cơ sở ở cánh đồng Chum để tiến hành cuộc chiến tranh giữa ba anh em cùng là Hoàng thân nước Lào. Chúng tôi không có cánh đồng Chum của mình. Mà văn chương chỉ những ai đã mắc vào mới rõ: Không thể nào dứt ra cho được. Nó như ma túy. Nó lại ngọt ngào, cay đắng, sung sướng, thất vọng, đam mê, hết như tình yêu. Thế là bảo nhau: “Căn bản là phải làm báo tốt. Ít nhất phải bằng hoặc hơn những anh em chỉ viết báo, không viết văn”. Việc này không khó lắm. Vì cái máu văn chương làm chúng tôi lẫn lộn với cuộc sống. Lấy tài liệu kỹ. Ghi cả ngôn ngữ. Cả cảnh. Cả những chi tiết không phục vụ cho việc viết báo. Nguyễn Trí Tình suốt đêm đi làm với các anh các chị đồ thùng. Đón giao thừa với các anh lái xe lửa trên chuyến tàu Hà Nội - Lạng Sơn. Tôi thì lang thang ở vùng quê Ninh Bình, Hà Nam, tìm ra một anh Nguyễn Tê nào đó là cán bộ đoàn mà không chịu vào hợp tác xã. Báo Tiền Phong tổ chức thảo luận trên báo về trường hợp anh Nguyễn Tê. Bài vở, ý kiến tới tấp gửi về. Đóng góp của tôi cũng gọi là tạm tạm.

Đó là chưa kể những chuyến đi về các mũi nhọn của nông thôn đầy gian khổ nhưng biết bao hào hứng khác.

Để viết bài phản ánh. Như chuyến về Lâm Động (Thủy Nguyên) lấy tài liệu ngày giỗ trận, cùng chi đoàn tát ao, bắt cá liên hoan. Rồi chuyến đi lên Ngũ Kiên (Phúc Yên) nơi đi đầu trong phong trào cấy song long quá hải, nuôi lợn bằng biện pháp cho lợn ăn cứt trâu, cắt đuôi, cắt tai, cắt tuyến giáp trạng...

Lại như chuyến về Thanh Hoá, đạp xe tới nhà anh hùng lao động Trịnh Xuân Bái, người tôi đã quen ở đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc tại Hà Nội. Vừa từ Liên xô về, ấn tượng về Liên xô, thiên đường trên trái đất, tương lai của Việt Nam, thủ đô của cách mạng thế giới còn đầy ắp trong đầu, anh hùng Trịnh Xuân Bái hào hứng đọc cho tôi nghe bài thơ mới sáng tác của ông về Liên xô:

Liên bang xô viết

Thú tự do ao ước bấy lâu nay

Kìa hồng quân thuyền thợ với dân cày

Đệ nhất sường hỏi rằng đây có phải

Rồi:

Này trường Lô-mô-nô- xốp

Này điện Cẩm Linh

Ngước trông lên ai khéo hoạ hình

Cờ liềm búa long lanh như gấm dệt

Các Mác tinh thần bất diệt

Lê-nin sự nghiệp rất cao siêu

Càng nhìn chủ nghĩa càng yêu.

Tôi ghi lại bài thơ mà không dám nói với nhà thơ Trịnh Xuân Bái rằng thi phẩm của ông bị ảnh hưởng Chu Mạnh Trinh quá rõ. Tuy nhiên giá trị phổ biến của nó thật ghê gớm. Khi tôi về toà soạn, ngay lập tức bài thơ đã nhập tâm nhiều người, từ Lê Thị Túy, Nguyễn Trí Tình, Tất Vinh tới anh bạn nhiếp ảnh Mai Nam. Ngay cả đồng chí Tổng biên tập, những lúc cầm bát đũa xuống nhà ăn tập thể cũng ngâm nga:

Ngước trông lên ai khéo hoạ hình

Cờ liềm búa long lanh như gấm dệt

Ngoài chuyện viết báo, mọi chuyện khác cũng phải nghiêm túc. Ví như làm bích báo. Chúng tôi đều có bài. Nguyễn Trí Tình thuật lại chuyện đi phỏng vấn một chị dân lao động ở khu lao động Lương Yên cho số báo mùng 1 tháng 5. Nguyễn Trí Tình vừa ngồi một lúc thì chị chủ nhà đi chợ về. Chị thả từ cái lồng ra một con chó con mới mua ở chợ. Con chó từ ngoài sân ngoe nguẩy cái đuôi ngắn ngủn, ngổng đầu hít hít và chạy thẳng vào trong nhà, tới chỗ Nguyễn Trí Tình ngồi, rồi cứ quần quýt lấy hai bàn chân đi bít tất của

anh lúc ấy đã rút ra khỏi đôi giày ba ta. Anh hẩy nó ra. Nó lại sán đến, cái đuôi quay tít mừng rỡ. Tình khăng định giữa anh và con chó chưa có sự quen biết nào. Vì sao lại có tình bạn tuyệt vời này. Rồi anh chợt hiểu nguyên nhân của mối tình tiền kiếp đó: Chân anh, bít tất anh đi giày vải lâu ngày không giặt, có mùi quá nặng. Chính anh cũng ngửi thấy cái mùi đặc trưng ấy.

Tất Vinh cũng góp những bài độc đáo. Anh viết về những nỗi khổ của tổ văn nghệ (Tất Vinh ở tổ văn nghệ) trong việc sử dụng thơ bạn đọc, có trích những câu thơ đại loại như những câu ca ngợi sự phát triển của ngành đường sắt, vừa khôi phục xong đường Hà Nội – Nam Quan đã lại thông đường Hà Nội - Lào Cai:

Phe ta càng mạnh càng to

Xịt ta, Mao Trạch, Bác Hồ vinh quang.

Miền Bắc kiên thiết vững vàng

Nam Quan tàu chạy lại càng Lào Cai.

(Tôi muốn mở ngoặc đơn ở đây rằng Bút Tre không phải là người chế tạo ra trường phái Bút Tre. Trường phái này có từ trước khi Bút Tre làm thơ, Bút Tre chỉ là người đại diện ưu tú, tiêu biểu nhất mà thôi. Tất Vinh có kể cho tôi nghe hồi chống Pháp, khi còn trong bộ đội, anh đi các tiểu đoàn mở lớp huấn luyện làm ca dao, thơ lục bát, câu sáu vắn với câu tám ra làm sao. Tất Vinh đọc trước một câu sáu:

Con mèo là con mèo đen

Một chiến sĩ giơ tay đọc ngay câu tám như sau:

Cớ sao mày ở trong đèn mày ra?

Vần thì vần đấy nhưng thật chẳng ra làm sao cả).

Cũng có số báo Tất Vinh chỉ cho đăng một mẫu quảng cáo: “Nếu bạn và người yêu bạn cùng hơi bị vỗ thì hôn nhau như thế nào? Trong số báo sau

bạn TD vui lòng giải đáp”.

Bạn TD là đồng chí tổng biên tập báo Tiền Phong của chúng tôi, hai vợ chồng đồng chí đều có hàm răng hơi hô. Tất nhiên độc giả TD xem báo của chúng tôi chỉ có thể cười. Cười vô tư, thán phục một trò chơi tinh nghịch, “trẻ không tha, già không thương” mà không để bụng. Tôi nghĩ nếu bây giờ có nhân viên nào đùa thủ trưởng như vậy thì sau tiếng cười miễn cưỡng, hậu quả hẳn là sẽ khác. Thời ấy chúng tôi vừa cùng ở rừng về với nhau...

Thực hiện tốt những biện pháp giữ mình như vậy, chúng tôi cảm thấy yên tâm, khi nào không nhận được viết văn, chúng tôi... cứ viết.

Tôi viết, ký tên Lôi Động, quê mẹ tôi và gửi dự thi ở tạp chí Văn Nghệ. Cái tên ấy chỉ xuất hiện một lần. Có lẽ cũng vì vậy mà mới đây khi báo Văn Nghệ làm thống kê về những cuộc thi truyện ngắn của báo, những truyện và những người được giải (kể cả giải khuyến khích) của báo không có truyện Sao cũng không có tên Lôi Động. Cái anh chàng Lôi Động đúng là không có thực.

Ngay lập tức tất cả mọi người trong cơ quan báo Tiền Phong đều biết Lôi Động là ai. Anh em viết văn thì chúc mừng, các đồng chí lãnh đạo cũng không quở trách. Chắc các đồng chí ấy nghĩ rằng chỉ nguyên việc tôi đổi bút danh (thời ấy khi viết báo, tôi ký tên Tân Sắc) cũng chứng tỏ tôi biết sợ, biết chấp hành nghị quyết. Tôi được mời đi dự tổng kết, trao giải thưởng, ăn tiệc. Tôi có trông thấy Xuân Diệu trong lễ trao giải. Nghe anh báo cáo về việc chấm thi tôi mới biết chính anh đã đọc lại truyện Sao từ đồng truyện ngắn đã loại ra...

Ít lâu sau tôi được mời đi dự hội nghị những người viết văn trẻ lần thứ nhất. Không thể bỏ cơ quan xuống ấp Thái Hà họp hai ngày. Cũng không thể xin phép đồng chí tổng biên tập. Như vậy là bắt đồng chí ấy chính thức công nhận việc viết văn. Tôi rất cảm ơn anh Đỗ Văn Thoan, người tổ trưởng nông

thôn, sếp trực tiếp của tôi, khi anh nói:

- Coi như tôi phân công ông đi nông thôn công tác. Ông cứ đi đi. Đừng nói gì với ai cả.

Ở hội nghị hình như tôi không thu hoạch được gì về mặt viết lách. Còn đọng trong tôi là cách phát âm cổ làm ra nhà quê những tiếng nước ngoài như Aléch xít Tôn-tôi-y, Đôt-xì-tô-ép-xì-ki của Nguyễn Huy Tưởng và ấn tượng về rất đông những anh em viết văn trẻ cùng lứa tuổi tôi. Chúng tôi hăm hở. Chúng tôi quyết tâm. Chúng tôi tràn trề sức sống. Chúng tôi tự đặt cho mình những nhiệm vụ hết sức nặng nề. Bây giờ nghĩ lại trong lớp đông nhộn nhạo ấy, lớp tuổi tôi máu mê ngày ấy, hình như sự cay đắng vất vả nhiều hơn. Thành đạt cũng có (thành đạt khác thành tựu). Nhưng ít thôi. Trong số này phải kể đến Bùi Đức Ái (Anh Đức), Nguyễn Quang Sáng, Vũ Thị Thường, cả Nguyễn Kiên, rồi Nguyễn Quang Thân. Có thể đánh cái đầu chằm lửng ở đây.

Cùng một lứa bên trời. lặn đạn. Những kẻ lặn đạn thật nhiều. Bùi Minh Quốc, chồng Dương Thị Xuân Quý, cô thông tin viên xinh xẻo của chúng tôi khi tôi còn ở báo

Tiền Phong. Vũ Thu Hiền đêm đêm mất ngủ* (* tên một truyện của Vũ Thu Hiền), Phù Thăng, thăng Phu, chiến de vie, vie de chien* (* trong một sáng tác của Phù Thăng, một nhân vật kêu ca cuộc đời con chó, và Phù Thăng bị phê là con chó cuộc đời). Châu Diên xin ra biên chế, về nhà máy xi măng làm công nhân, rồi chuyển hẳn sang làm hợp đồng cho ngành giáo dục. Tôi bị tù 5 năm. Vũ Bảo sau bao năm lao đao vì Sắp cưới*, gượng lại được với phương châm chiến lược “mãi cũng tới bờ”* (*Sau Sắp cưới, không nơi nào in cho Vũ Bảo nữa. Rất nhiều năm sau Nhà xuất bản Phụ nữ đã mở đầu, in cho anh tập truyện Mãi cũng tới bờ, Vũ Bảo kêu lên sung sướng: “Mãi cũng tới bờ”), Nguyễn Trí Tình chuyển sang ngành thông tin, Tất Vinh phải đổi

tên là Hồng Dương từ phương án ba bông hồng* (* tên một tác phẩm của Tất Vinh) định đi lên bồng chét đột tử. Cũng có thể đánh vài dấu chấm lửng ở đây.

Tôi về Hải Phòng, chuyển hẳn từ Hà Nội về Hải Phòng. Lẽ ra tôi không nên làm như vậy. Lẽ ra ở thủ đô rồi hãy cứ sống mãi với thủ đô* (* tên một tác phẩm của Nguyên Huy Tường) thì cuộc đời tôi đã đổi khác rồi. Tôi đã tin như vậy và ngày càng tin như vậy.

Nhưng tránh không khỏi số. Bè bạn tôi nói thế. Tôi cũng tin như thế. Để có thể có một niềm an ủi. Hơn nữa chẳng phải một mình tôi. Nghĩ đến những bất hạnh của bè bạn, mình cũng thấy vui đi nỗi khổ của mình, dễ sống hơn. Tôi về Hải Phòng vì đây là quê tôi, vì Hải Phòng là một thành phố công nghiệp, đầu mối giao thông vận tải lớn nhất miền Bắc, thành phố của giai cấp công nhân với truyền thống đấu tranh và đau khổ, thành phố xi măng, thành phố cảng nhìn ra biển. Sinh ra tôi đã có Hải Phòng (thơ văn Cao). Đảng kêu gọi chúng tôi hãy thâm nhập cuộc sống để viết. Cuộc sống anh hùng, sáng tạo, thay da đổi thịt từng giờ, ở đó những con người mới xuất hiện đang chờ chúng tôi miêu tả. Sô-lô-khốp sống cả đời ở một làng ven sông Đông. Glát-cốp viết Xi măng. Triệu Thụ Lý hẳn là một nông dân thực thụ. Đó là những vòm trời của tôi và của thế hệ tôi.

Từ biệt báo Tiền Phong, từ biệt Hà Nội, tôi về báo Hải Phòng. Châu Diên còn hăng hái hơn tôi. Anh xin ra biên chế, đi khỏi Hà Nội, xa vợ xa con, về Hải Phòng làm công nhân lò nung nhà máy xi măng. Khát vọng hẳn là lớn lắm.

Tôi đã sang xi măng nhiều lần. Nhà máy nằm trong phạm vi tôi theo dõi, đưa tin viết bài. Tôi đã tới lò nung, nơi Châu Diên làm việc. Những chiếc lò đang vận hành. Những chiếc lò tấp để sửa chữa. Gạch chịu lửa. Từng đồng dây xích đang được anh em công nhân mắc vào ruột lò. Nhìn qua tấm kính

xanh vào trong lò đang quay, lưỡi lửa phun dài cuộn cuộn. Cơ lạnh ke từng đông, rắn như đá nhỏ và sắc cạnh. Bao trùm lên tất cả là hơi nóng. Cái nóng ngàn độ từ các lò toả ra. Không ai có mồ hôi. Mồ hôi bốc hơi ngay khi vừa rịn trên da. Mặt ai nấy khô cong và quần áo thì dòn như bánh đa.

Tôi cố giấu vẻ ái ngại nhìn Châu Diên. Vóc người anh loẻo khoẻo. Da mặt xám. Môi khô và như hơi tím tím. Tôi kính phục quyết tâm của Toàn (tên thường gọi của Châu Diên). Hơn ai hết, tôi mong, tôi hy vọng Châu Diên sẽ có một tác phẩm lớn về xi măng, không hơn thì cũng phải bằng Glat-cốp.

Tôi sợ rằng Châu Diên không chịu đựng được lâu hơn nữa. Nom anh càng gầy. Hình như anh buồn. Anh lại hay uống rượu.

Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa thấy Châu Diên viết gì về xi măng. Có lẽ muốn viết phải đứng xa xa một chút chẳng. Châu Diên thì lại ở gần quá. Ngay trong đó. Ngụp lặn. Phải télé-amour cơ (tình yêu từ xa - chữ do Vũ Thư Hiên sáng tạo ra. Có thể dịch là viễn ái). Télé-amour thì mới lãng mạn có cánh bay được. Tôi về Hải Phòng và với cương vị một người làm báo, tôi đi nhiều nơi. Tôi không bị trói và cái lò nung nóng trên ngàn độ như Châu Diên. Tôi télé-amour. Tôi lãng mạn có cánh bay. Tôi không hiện thực nghiêm khắc. Càng không hiện thực trần trụi.

Và tôi càng yêu thành phố Hải Phòng, tình yêu ấy sẽ không bao giờ phai nhạt. Nó chỉ chín chắn hơn lên, trầm tĩnh hơn lên, thực tế hơn lên, nhiều mặt, nhiều vẻ, nhiều màu hơn lên, cho dù đời tôi có nổi chìm thế nào chẳng nữa.

Ở Hải Phòng tôi đã gặp Nguyên Hồng, gặp biển. Và tôi đều quên cuộc gặp gỡ đầu tiên với cả hai. Nói cho đúng ra, về Hải Phòng tôi mới được gặp biển, còn với Nguyên Hồng tôi đã gặp từ lâu, một cách nói: trước đó tôi đã đọc Những ngày thơ ấu. Thật ra ngày ấy quyển truyện không để lại trong tôi ấn tượng gì sâu sắc lắm. Nhưng không hiểu sao cái câu “Hồng, mày lên

đây!” cứ vang mãi bên tai tôi. Sau này khi ngoài ba mươi tuổi, bị bắt giam trong xà lim, nhớ đến Nguyên Hồng, tôi lại thấy vang lên câu nói ấy. Nó gắn liền với những ngày thơ ấu của tôi, thời vòm trời cũng khác, gió thổi cũng khác, cánh đồng trước cửa cũng khác. Trời xanh hơn bây giờ. Trăng đẹp hơn bây giờ. Mảnh vườn nhỏ là mệnh mông. Cây chay, cây nhãn rợp tán lá như những cây cổ thụ.

Chúng tôi vào bếp, nung dùi đỏ, dùi lỗ những thanh tre khói bốc ngùn ngụt để đóng những cái chuồng chim to rất đẹp rồi vặt những bông hoa dâm bụt đỏ chói bỏ vào lồng. Cửa lồng có gài bẫy. Chúng tôi treo lồng lên đỉnh cây khế, nơi lá khế thưa hơn, chim dễ nhận thấy những chùm hoa đỏ của chúng tôi hơn, và chờ chim vành khuyên bay tới. Chim vành khuyên hay đi đàn và bao giờ tiếng hót của chúng cũng bay tới trước.

Chúng tôi chúm môi huýt, bắt chước tiếng hót chim vành khuyên. Bùi Đức Hạnh bắt chước như hệt: Đàn chim nghe tiếng hót gọi, lại nhìn thấy những bông hoa đỏ, sà xuống ngay. Chúng sa bẫy. Thật là những giờ phút tung bừng. Nấp ở những cây gần đấy, chúng tôi tụt xuống, chạy tới góc khế, leo lên... Những con chim vành khuyên nhỏ nhoi, bóng mượt, màu vàng ngả màu lá mạ, có những tròng mắt rất đẹp được chúng tôi vô cùng yêu quý và chăm nom hết sức mình. Mặc dầu vậy, chúng đều có một kết cục bi thảm giống nhau: cái chết. Chúng tôi lại giăng bẫy một mẻ khác. Rồi chúng tôi chơi chu chi chu chít, đi trốn đi tìm, chui nấp cả trong cây hương mà anh tôi cả quyết đã có lần trông thấy hai vợ chồng con rắn có mào. Chúng tôi mò hôi nhẽ nhại đá bóng bằng quả bóng rưng trong sân. Và chúng tôi đọc sách.

Tủ sách còm cõi của chúng tôi. Bố tôi có công việc sang Phòng(Hải Phòng, cách gọi của những người dân ngoại thành) thường không quên mua cho chúng tôi quyển sách. Những chuyến đi hiếm hoi nên những quyển sách cũng hiếm hoi. Tôi còn nhớ tên từng quyển sách. Loại sách Hồng như Lên

cung trăng, Hạt ngọc. Rồi Con chó hai đầu, Những thảm kịch bên kia dãy núi Trường Sơn, Chuyện ngụ ngôn của La-phông-ten. Chuyện kể của Perôn. Chúng tôi ngón cả sách trinh thám, kiếm hiệp. Đôi mắt thần, Lệ Hằng phục thù, Long hình quái khách.

Riêng quyển Long hình quái khách chúng tôi đọc tập thể. Cứ đến đoạn Long hình quái khách xuất hiện, tất cả cùng rên lên: “Long hình quái khách xuất hiện ư ư ư”. Dễ hiểu rằng Những ngày thơ ấu chẳng gây được một ấn tượng gì đặc biệt trong đầu óc quá non nớt của một cậu bé con còn ham chạy nhảy nghịch ngợm như tôi. Thế mà cái câu Hồng, mày lên đây! mà tôi vẫn đinh ninh là Hồng - Lên đây tao bảo! lại cứ còn mãi trong tôi.

Đó là sự thật.

Khi tôi ở báo Tiền Phong, Bì vô được tái bản. Rồi tôi được đọc lại Những ngày thơ ấu. Những tên sách tôi được nghe nói đến rất nhiều. Những quyển truyện, những sáng tác đã trở thành một bộ phận khăng khít của nền văn học Việt Nam. Không thể hình dung nền văn học nước ta lại không có nó.

Vẫn cùng một quyển sách nhưng mỗi thời gian ta đọc ta lại cảm thấy nó khác nhau. Những ngày thơ ấu khi tôi đọc ở báo Tiền Phong đã hoàn toàn chinh phục tôi. Cho đến bây giờ tôi vẫn giữ ý kiến cho rằng đây là tác phẩm hay nhất của Nguyên Hồng. Một tác phẩm như Thạch Lam đã nói: “ghi lại những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại”. Và Vũ Ngọc Phan thì cho rằng khi viết quyển truyện này, Nguyên Hồng đã “trút bỏ hết những thành kiến”, “đặt mình lên trên tất cả dư luận”.

Còn một nhà phê bình thì nói rằng với Những ngày thơ ấu Nguyên Hồng “đã đạt tới cái tầm chân thực mà thường chỉ các nhà văn Anh hay nhà văn Nga mới đạt tới. Làm sao các đồng nghiệp đương thời khỏi sững sốt về cái khả năng chân thực ghê gớm mà cũng là cái gan góc tự do kiểu ấy? Các thế hệ sau còn sững sốt nữa!”. Nhân đây cũng xin phép được nói lạc đề một suy

ngữ của tôi. Hình như “cái khả năng chân thực ghê gớm”, “cái gan góc tự do kiểu ấy” của Nguyên Hồng về cuối đời ít dần đi, cả trong con người lẫn trong tác phẩm.

Tôi đọc Bỉ vỏ lần đầu cũng vào thời gian ấy. Quyển truyện làm tôi sững sờ. Cuộc sống thật khốc liệt. Đáng thương biết bao những kẻ ăn cắp, những tên anh chị, đâm chém người không ghê tay. Nhân chi sơ tính bản thiện. Nhưng vì hoàn cảnh xô đẩy, nó có thể trở thành dã thú. Tôi sững sờ vì tập tiểu thuyết đó được viết khi Nguyên Hồng mới mười sáu tuổi. Đó thực sự là nhà văn của những người đau khổ. Mười sáu tuổi, Nguyên Hồng đã có cái nhìn thấu đáo vào nguyên nhân tội ác, là trạng sư bào chữa cho lớp người cặn bã, bị khinh bỉ, bị lên án, làm đảo ngược những nhận định của xã hội về họ, những nhận định đã thành quy tắc, thành luân lý. Nguyên Hồng quả là nhà văn của những người dưới đáy. “Đóng góp có ý nghĩa của tác phẩm trước hết là đã vạch ra được một cách đúng đắn những nguyên nhân xã hội đã đẩy những người dân nghèo ngày trước vào con đường lưu manh hoá. Tám Bính, một cô gái quê trong sạch, hồn nhiên, sở dĩ trở thành một gái điếm, một Bỉ vỏ là do tính chất lang sói đều giả của bọn cường hào ở thôn quê, bọn nhà giàu thành thị, do chế độ cảnh sát bắt công vô lý liên kết với nạn buôn thịt bán người được dung túng khắp nơi trong xã hội cũ. Nhưng chủ đề Bỉ vỏ không chỉ có thế. Tư tưởng nhân đạo sâu sắc của tác giả còn thể hiện ở chỗ qua nhân vật Tám Bính, khẳng định những phẩm chất tinh thần cao quý của người phụ nữ lao động cho dù thể xác có bị đẩy đoạ vào giữa bùn lầy, rác rưởi”. Tổng tập Văn học Việt Nam đã nhận định như vậy.

Tôi nghĩ có lẽ cần bổ sung: Những bài học của Bỉ vỏ vẫn còn nguyên giá trị thời sự. Nguyên Hồng vẫn là nhà văn của hôm nay. Nguyên Hồng còn là nhà văn của ngày mai nữa. Nguyên Hồng hôm nay vẫn đang nói cùng ta, “cái văn Nguyên Hồng vẫn còn rên rĩ” (Xuân Diệu). Mà không chỉ cái văn, trái

tim Nguyên Hồng vẫn còn rên rỉ. Vậy là tôi có Nguyên Hồng, một Nguyên Hồng mà trong lần gặp đầu tiên, Pi-e A-bra-ham, chủ nhiệm tạp chí Châu Âu đã gọi là Người của đất. Nguyên Hồng trở thành một phần cuộc sống của tôi. Tôi quen với Bỉ vỏ, Những ngày thơ ấu, tôi quen với tác giả của nó, một người xuề xoà, da nâu, đậm đậm, cặp mắt tinh anh, nheo lại mỗi khi có một ý tình nghịch, hóm hỉnh nào đó mới nảy sinh và sắp nói cùng tôi.

Vậy là tôi có biển, biển làm tôi mê hoặc bởi sự vô cùng, bởi màu xanh đậm đặc, bởi công việc vĩ đại mà biển làm hàng triệu năm không mỏi mệt, không ngừng nghỉ: Nổi sóng. Về Hải Phòng, tôi đi biển nhiều lần. Với tôi đó thực sự là những ngày hội cho dù có lần đã gặp cả bão tố. Đỗ An Bình, người có tên An Bình mà chẳng mấy an bình trong đời tư cũng như trong công tác, ngày ấy vừa tốt nghiệp trường kỹ thuật giao thông, về làm bí thư đoàn ty Hải đăng, sau này đổi tên thành ty Bảo đảm hàng hải, từ một cộng tác viên đã nhanh chóng trở thành người bạn thân thiết của tôi.

Tôi cứ đặc ý mãi về việc tôi chuyển hẳn về Hải Phòng chính là ở điểm này. Hải Phòng là miền Bắc thu nhỏ. Hải Phòng có nông thôn, có công nghiệp nàng mà tiêu biểu là nhà máy xi măng nổi tiếng và duy nhất trên miền Bắc, Hải Phòng có cảng, có biển, có tàu, có những cây đèn biển...

Không như khi còn làm phóng viên báo Tiền Phong ở Hà Nội, hàng năm trời mới trở lại địa bàn công tác cũ, tại đây tôi duy trì thường xuyên sự liên hệ với các cơ sở, tôi xây dựng một tình bạn thực sự với những người đang lăn lộn ở các cơ sở. Tình bạn giữa tôi với Đỗ An Bình trải qua bao sóng gió, ngày càng bền vững. Khi tôi bị bắt, anh cũng bị gọi hỏi nhiều lần.

Trong việc trả lời cơ quan an ninh, anh luôn trung thực. Nhà tôi lúc đó ai cũng sợ hãi xa lánh, nhưng khi vợ tôi đẻ, anh vẫn mang thịt đến cho. Một ki lô thịt lợn ba chỉ giờ đây chẳng ai mang cho bà đẻ, nhưng ngày ấy là nguồn động viên tinh thần, là sự bồi dưỡng sức sống. Thịt ăn hết đã lâu, nhưng tình

còn đó cho đến tận bây giờ. Ngày ấy Bình đã hiểu ngay lực hấp dẫn của biển đối với tôi lớn như thế nào. Anh bố trí cho tôi đi ra các nhà đèn luồng Nam Triệu. Tôi đã ở nhà đèn A-ray-ô, tôi ra đèn A-van. Tôi nhìn về cây đèn Cút. Phùng Văn Bằng bắt cá làm mỗi câu cá song, cá tráp. Đúng là thời ấy con cá cũng sẵn. Chúng hóng mỗi chỗ nước quẩn ngay cạnh đồng đá học đổ dưới chân nhà đèn. Chỉ một loáng đã được dăm con cá to quật mình trên sàn bê tông. Bằng hỏi tôi: “Đủ bữa rồi đấy nhi?” Và đi mổ cá. Chiều chiều chúng tôi nhìn về phía biển khơi. Chờ những ánh đèn loé ra từ tít chân trời xa ấy, từ chỗ mù mịt trời, biển gặp nhau ấy. Đó là ánh sáng Long Châu, cây đèn xa nhất. Lúc ấy biển xám dần. Chân trời hoàng hôn đỏ. Những con sóng phía tây gợn gợn màu vàng yếu ớt kia gợi nhớ một cánh đồng chiều, khói lam quện cùng sương, một bữa cơm lên đèn xum họp...

Bằng ngồi bên tôi. Anh nhìn về phía chân trời. Vẽ mặt anh khắc khổ. Ngôi sao hôm hiện trên bầu trời. Anh không nhìn những cánh buồm đang rong ra khơi. Anh không nhìn những con sóng vẫn đều đều một nhịp quanh nhà đèn. Còn biển phía xa thì phẳng lại vì không nom rõ những gợn sóng nhấp nhô. Anh cũng không nhìn những ngôi sao nhỏ khác đã bắt đầu lấp lánh. Hình như anh đang tìm một cái gì không có ở đây. Một cái gì không có ở biển. Anh đang nghĩ gì? Tôi không dám hỏi. Cho đến khi ánh đèn Long Châu chớp loé, anh lăm bắm một mình như không có tôi ở đó: “Long Châu sáng rồi!” và anh vào nhà sắt nối dây điện vào hai cực ắc quy. Chúng tôi cùng ngửa mặt nhìn lên chiếc bóng đèn thuỷ tinh hình mang cá trên nóc nhà sắt đang toả ra những làn ánh sáng còn chưa rõ hình khối trong lúc nhập nhoạng. Chiều nào Bằng cũng đắm đắm nhìn về phía Long Châu bắt đầu toả sáng. Và tôi cũng nhìn về đấy. Nhìn về cây đèn cách bờ non trăm hải lý. Tôi hiểu rằng đối với những người gác đèn trong này, Long Châu luôn là nguồn động viên khích lệ. Những người gác đèn tìm về ánh sáng Long Châu như

tìm về những điều tốt đẹp nhất của lòng mình.

Thế rồi Đỗ An Bình lại tổ chức một chuyến đi tới Long Châu. Đã bao đêm tôi ngắm nhìn ánh sáng Long Châu xa vời vợi. Giờ đây được gặp. Con tàu thẳng hướng ra khơi. Biển chuyển màu, tím sẫm. Vùng biển có độ mặn cao. Sóng dựng. Núi đá Long Châu uốn lượn như một chiếc khayên vàng mà chỗ xuống chúng tôi vừa mới vượt qua chính là cái kẽ hở bám vào vành tai thiếu nữ. Một mặt hồ phẳng như gương hiện ra trước mắt tôi. Một mặt hồ phẳng như gương giữa vách đá dựng thành, chung quanh biển luôn còn sóng. Viên quanh hồ là một dải cát trắng phau, nổi bật giữa màu xanh tươi trẻ của nước biển và màu xanh tuổi tác nghiêm nghị của đá rắn.

Tôi đặt chân lên con đường dốc rải toàn san hô dẫn tới trụ đèn cao vời vợi, bụng nghĩ: Chính ở đây chứ không phải một nơi nào khác đã phát ra những tia chớp sáng mà ở trong kia mình đã bao chiều nhìn ngắm, chờ đợi. Và cũng lúc ấy, lúc đang leo dốc, ngược nhìn tháp đèn Long Châu sừng sững trước mặt, tôi nghĩ đến Nguyên Hồng. Cuộc gặp gỡ của tôi với Long Châu sau bao chiều từ Nam Triệu nhìn ánh sáng của nó cũng giống như tôi gặp Nguyên Hồng, sau khi đã đọc Bỉ vỏ, Những ngày thơ ấu, Buổi chiều xám, Người đàn bà Tàu, nay được gặp nhà văn bằng xương bằng thịt.

Một thời để mất

1.

Tôi có thể khẳng định một điều là trong những năm tháng tốt đẹp ấy, lần nào về Hải Phòng, Nguyên Hồng cũng lại nhà tôi. Tôi nghĩ do nhiều nguyên nhân. Có thể anh quý mến vợ chồng tôi. Anh tìm thấy ở tôi một người đối thoại thuộc một thể hệ khác mà anh cần tìm hiểu. Vợ tôi lại sẵn sàng vui vẻ dọn một bữa rượu xoàng xĩnh để anh vui. Có thể vì chúng tôi ở riêng, hai vợ chồng làm chủ một căn buồng thoáng mát rộng hơn hai mươi mét vuông, mà

anh lúc nào cũng là thượng khách. Có thể anh thấy tôi viết lách cũng tạm tạm, bè bạn tôi là những người đối thoại được cùng anh. Đạo ấy Nguyên Hồng vừa mất chức chủ bút tuần báo Văn mà Nguyễn Công Hoan làm chủ nhiệm. Sau Nhân văn, có hai người được tin tưởng sang trấn giữ hai cửa ải quan trọng nếu không nói là quan trọng nhất: Hà Minh Tuân làm giám đốc nhà xuất bản Văn Học, Nguyên Hồng làm chủ bút báo Văn, cơ quan của Hội nhà văn. Thuở ấy nào tôi đã biết gì. Tôi chỉ biết báo Văn có nhiều lệch lạc. Đăng Nhật ký người mẹ của Lê Minh, Một giọng đàn một dòng sông của Hoàng Yến, Lời mẹ dặn của Phùng Quán, Xiếc khỉ của Quang Dũng, ông Năm Chuột của Phan Khôi. Cả truyện Đồng máy của ai đó nói máy móc để rì, để hồng hàng đồng ngoài trời?

Một tờ báo lớn đã nói rất hình ảnh: Trước chữ Văn, ta thấy chữ Nhân lộ ra. Rất tình cờ may mắn, trong khi lục những tài liệu liên quan đến Nguyên Hồng, tôi tìm được một tập sách xuất bản từ năm 1957 (Nguyễn Đình Thi - Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong Văn nghệ, Nhà xuất bản Văn hoá, 1957) nói rất kỹ những sai lầm của báo Văn và của Nguyên Hồng. Xin trích: Trên báo Văn, một bài của Nguyên Hồng viết trả lời Thế Toàn đã nêu lên một số phương hướng của tờ báo. Nguyên Hồng viết “Con người thời đại không phải là một hình ảnh khổng lồ vẽ ra. Phản ánh con người thời đại xây dựng con người thời đại không phải là dệt con người thành một trái tim khuôn sáo, dập xương thịt, tâm hồn và trí tuệ mọi người trong những cái trống rỗng, công thức, một chiều và máy móc. Văn soi nổi như thế Nguyên Hồng đã nói về ý thức con người thời đại như sau: “Sự sáng suốt, khoa học của thức con người thời đại là ngay cả trong những hình thái sinh hoạt bình thường của cuộc sống cũng gạn chắt được những nét đậm đà thẩm thiên, rút ra được ý nghĩa làm cho cuộc sống phong phú hơn, cần phải bảo vệ hơn, cần phải xây dựng tốt đẹp thêm”.

Tới đây chúng ta đã đi vào chính giữa vấn đề. Trước hết tôi không thấy lúc nào Nguyên Hồng đặt ra câu hỏi: Con người mới của thời đại là ai? Mà đây là vấn đề quyết định tất cả. Chắc rằng tác giả Bỉ vô, Những ngày thơ ấu, và tác giả Địa ngục, Lò lửa đồng ý với tôi như vậy.

Con người, theo quan điểm của chúng ta, trước hết là con người lao động. Tất cả đời sống vật chất và tinh thần của nó là do lao động tạo nên. Con người của thời đại chúng ta hiện nay là con người lao động mới, con người lao động lần đầu tiên đứng lên làm chủ đời sống, rũ bỏ tất cả những gì ăn bám vào lao động và trói buộc lao động, giải phóng cho sức lao động vô cùng của loài người về vật chất và tinh thần. Ý thức của con người. mới ấy trước hết là ý thức lao động chủ động và tự giác, là ý thức luôn luôn sáng tạo, là luôn luôn phấn đấu để thay đổi đời sống chung quanh từ cái lớn đến cái nhỏ, làm cho đời sống tốt đẹp hơn, “người” hơn. Ý thức của con người

mới là lòng yêu cuộc sống, yêu đời nước do lao động tạo nên, là lòng tin ở khả năng vô cùng của lao động và của những người lao động, và đó là ý thức cách mạng.

Gạn chặt trong sinh hoạt bình thường những nét đậm đà thấm thiết, con người mới của ta rất quý. Điều đó rất trân trọng với mỗi cái đẹp của chính mình làm ra, nhưng trước hết con người ấy xắn tay làm việc để giành lấy sự sống và nhào nặn cuộc sống cho đẹp hơn, tốt hơn. Và theo tôi, nếu không góp sự khó nhọc của mình vào với mọi người để xây dựng cuộc sống mà chỉ ngồi gạn chặt lấy những nét đậm đà thấm thiết của cuộc sống không thôi thì đó lại là cách sống của bọn ăn bám cũ.

(...) Gạn chặt trong sinh hoạt bình thường những nét đậm đà thấm thiết, Nguyên Hồng nói như thế và đã lầm vì đó mà khen ngợi đề cao cả những sáng tác biểu hiện một con người không lao động phần đầu mà chỉ đi tìm cách gạn chặt trong những sự ăn mặc, ngủ, yêu đi chơi, giao thiệp với bè bạn, đối xử với vợ con v.v... đủ thứ ý nghĩa hoặc nét đậm đà thấm thiết nào, con người đi gạn chặt ấy cũng không thể tìm thấy những nét, những ý nghĩa thực và lớn của đời sống được, mà xét đến cùng nó chỉ tự rút ruột ở sự gạn chặt “tâm hồn”, “xúc cảm” riêng lẻ nhỏ bé của nó mà thôi. Đó là con đường nghệ thuật nào nếu không phải là con đường nghệ thuật cũ, rất cũ? Tôi không thể công nhận sự định nghĩa của Nguyên Hồng về con người thời đại và ý thức con người thời đại, vì nó đã bỏ quên mất cái gốc của đời sống nghệ thuật. Nó lập lờ bào chữa và che giấu cho khuynh hướng tách rời lao động và những con người lao động, tách rời cuộc đấu tranh cách mạng và quần chúng cách mạng, tách rời cái sự thực và ý nghĩa căn bản nhất của đời sống con người. Chính cái quan niệm lẫn lộn của Nguyên Hồng là chỗ nấp cho cái khuynh hướng đang làm cho khá nhiều sáng tác đăng trên báo Văn đi trệch đường”.

Xin bạn đọc lượng thứ cho tôi vì những dòng trích dẫn khá dài này. Tôi muốn thanh minh cho Nguyên Hồng về việc anh quyết định bỏ tất cả, rời gia đình về Yên Thế.

Rất nhiều người sau khi lên ấp Cầu Đen (Yên Thế) thăm anh và sau khi anh mất, thăm gia đình anh, đều thương cảm về cuộc sống nghèo khó của gia đình anh. Đoàn Min, Thọ Vân mang tiền nhuận bút tái bản Bỉ vỏ lên. Cảnh nhà anh lại càng heo hút vì anh đã qua đời. Hai người ngồi chờ trong cảnh hoang hôn của một vùng quê, cho tới khi con dâu anh về.

Tôi đã nghe nhiều người nói về sai lầm của anh khi anh đưa vợ con từ bỏ Thủ đô về Yên Thế. Nhưng tôi hiểu được anh, hiểu cách xử sự của anh trong lúc đó. Một cách xử sự của kẻ sĩ mà thế hệ chúng tôi rất ít được chứng kiến và gần như không còn nữa.

Trong Cát bụi chân ai, Tô Hoài có thuật lại những ngày sóng gió ấy của

Nguyễn Hồng. “Nguyễn Hồng ôm một chồng báo Văn từ số 1 đến các cuộc họp được tổ chức để phê phán anh. Nguyễn Hồng từ từ, cẩn thận, trịnh trọng đặt tập báo trước mặt. Nguyễn Hồng nói:

- Tôi làm báo không kể giờ giấc, không quản thức đêm thức hôm, tôi bỏ hết sáng tác, cố làm cho kịp. Suốt tuần, tôi bận bịu về nó hơn con mọn, bỏ ăn bỏ uống vì nó... thế thì làm sao tôi lại có thể sai... Tôi đấu tranh thực hiện đường lối văn học nghệ thuật của Đảng... Tôi hết tâm hết sức vì nó, tôi không thể, tôi không thể...

Như người ộp đồng, không biết đường còn tỉnh hay đã mê. Nguyễn Hồng để một tay lên chồng báo, to giọng đến bật khóc, vừa méo mào vừa nói tiếp, nước mắt rùng rùng, hai tay mân mê xốt xa vuốt mép báo”(Tô Hoài - Cát bụi chân ai).

Hết lòng vì báo thì không thể mắc sai lầm. Đúng là lý lẽ cùng đường. Nhưng có một điều Nguyễn Hồng nói đúng: Anh đấu tranh thực hiện đường lối văn học nghệ thuật của Đảng, anh đấu tranh chống sự sáo rỗng một chiều, máy móc, anh muốn mọi người yêu cuộc sống từ những nét bình thường nhất của nó. Anh muốn báo Văn phản ánh chân thực xã hội, không chỉ có ánh sáng mà còn bóng tối.

Báo Văn đóng cửa. Nguyễn Hồng mất chức. Nguyễn Hồng đã đi đến một quyết định ghê gớm: Chuyển tất cả gia đình từ Hà Nội về Nhã Nam. Nguyễn Hồng nói với Tô Hoài: “Ông đéo chơi với chúng mày nữa. ông về Nhã Nam”.

Ở Hà Nội Nguyễn Hồng đã có nhà. Vợ anh đi làm cho Nhà nước, ở hiệu sách Nhân dân. Các con anh đang học tại các trường Hà Nội. Gia đình đang được hưởng toàn bộ tem phiếu cung cấp. Rời Hà Nội là mất tất cả. Sau này khi quen Nguyễn Hồng, biết được sự túng bấn ám ảnh anh, mang máng đoán được cuộc sống khó khăn của vợ anh, một phụ nữ gầy yếu, đàn con tuổi học trò xoay xoay trứng gà trứng vịt của anh, hơn một lần nghe anh thổ lộ niềm ao ước có sổ gạo cho cả gia đình, tôi vừa thương, lại cũng vừa trách anh.

Nhưng tôi kính phục hành động ấy

Trong tập Nguyễn Hồng - Cát bụi và ánh sáng có mục Niên biểu Nguyễn Hồng sưu tầm rất công phu, chi tiết, năm nào bỏ mất, mẹ đi bước nữa, năm nào gặp Như Phong, gặp Tô Hiệu, năm nào phụ trách báo Văn, năm nào về thăm quê Nam Định... nhưng theo tôi, thiếu mất một điểm quan trọng, cần phải bổ sung đó là năm nào Nguyễn Hồng rời cả gia đình từ thủ đô về Yên Thế. Nếu đó không là cái mốc quan trọng đối với nhà văn thì cũng mang một ý nghĩa về mặt quản lý kinh tế mà hiện nay chúng ta rất quan tâm.

Nguyễn Hồng, bằng hành động của mình, một cách không tự giác, là nhà văn chống bao cấp đầu tiên ở nước ta.

Vợ con trở lại ấp Cầu Đen, Yên Thế. Nguyên Hồng về nhà máy xi măng. Anh tìm sự yên ổn, sự động viên, lòng yêu đời, yêu cuộc sống ở nhà máy xóm thợ, ở Hải Phòng, thành phố đã khai sinh ra anh với tư cách nhà văn. Anh về Hải Phòng để nạp thêm năng lượng, chuẩn bị bộ Cửa biển anh hằng ấp ủ và hơn lúc nào hết anh phải thực hiện, bộ tiểu thuyết đồ sộ nhất của anh và cũng là bộ tiểu thuyết đồ sộ nhất của nền văn học nước ta. Bộ tiểu thuyết của đời anh, bộ tiểu thuyết thể Đảng, câu trả lời của anh với những kẻ cơ hội, lời thanh minh của anh về tấm lòng của mình đối với cách mạng. Hải Phòng đã không phụ bạc anh. Chưa bao giờ Hải Phòng phụ bạc anh. Hải Phòng đón anh với tất cả tấm lòng. Hải Phòng lại tiếp sức cho anh. Chắc hẳn những nhân vật trong Sóng gầm, những cụ Ước, cụ Cam, Gái Đen, mẹ La, bố con Dân... đã được nghiền ngẫm, định hình rõ nét hơn trong thời gian ấy.

Cơ quan tôi làm việc khi đó có tên là Hải Phòng kiến thiết. Nhưng những người dân Hải Phòng ít khi gọi đúng tên ấy. Thường gọi tắt: Báo Kiến thiết. Cũng có khi gọi dài, nhưng gọi ngược, Kiến thiết Hải Phòng. Về thói quen thích làm ngược lại những qui định này của dân, chú em họ tôi, một nông dân hay ra tỉnh đã tổng kết rất tài “Dân ta thích làm ngược bác ạ. Chỗ nào đề cấm họp chợ thì họ họp chợ. Chỗ nào đề cấm đá thì họ đá...”

Làm báo Kiến thiết dạo đó rất vui. Vui vì thành phố có phong trào. Nổi lên như sóng cồn là nhà máy cơ khí Duyên Hải với hội thao diễn kỹ thuật đã trở thành “sóng Duyên Hải” trong công nghiệp, cùng với “gió Đại Phong” trong nông nghiệp, và phong trào “Ba Nhất” trong quân đội trở thành ba ngọn cờ thi đua của cả nước. Người gác đèn biển Phụng Văn Bằng được tôi thể hiện trong một bài ký dài với tất cả lòng yêu mến đăng trên báo Kiến thiết. Bài báo ấy được báo Nhân Dân đăng lại. Anh trở nên nổi tiếng và được tuyên dương anh hùng lao động. Tôi ngồi lia cho xong cái truyện ký về anh theo yêu cầu của Sở văn hoá Hải Phòng, để in cho kịp, có sách ra trong dịp bế mạc đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc, thành phố tổ chức lễ đón anh hùng từ Hà Nội trở về. Cái bản viết của tôi không chỉ có mình tôi. Tôi ngồi đầu bàn bên này. Dương Tường ngồi đầu bàn bên kia. Dương Tường dạo ấy làm phóng viên Việt Nam thông tấn xã, bỏ ra nửa cái phép năm về Hải Phòng viết Thuyền trưởng, truyện ký về anh hùng lao động Hồ Xuân Tuyên, thuyền trưởng một đôi tàu đánh cá. Chúng tôi mặc cả với nhau là không nói chuyện, chỉ được hút thuốc lá và uống chè. Nhưng quy định ấy luôn bị phá vỡ. Thấy Dương Tường tùm tùm cười một mình và đã mấy lần nhìn tôi, chờ tôi bắt chuyện, đại loại như một câu hỏi: Có cái gì mà thích thế? Là anh sẽ xỏ ra những ý nghĩ vừa đến trong đầu hay những dòng mới viết, tôi lại làm ra bộ chăm chú vào bản thảo của mình. Dương Tường buông

bút không viết nữa. Anh ngồi thẳng người trên ghế châm thuốc lá, nhìn tôi và vẫn cứ mỉm cười một mình như vậy. Rồi không chịu được, anh giăng bút của tôi:

- Viết gì mà gớm thế. Dễ được năm chục trang rồi chứ ít à? Nghe tý đã. Tao vừa nghĩ ra được đoạn này đây.

Và anh đọc “Anh Hồ Xuân Tuyên ơi? Có thể có những điều tôi đã nói quá lên khi viết về anh. Đây cũng chỉ là do lòng tôi yêu mến anh mà thôi...”

Tường cười phá lên, rất khoái chí:

- Mày thấy không? Tao công khai nhận là tao bịa.

Thỉnh thoảng Nguyên Bình sang. Anh nhìn hai chúng tôi đang chăm chỉ.

Lặng lẽ rót nước. Hút thuốc. Rồi đứng giữa nhà, anh gân cổ ngửa mặt lên trời ca vọng cô:

“Em ơi! Ba mươi hai năm, ba mươi hai lố ố ối chúng đưa làm lủi ơ ơ ơ ở ơ ơ. Thời gian như một cái ơ ơ ơ nhìn ơ dà à à àng!

Cả hai chúng tôi đều phải buông bút.

Tôi đứng dậy ca tiếp:

Tôi dẫn phi - tôi, dẫn lạc lối ngoài...

Tường cười phá:

- Tuyệt thật?

Anh đã nhận ra đó là những câu thơ của anh, nói đúng ra là những ý thơ đầu tiên của anh, nó sẽ được hoàn chỉnh và có tựa đề Sinh nhật, mấy chục năm sau in trong tập 36 Bài tình, cùng với Lê Đạt, tập thơ gây khá nhiều dư luận khen, chê:

Em ơi

Ba mươi hai năm

Ba mươi hai lố chân đưa

lầm

lủi

Thời gian như một cái nhìn vàng

Tôi vẫn phi - tôi

vẫn lạc lối hoài trong một im lặng trầm hình đa giác...

Sau này mỗi khi lên Hà Nội, rủ Nguyên Bình tới thăm Dương Tường, hai chúng tôi lại song ca vọng cổ bài này, lần nào cũng được Dương Tường khen:

- Mùi mẫn thật. Mỗi ngày một mùi mẫn thêm lên.

Ngoài Nguyên Bình, còn có Vũ Tín cũng hay sang quấy rối. Vũ Tín là phóng viên nhiếp ảnh, cũng của Việt Nam thông tấn xã, nhưng anh thường trú tại Hải Phòng. Cả gia đình anh sống trong một căn buồng nhỏ ở khu tập thể cơ quan tôi, nghĩa là chỉ cách nhà tôi vài chục mét. Anh mở cửa, mắt lác lờ lác lác:

- Ngoài kia bán thịt không phiếu đấy. Ra mua đi.

Tôi vội quay ra:

- Thật không? Ở đâu?

- Ở cổng chợ Sắt cơ. Tớ vừa mua một cân xong. Vội sang đây bảo cậu. Nó chỉ bán cho mỗi người một cân thôi.

Tôi nhìn Tín nghi hoặc. Về mặt Tín nghiêm chỉnh nhất đời.

- Có đông người xếp hàng không?

Tôi vốn rất sợ xếp hàng. Nhưng Tín bảo:

- Lúc mình mua thì vắng thôi. Chắc người ta chưa biết.

Vậy là phải đi ngay. Phải ngừng mọi chuyện văn chương chữ nghĩa lại mà đi ngay. Tôi bảo Dương Tường:

- Ở nhà nhé.

Và xách túi đi. Chỉ chờ có thế, Vũ Tín cười hề hề:

- Gượm đã. Nhưng mà có ăn được thịt chó không đã. Ở đây người ta bán thịt chó? Thịt chó không phiếu!

Tôi bóp cổ Vũ Tín. Anh giãy dụa, rên ư ử:

- Bỏ ra. Người ta nói có sai đâu! Đúng là bán thịt không phiếu mà lại!

Câu chuyện thịt không phiếu kết thúc. Nhưng Vũ Tín chưa chịu buông tha.

Anh chỉ tay vào Dương Tường, người cùng cơ quan thông tấn xã của anh:

- Anh chàng kia? Có về ngay Hà Nội làm tin đi không? Tôi sẽ báo cáo giám đốc Hoàng Tuấn về anh đấy! Trốn cơ quan xuống đây viết văn hử?

Tôi pha trà mời Vũ Tín nhưng anh không uống:

- Thôi. Đi đây. Để các cậu còn viết.

Biết bên nhà tôi có “trại sáng tác”, anh chỉ ghé qua thăm một tí thôi. Chúng tôi cũng mất ít thời gian, nhưng đầu óc được thư giãn, sau đó làm việc tốt hơn.

Chúng tôi lia trong năm ngày. Thuyền trưởng in ở nhà Lao động, ký tên Nguyễn Trinh, tên vợ Dương Tường, cô em gái Tất Vinh. Quyền người gác đèn cửa Nam Triệu của tôi được duyệt rất kỹ. Tôi và nhà thơ Lê Đại Thanh (người của Sở văn hoá) đem xuống ty Hải đăng, đọc cho lãnh đạo ty cùng nghe. Tôi đọc mà toát hết mồ hôi. Chỉ sợ có điều gì trục trặc về “những điều tôi nói quá lên vì yêu anh mà thôi”. Nhưng may. Tất cả đều suôn sẻ. Sở văn hoá in cấp tốc 4000 bản, phát hành đúng buổi mít tinh đón anh hùng vừa được tuyên dương từ Hà Nội về thành phố. Số phận tôi may mắn hơn Dương Tường. Người gác đèn cửa Nam Triệu sau đổi tên thành Người gác đèn biển được nhà xuất bản Thanh Niên tập hợp in chung với mấy truyện ký khác viết về những anh hùng lao động là thanh niên. Tên truyện của Châu Diên được lấy làm tên chung cho cả tập: Sống giữa những người anh hùng. Sách được Trung ương Đoàn Thanh niên phát động học tập trong cả nước. Sống giữa những người anh hùng in ba lần liên tiếp với số lượng 15 vạn bản. Tất nhiên

là nhuận bút nhiều. Châu Diên nói đùa nhưng rất đúng sự thật: Sống nhờ những người anh hùng.

Thế rồi đồng chí tổng biên tập báo Hải Phòng kiến thiết lại bảo tôi:

- Anh Nhân hỏi mình là ở báo có ai viết được văn xuôi không. Mình giới thiệu cậu. Anh ấy cũng có vẻ tin ở cậu. Hình như anh ấy có đọc truyện cậu viết về Phùng Văn Bằng. Mai, đầu giờ cậu sang trụ sở uỷ ban. Anh Nhân gặp.

Tôi sang gặp đồng chí Hoàng Hữu Nhân, chủ tịch uỷ ban kiêm bí thư thành uỷ. Chúng tôi trò chuyện cởi mở, thoải mái về phong trào thi đua, về thành phố, về nhà máy cơ khí Duyên Hải, về những dự định sáng tác của tôi. Đồng chí khen loạt bài tôi viết về nhà máy cơ khí Duyên Hải và sau này trong một cuộc họp thường vụ thảo luận về công tác công đoàn trong xí nghiệp, đồng chí gọi điện mời tôi sang với cương vị là một phóng viên am hiểu tình hình trong các xí nghiệp.

Trong lần gặp gỡ đầu tiên ấy tôi được đồng chí giao viết truyện ký về nhà máy cơ khí Duyên Hải. Thật ra những chuyện, những người trong nhà máy đã nằm trong đầu tôi. Những Trần Đức Lục, những Phạm Duy Tăng, những Đào Xuân Sừng, những Nguyễn Văn Chiến... mang rất nhiều tính chất tiểu thuyết theo như tôi quan niệm hồi đó. Tôi chỉ còn phải lấy thêm tài liệu, đi sâu hơn nữa, hệ thống hoá hơn nữa mà thôi. Có hai thuận lợi: Thứ nhất, hẳn là có sự giao nhiệm vụ của đồng chí bí thư thành uỷ, tôi được là thượng khách của nhà máy, hay nói đúng hơn tôi thực sự là người nhà của nhà máy, được các anh ở nhà máy dành cho những ưu tiên trong sự làm việc, lấy tài liệu. Thứ hai cũng là một điều vô cùng quan trọng: tôi được đồng chí Hoàng Hữu Nhân can thiệp với báo cho nghỉ hai tháng để sáng tác.

Hai tháng để sáng tác. Tôi chưa bao giờ có được một thời gian dài như vậy để chuyên tâm viết văn. Thường là viết tối viết đêm, viết những ngày chủ nhật, những ngày nghỉ. Và bớt xén, ăn cắp thời gian chính quyền, thời gian làm báo để viết. Thì ra ở cơ quan báo chí nào người ta cũng có ác cảm với những kẻ viết văn. Thoát khỏi báo Tiền Phong cấm sáng tác, về báo Hải Phòng kiến thiết này, viết văn bị coi như hành động ngoại tình đáng lên án. Cũng may, đồng chí tổng biên tập cũng ham sáng tác, và đã có một cái truyện ký được in. Về sau lại thêm chị Thuý Nga (mà chúng tôi gọi thân mật là bà Nga) vợ đồng chí Lê Duẩn, một uỷ viên biên tập, người có tâm hồn văn nghệ, viết nhiều bài bút ký trên báo tươi mát và truyền cảm.

Chị Nga rất quý tôi. Chị đưa tôi đọc bản thảo những bài viết của chị để tôi tham gia ý kiến. Phụ trách tuyên truyền khối thương nghiệp, quen biết ngành này nhiều, chị hỏi tôi có cần sổ ưu tiên mua hàng không chị giúp, nhưng tôi không dám làm phiền chị. Hai vợ chồng tôi chỉ có một cái xe đạp công của báo Hải Phòng, hàng ngày tôi đạp xe đưa vợ đi làm rồi lại đạp xe đi đón,

một ngày bốn lần như vậy, lần nào cũng gặp chị trên đường từ văn phòng thành uỷ (chị ở tập thể tại đó) tới báo Hải Phòng hoặc đi ngược lại. Chị cười rất tươi chào chúng tôi khi tôi đang gò lưng đèo vợ ngược chiều với chị trên đường phố Hồng Bàng (nay cũng gọi là phố Điện Biên). Một lần chị bảo tôi, giọng thật thân tình:

- Tán hạnh phúc quá.

Tôi nhìn chị, không biết nói gì. Tôi hiểu chị ao ước cuộc sống của một người bình thường, vợ chồng đèo nhau đi làm, sớm tối có nhau, chia ngọt sẻ bùi. Cuộc sống ấy có những thi vị chính chúng ta không nhận thấy bởi chúng ta chỉ chú ý đến khía cạnh vất vả của nó thôi.

Sau này khi thân với đồng chí Hoàng Hữu Nhân, bí thư kiêm chủ tịch thành phố, tôi cũng đã nói những ý nghĩ trên với đồng chí ấy:

- Anh không thể làm một người bình thường được. Đó là một thiệt thòi. Anh không thể đi bộ lang thang trên phố, ngồi uống một cốc cà phê đá giữa cửa hàng mậu dịch ồn ào hay ăn một bát phở vỉa hè. Tất nhiên chị hay người phục vụ có thể mua về cho anh ăn, nhưng đấy là phở của người ốm, ăn theo kiểu người ốm. Phải ăn ngay ở đây cơ.

Như đã thăm thía điều này từ lâu rồi, đồng chí Hoàng Hữu Nhân gật đầu ngay tắp lự:

- Đúng, đúng. Bọn mình quá thiệt thòi.

Ít ngày sau tôi thấy đồng chí Hoàng Hữu Nhân đi tản bộ một mình trên hè phố Hoàng Văn Thụ. Biết mọi người nhìn cả vào mình, đồng chí đi cứng đơ, ngượng ngịu. Thành phố không chấp nhận đồng chí là một người bình thường. Đồng chí không thể trở thành người bình thường được nữa.

Có hai biên uỷ thích viết văn. Thật là thuận lợi.

Tuy nhiên chúng tôi hiểu rằng mình vẫn bị toà án dư luận của số đông lên án. Cái toà án dư luận này có tên gọi là lòng đố kỵ. Cùng làm báo như nhau nhưng chúng tôi có sách ra, có truyện in trên báo Văn Nghệ, có tiền lại có tiếng. Bởi vậy, chúng tôi hết sức giữ gìn. Cũng những cách giữ mình kinh điển như ở báo Tiền Phong thôi. Tham gia các phong trào ở báo. Ví như tập thể dục giữa giờ, tổng vệ sinh chiều thứ bảy, gửi tiền tiết kiệm, dù chỉ một, hai đồng, đề công đoàn có một chỉ số phần trăm cao. Và làm báo tết. Để không ai nói mình vào đâu được. Có số báo tết nào không có truyện ngắn của chúng tôi. Có số báo đặc biệt nào (kỷ niệm ngày thành lập Đảng, ngày Quốc tế lao động 1-5, ngày đấu tranh thống nhất 20-7, ngày cách mạng tháng tám, Quốc khánh 2-9, rồi Ga-ga-rin bay vào vũ trụ v.v...) không có bài của tôi. Tôi lẫn lộn với các nhà máy, các xí nghiệp. Đến đâu tôi cũng được coi như một thành viên của họ.

Một trong những điểm yếu của chúng tôi là chúng tôi bị coi là yếu kém về chính trị. Những kẻ chuyên môn thuần tuý. Có chuyên không có hồng. Mà

bây giờ phải là hồng trước chuyên sau. Phần đầu vào Đảng nghe chừng rất khó khăn. Đồng chí bí thư chi bộ, một đại uý chuyển ngành, trực tiếp làm tổ trưởng của tôi (đồng chí còn ở trong biên uỷ nữa) viết kém, cứ nhấn mạnh là chúng tôi chưa đem hết khả năng toàn tâm toàn ý phục vụ báo (ý nói chuyện viết văn của chúng tôi). Đó là cái án treo đối với chúng tôi. Đồng chí chỉ hơn chúng tôi cái mục hồng. Nếu chúng tôi cũng hồng, đồng chí chẳng còn cái gì hơn nữa cả. Ngày mới về báo, đồng chí đi một loạt cơ sở nghiên cứu rồi về họp tổ tuyên bố một câu xanh rờn:

- Trong nghề đúc, khó nhất là đúc chảo.

Tôi đã phản bác lại ý kiến ấy, một việc không nên làm chút nào, nhưng lúc ấy tôi đã không ngồi im được. Không thể tranh luận, đặt vấn đề những bài báo của chúng tôi chính là phẩm chất chính trị của chúng tôi, việc ấy khó khăn hơn là nói mặt trời mọc ở hướng Tây. Nó lại còn nguy hiểm nữa.

Chúng tôi chọn hướng khác, chúng tôi tìm đọc các sách chính trị. Ba quy luật. Bốn mâu thuẫn. Phê phán cương lĩnh Gô ta. Chống Duy-rinh. Báo cáo chính trị tại đại hội Đảng toàn quốc lần thứ ba. Trong các cuộc học tập chính trị, nghị quyết, mọi người sừng sốt thấy chúng tôi phát biểu những nguyên lý, những trích dẫn, kể cả đôi lần trích dẫn bịa đặt. Lê-nin tuyển tập tập ba, nhà xuất bản Sự thật, trang 195, dòng 12 tính từ dưới lên. Chỉ cần khi ấy có quyển sách đó cầm tay, mở ra và cúi cúi xem xem, rồi ngẩng lên phát biểu. Ai cũng tin rảo trời.

Chúng tôi trích dẫn bịa cũng vụ lợi đấy nhưng không bao giờ phản bội, xuyên tạc tác giả. Mà ngẫm cho cùng cũng chẳng mang lại lợi ích gì vì không bao giờ chúng tôi được đánh giá là vừa chuyên lại vừa hồng. Chỉ được mỗi điểm chúng tôi không bị coi là chính trị non nữa.

Trở lại việc tôi được nghỉ hai tháng để viết, hai tháng, một thời gian tương đối đầy chứ, hai tháng mình làm chủ thân mình, được viết mà không nơm nớp, không lo bài nộp cho biên tập. Lại được công khai sống với bà vợ bé của mình là văn nghệ (bao giờ vợ bé dấm dúi cũng đáng yêu hơn vợ cả đảng hoàng).

Nguyên Hồng đến chơi, thấy tôi đang ngồi bàn viết, cười vui:

- Lại lên ổ để đấy phải không.

Nguyên Hồng gọi tôi là ả mái tơ để sòn sòn, suốt ngày cục ta cục tác. Và cười rình rích:

- Làm cho bà mái sề Nguyên Hồng cứ sốt cả ruột lên.

Ngừng một lát anh thêm:

- Lại có những bà mái sề, cứ nhảy lên ổ áp bóng mới chết chứ. Thấy lũ mái tơ riu rít bà ấy ra về ta đây cứ áp. Áp bóng. Áp không có trứng. Rồi nhảy từ trên ổ xuống, cục ta cục tác, quang quác điếc cả tai.

Tôi hiểu đó là một cách anh động viên khen ngợi tôi. Và tôi cũng hiểu anh

định nói những ai là những bà mái sề ấp bóng.

Tôi muốn bốc lên nói với anh những điều thầm kín mà tôi không dám thổ lộ cùng ai.

Anh là nhà văn của Hải Phòng cũ, Hải Phòng tăm tối và đau khổ. Hải Phòng nước mất nhà tan. Hải Phòng bắt công, làm than, nô lệ. Hải Phòng ấy là của anh. Không ai thay thế được. Còn Hải Phòng hôm nay, Hải Phòng sang trang mới là của lớp trẻ chúng tôi và có lẽ là của chính tôi. Anh có tin được điều ấy không. Tôi sẽ làm và làm được. Tôi sẽ thể hiện Hải Phòng trong cuộc sống mới, Hải Phòng của những người nô lệ giờ đây đã đứng lên làm chủ xí nghiệp, làm chủ xã hội. Hải Phòng độc lập tự do hạnh phúc. Hải Phòng có Đảng, làm cách mạng và hưởng thành quả cách mạng.

Những ý nghĩ như vậy có trong tôi, tôi xin thú thật không giấu diếm. Tôi tự giao cho mình một nhiệm vụ: Kế tục sự nghiệp Nguyên Hồng. Nguyên Hồng là nhà văn của Hải Phòng hôm qua. Còn tôi là nhà văn của Hải Phòng hôm nay, Hải Phòng của cuộc đời mới mà Đảng đã đem lại cho mỗi con người. Tôi cảm ơn Đảng đã trao cho tôi cây bút, lại tạo dựng nên một hiện thực lớn lao để tôi viết, tôi tránh được những vết bùn của những nhà văn lớp trước chỉ loay hoay với cá nhân mình, để tôi đến với nhân dân, ghi lại hiện thực kỳ diệu về sự chuyển mình của nhân dân mà Đảng là người đạo diễn.. Trong những ngày tháng ở Hải Phòng, Nguyên Hồng không đả động đến những gì anh vừa trải qua, vừa chịu đựng. Mãi đến khi Hà Minh Tuân bị đòn hội chợ, bị dính nhiều “chưởng” vì viết và in tiểu thuyết Vào đời, Nguyên Hồng nói với tôi, vừa nói vừa cười:

- Thế là lại đến lượt thằng Tuân.

Anh cười đấy nhưng tôi thấy đôi mắt anh đượm buồn.

Hà Minh Tuân, chính uỷ trung đoàn, được tin tưởng giao trấn giữ cửa ải xuất bản, như Nguyên Hồng, nhà văn vô sản được trấn giữ báo Văn, cơ quan ngôn luận của Hội. Sau Nhân văn, đó là những thành trì đặc biệt quan trọng, cần phải giao cho những người hết sức tin cậy, những tướng tâm phúc.

Nhưng chỉ sau một thời gian, cả hai đã lộ rõ là những kẻ giao động bấp bênh, nổi giảo cho giặc, đều bị cách chức và phê phán.

Sau trận ấy Hà Minh Tuân gục hẳn.

Nguyên Hồng không chịu gục.

Nhớ lại khi tôi mới chuyển về Hải Phòng, Nguyên Hồng hay dắt tôi đi các nơi như kiểu một ông bố cùng con về quê sau bao năm tha phương cầu thực, dắt con đi chào họ hàng. Đi yết kiến ông Bùi Đình Đồng, giám đốc nhà máy xi măng. Đến chào và hỏi chuyện ông Lê Văn Kỳ giám đốc cảng Hải Phòng... Tất nhiên những ông này đều biết Nguyên Hồng, quý mến và kính trọng Nguyên Hồng. Tôi, một kẻ mới lớn, chỉ biết im lặng lắng nghe câu chuyện của các bậc huynh trưởng và thật sự khó chịu trước thái độ lịch sự

quá mức, cung kính quá mức của Nguyên Hồng: Tôi nghĩ thầm: có thể có 100 ông Bùi Đình Đồng, 1000 ông Lê Văn Kỳ nhưng chỉ có một Nguyên Hồng mà thôi. Hình như đây là cách Nguyên Hồng giao tiếp với những người sơ, với người thân anh không như vậy.

Sau này có lẽ biết tôi là phóng viên theo dõi các xí nghiệp, Nguyên Hồng không dắt tôi đi chào họ hàng như thế nữa. Tôi đi chỉ là vì không muốn làm anh mất lòng, khỏi phụ lòng anh chứ những buổi yết kiến như vậy chẳng bỏ ích gì. Tôi nhanh chóng hiểu rằng Nguyên Hồng rất quý tôi. Vì lý do gì tôi không biết. Cùng làm báo Hải Phòng kiến thiết với tôi có anh Võ Lợi, em ruột vợ anh nhưng anh ít tới. Cứ về Hải Phòng là anh lại nhà tôi. Nằm chơi. Đọc sách. Chuyện gẫu. Nô đùa với con tôi. Uống rượu. Tôi thật sự cảm động khi một buổi chiều, Nguyên Hồng đến nhà có mang theo một cuộn giấy xi măng. Anh gọi tôi và cả vợ tôi lại. Vừa trang trọng, chậm rãi, cẩn thận, vừa cười rình rích như kiểu đi khoe một chuyện đáng lẽ cần phải giấu, anh giở cuộn giấy xi măng, trải ra trên sàn nhà gỗ lim lúc nào cũng được lau bóng: Sơ đồ nhân vật Sóng Gầm. Nhưng ô vuông. Những đường thẳng, đường chéo diễn tả quan hệ nhân vật. Những tên người. Thi San, Lão La, Gái Đen. Có một tên quen thuộc Giáng Hương. Đó là tên cháu gái mới sinh của chúng tôi. Cháu được bảy, tám tháng. Anh hay bế cháu lên lòng khi ngồi uống rượu. Cháu nhún nhảy trên đùi anh, vít bát anh xuống. Anh cười:

- Cái con này tợn tạo nhỉ.

Anh rất yêu cháu. Cháu bập bẹ: “Bác Ngan Hồng”.

Còn anh giờ tay:

- Giáng Hương của bác. Ra đây với bác nào.

Thế là cháu lẫm chẫm chạy tới. Hai bác cháu ôm choàng lấy nhau. Tình bạn giữa hai bác cháu phát triển theo thời gian. Khi cháu được ba bốn tuổi, nhìn qua cửa sổ thấy Nguyên Hồng đạp xe vào, bao giờ cháu cũng reo to tên bác và mời bác.

- Bố mẹ cháu mời bác uống rượu đấy.

Cũng có khi chỉ vì lời mời ấy của bé Giáng Hương mà một bữa rượu sơ sài được tổ chức cật rập, bị động, ngoài dự kiến của chúng tôi.

Một thời để mất

2.

Có lẽ Nguyên Hồng yêu mến tôi vì tôi và anh gặp nhau ít nhất ở một điểm: chúng tôi cùng tha thiết yêu thành phố Hải Phòng. Cùng sống chết với nó.

Từ ngày đưa vợ con rời thủ đô về đây, mỗi ngày tình cảm của tôi với Hải Phòng một thêm sâu nặng. Tôi biết ở nhà máy xi măng kia có những ai đang làm việc. Tôi biết cần cầu vồng đã thấm mồ hôi của những ai. Bởi vậy mỗi khi có việc lên Hà Nội trở về, ngồi trên tàu hoả, ngong ngóng thấy Sở Dầu là như đã bắt được tín hiệu của thành phố, và thật sự vui mừng, xúc động khi nhìn thấy làn khói nhà máy xi măng toả trắng. Khói nhà máy xi măng toả trắng. Câu ấy đẹp như thơ vậy. Đó là đầu đề bài bút ký đầu tiên của Nguyên Hồng khi anh rời báo Văn về nhà máy xi măng Hải Phòng. Bài bút ký ấy cũng giống như một bức thư gửi cho tất cả sau bước ngoặt của đời anh. Tôi cũng đã hiểu được ý nghĩa của chữ toả trắng Nguyên Hồng viết. Nhìn lên bầu trời xi măng, thấy khói trắng, nghĩa là các lò đang làm việc, nhà máy đang sản xuất ra của cải, những người thợ đang đứng máy một cách bình thường. Nếu nhìn thấy khói đen, nghĩa là có lò bị cháy. Nghĩa là sản xuất giảm, kế hoạch bị đe dọa, phải dừng lò, phải chờ lò nguội rồi lao vào sửa chữa... Nhìn những làn khói trắng bình thản toả trên trời thật yên tâm biết bao. Tôi cũng đã có cái nhìn của người thợ xi măng. Một lần về Thuỷ Nguyên thăm bố mẹ trở ra, vừa nhô khỏi Núi Đèo, thấy giữa những làn khói trắng có một ống khói nhà khói đen, tôi kêu lên với vợ tôi đang ngồi sau xe đạp: “Lò 5 cháy rồi”. Tôi biết cả nhà máy đang xao động, các bạn tôi bên ấy đang vất vả lo lắng. Cũng như sau này khi ở tù ra, nhờ ông Hoàng Hữu Nhân, được vào làm ở một xí nghiệp đánh cá, kết bạn với những người vật lộn với biển cả, tôi có thói quen nghe bản tin thời tiết. Lúc đó các cháu phải im lặng. Đã nhiều lần chúng bị mắng vì một tiếng cười vô ý khi tiếng loa truyền thanh trầm ấm: “Sau đây là dự báo thời tiết biển đêm nay và ngày mai...”. Như những gia đình đi biển, tôi cũng có cái nhìn hướng về biển cả và tôi thật sự trách móc chị phát thanh viên đài Tiếng nói Việt Nam khi chị đọc hai tiếng “biển động”. Tiếng ấy chị đọc tròn trặn ngọt ngào, lặn vào lòng người. Nhưng với những người bạn của tôi là tất cả sự vất vả, dằn vặt, suy nghĩ. Tiếng ấy lẽ ra phải ầm ầm như sóng biển, kêu lên như tiếng xích neo đập vào mũi tàu lao xuống nước ở vị trí trú gió, căng thẳng như da đầu những lúc nằm dài trong buồng nhìn sóng sôi ngay ngoài kính cửa húp lô và bấy ngày không đi ra được ngoài boong vì đây là nơi sóng đổ nước dập vùi. Tôi không dối trá đâu khi nói rằng cho dù cuộc đời biến đổi xoay vần, tình tôi với Hải Phòng không bao giờ nhạt phai. Và Nguyên Hồng cũng vậy. Nguyên Hồng thích thống kê các tên đất, tên nhà, tên phố Hải Phòng. Những tên Tây và những tên ta. Những Hôtel du Commerce, những ngõ Mộ Phú, Máy nước hai vôi, những Phụng Bóp, Trại lính Cát đem, Sở thầu Tây cụt, Vườn hoa đưa người. Các cụ mình cũng ác lắm chứ. Bến tàu Tây điếc, ở cái chỗ nhà Ngân hàng lên gần công ty Tàu cuộc bây giờ đây. Mày cai trị tao, tao vẫn gọi mày là Tây điếc vì mày điếc. Mày điếc thật. Ngồi khoanh chân

xếp bằng tròn giữa sàn nhà, Nguyên Hồng nghĩ ngợi và mỗi cái tên bật ra anh lại giơ ngón tay trở lên trời như bắn những phát đạn chỉ thiên.

- Nhà thờ Tây đen!

- Ngõ, ngõ ngõ - ông - Lý - Phình!

- Ngõ ngõ - ông Đồng - Lùn!

- Sở - Lục - lộ - Thuỷ! Đã lục lộ lại còn Thuỷ.

- Ngõ - Cô - Ba - Chìa?

- Phố - Kiến - ốc - Cục?

Im lặng một lúc lâu. Chúng tôi đã tưởng hết. Hết những cái tên rất đặc biệt của Hải Phòng. Nhưng ngón tay trở của anh vẫn giơ lên khỏi đầu. Đôi mắt anh long lanh. Anh còn đang lục tìm trí nhớ. Và:

- Ngõ - Sau - Nhà lớp!

Cười. Cười dòn tan. Thế là đủ. Đủ cho tình yêu của chúng tôi đối với Hải Phòng. Đủ cho khát khao muốn viết một cái gì đó về Hải Phòng.

Những cái tên đó đi thẳng vào trí nhớ của tôi và đọng lại ở đó. Chúng là những hạt vàng, vì như Pau-tốp-xki nói trí nhớ là cái rây thần chỉ để đọng lại những hạt vàng.

Trong một buổi họp mặt anh chị em văn nghệ Hải Phòng, chuẩn bị cho việc thành lập chi hội Văn nghệ thành phố mà Nguyên Hồng sẽ là chủ tịch, có đông đủ anh chị em các ngành nghệ thuật, có cả đồng chí Hoàng Hữu Nhân, bí thư kiêm chủ tịch thành phố (đồng chí nói đùa rằng hãy coi đây là một hợp tác xã văn chương nghệ thuật), được giao nhiệm vụ phát biểu ý kiến, tôi chỉ việc sắp xếp lại các tên đất, tên nhà, tên phố Nguyên Hồng đã dạy cho tôi, thêm vào dăm ba ý kiến về sáng tác, thế là đã thành một bài phát biểu “đầy chất thơ” như có người đã nhận xét một cách nâng đỡ.

Không chỉ các tên gọi, đường phố Hải Phòng luôn hấp dẫn Nguyên Hồng. Anh hay rủ tôi đi cùng anh. Một buổi sớm, tôi còn đang ngủ, anh đã khe khẽ:

- Tán dậy chưa?

Tôi mở mắt. Nguyên Hồng ngồi nhòm dậy thì thào:

- Đi chơi phố đi.

Chúng tôi khe khẽ mặc quần áo để khỏi làm thức vợ tôi lúc đó đang nuôi con mọn. Giấc ngủ với nàng thật quý báu. Lại tiếng thì thào:

- Chốc về đánh răng rửa mặt?

Tôi ngoan ngoãn đạp xe đi theo anh, bởi vì tôi cũng rất yêu những buổi sáng như thế này. Những bóng đèn đường chưa tắt nhưng không toả sáng nữa.

Chưa tách bạch được những cành cây phượng vĩ, chỉ thấy những tán lá.

Không gian thoáng mát, mờ ảo như những đêm trăng phương Bắc mà tôi được đọc và tưởng tượng ra. Thịnh thoảng một cửa sổ tỉnh dậy. Một bóng đèn tròn bật sáng. Thấp thoáng bóng người trong khuôn cửa. Thành phố của

tôi đang thức dậy dần dần như thế đấy. Chúng tôi đạp xe đi và nhìn trời đất. Từ Ngã Sáu vòng qua phố Ga, rẽ xuống Cầu Đất. Trong ánh sáng trắng của đêm đang chảy đi, một thiếu nữ đang đứng lấy nước bên hè phố. Dáng người mảnh dẻ, nàng mặc quần áo ngủ nhàu nát. Tóc rối chưa chải. Như có mùi hương của căn phòng trinh nữ tươi mát đâu đây, trên hè phố Cầu Đất rộng và thoáng này.

Nàng khoá vòi nước công cộng, gánh nước trên vai nhún nhảy bước đi. Cả người con gái, cả gánh nước như không có trọng lượng trong không gian mờ sáng, biến vào một cánh cửa mở như trong mơ.

Tôi im lặng, không dám nói những quan sát của tôi về người con gái dậy sớm ấy. Nhưng chẳng có gì lọt qua mắt anh. Hẳn anh cũng nhìn người con gái gánh nước ấy và nghĩ ngợi. Chỉ sau vài lần guồng pê-đan, Nguyên Hồng thở dài:

- Vợ tôi gầy quá anh ạ.

Không phải lần đầu tiên Nguyên Hồng nói với tôi điều ấy. Với tôi anh hay nói to ý nghĩ của mình. Một gia đình nhỏ mấy cũng cần ăn. Mai-a-kốp-xki đã dạy như vậy. Đó là chân lý. Mà các cụ lại nói: Hai vợ chồng son, đẻ một con thành bốn. Cũng lại là chân lý dù nó không đúng với phép tính cộng số học.

Khi ở Hà Nội về Hải Phòng chúng tôi mới chỉ có một cháu trai. Thế nhưng mấy năm sau đã thêm cháu Giáng Hương, rồi lại cháu Hải Yến. Phải mượn một cô bé ở nông thôn ra trông cháu. Chẳng còn cách nào khác. Lương tôi cán ba, 64 đồng cộng thêm 2 đồng phụ cấp làm báo, vợ tôi 50 đồng cộng 5 đồng lương con. Tổng cộng hai đứa 121 đồng, trừ 6 đồng tiền nhà còn 115 đồng. Mà gia đình tôi lúc ấy đã 6 người, còn đâu là gia đình nhỏ nữa. Đó là chưa kể khoản bè bạn khách khứa, không phải ít. Bè bạn đi Quảng Ninh ngủ lại. Đi công tác Hải Dương xuôi xuống thăm. Nguyễn Kiên còn làm một cuộc xe đạp từ Hà Nội về thăm tôi. Khi Kiên dựng xe ở sân, tôi hoảng hốt gọi Kiên: Cái xe đạp của Kiên, moay-ơ lòi cả bì ra ngoài. Kiên xem và tươi cười giải thích cho tôi biết về cái moay ơ pê lít xi ê pơ luym có nắp đậy. Anh đạp xe đường trường, nắp bật ra nên trông như nó nhè bì ra chứ chẳng làm sao. Lại một lần Phạm Hồng, biên tập viên của cục điện ảnh dẫn một đoàn diễn viên, đạo diễn về nhà tôi. Sau khi làm nhiệm vụ giới thiệu bè bạn với nhau, Phạm Hồng xuống thang và biến mất. Câu chuyện giữa chủ khách ngay đơ ra vì thiếu thành phần kết dính. Chúng tôi cùng trông ngóng anh, cùng chờ đợi tiếng chân anh lên thang. Phải đến hai giờ sau tôi nghe thấy từ phía cầu thang tiếng quang quác trầm hùng của một con gà trống cỡ bự và cái đầu Phạm Hồng lộ lên, cùng với cái đầu con gà trống hoa mơ mào nụ. Anh cười rất tươi, mặt mày rạng rỡ.

- Lúc vào đây thấy mậu dịch ngoài Ngã Sáu bán gà, tranh thủ ra xép lột, đưa

giấy công tác ra, nói khó với các cô ấy mua được một con. Con gà trống rất to, cựa dài, nhọn hoắt, chân bự, sù sì chân ấy phải đi giày số 42 theo cách nói của Nguyên Bình. Chỉ tội hơi cao tuổi. Nhưng là tuyệt diệu. Cũng xin nói thêm ở đây là một lần Phạm Hồng từ Quảng Ninh về, ghé qua tôi vào buổi tối thì tôi đã bị bắt. Anh sưng sờ. Vợ tôi đang học ở trường đại học. Các con tôi ở quê với ông bà. Cửa khoá. Vì tôi mới bị bắt nên chìa khoá còn do ông tổ trưởng dân phố giữ. Sau khi hỏi xóm láng, Phạm Hồng đến gặp ông tổ trưởng, xuất trình giấy tờ, trình bày là bạn về chơi, không có chỗ ngủ. Mượn được chìa khoá, anh vào buồng tôi, căn buồng còn đọng chút hơi hướng của tôi, ở một đêm, sáng hôm sau về Hà Nội. Đêm hôm đó, giữa căn buồng còn nguyên dấu vết của cuộc khám xét ngôn ngữ bừa bộn lúc tôi bị bắt ra đi, anh ngồi im lặng suốt đêm không ngủ. Rồi xuống nhà nhặt một mảnh gạch viết lên tường nhà tôi một bài thơ bốn câu. Năm năm sau tôi mới trở về. Bài thơ ấy không còn nữa.

Mãi mấy chục năm sau, trong một lần trở lại Hải Phòng, Phạm Hồng mới kể cho tôi nghe chuyện đó. Anh đã về hưu từ lâu và lập một trang trại ở Gia Lâm. Anh vừa cho in truyện dài Ả Phù dung và cũng vừa kết thúc một chuyến đi tìm vàng, đầu óc còn đầy ắp những chuyện phiêu lưu, những suối lũ, những vách núi, những hang động với những bộ xương người và chai lọ...

Con gái tôi làm một bữa cơm cá dĩa mời anh. Ngủ lại nhà tôi hôm ấy, anh cứ dần đọc mãi. Rồi anh trở dậy lôi từ trong túi xách ra một cái quần trẻ con khai mù và cười khì khì:

- Tớ đi đâu cũng phải mang theo cái này. Ngủ với cháu quen rồi. Không có mùi nước đái trẻ con là không ngủ được.

Anh để cái quần khai ấy ngay cạnh gối. Chỉ một lúc đã thấy ngứa pho pho. Hoá ra anh là tộc trưởng một bộ tộc rất đông con cháu. Gần hai chục cháu nội ngoại, đứa nào cũng quần lầy ông, ngủ với ông.

Còn một kỷ niệm nữa về các bạn điện ảnh đến thăm tôi ấy là Trà Giang. Ăn cơm trưa xong Trà Giang rủ tôi đi bộ thăm thành phố. Đó là một sự tế nhị. Trà Giang muốn vợ con tôi đang nuôi con nhỏ được nghỉ ngơi sau bữa cơm trưa.

Trời chớm hè. Những cảnh phượng phố Quang Trung lá non mầm. Khát nước, tôi và Trà Giang ghé vào một quán chè đồ đen ven đường. Trà Giang dạo ấy đã nổi tiếng. Phim Chị Tư Hậu vừa được chiếu rộng rãi. Các em nhỏ nhận ra Trà Giang ngay. Các em kêu: Chị Trà Giang? Có phải chị là Trà Giang không? Như không tin ở mắt mình nữa và xúm lại quanh người mà các em đã thấy trên màn ảnh. Tất nhiên cô gái bán chè đồ đen vĩa hè cũng nhận ra Trà Giang ngay và vô cùng thích thú. Cô vừa múc chè vừa quay lại nhìn Trà Giang. Cô đặt trước chúng tôi mỗi người một cốc chè có đá đập

nhỏ. Thấy tôi chăm chú nhìn hai cốc chè và tủm tỉm cười, Trà Giang vội ghé sát tai tôi, thì thầm điều tôi sắp nói với Trà Giang:

- Sự nổi tiếng có ích lợi gì đâu. Cốc chè của em cũng đúng bằng cốc chè của anh, không hơn lấy một thìa.

Bè bạn về đông, thật vui, nhưng cũng phải lo sao cho tươm tất. Chẳng còn cách kiếm tiền nào khác, ngoài việc viết. Không từ một thể loại gì. Mỗi tháng tôi bảo đảm một trang thủ công nghiệp cho báo Thời Mới của ngài Hiền Nhân. Anh bạn thường trú của báo Thời Mới có thể hoàn toàn yên tâm về tinh thần trách nhiệm của tôi. Viết cho báo Cứu Quốc, nơi anh Xuân Thu, anh em chú bác ruột với tôi làm biên tập. Và cho Chính Yên báo Nhân Dân... Chính Yên chỉ đặt tôi viết những bài bút ký từ 400-500 dòng trở lên để đăng báo ra ngày chủ nhật. Lâu lâu không có bài là Chính Yên lại tổng thư về: “Ý thức của anh đối với báo Đảng ở đâu?” Còn một nơi quan trọng: Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, mục Tổ quốc ta tươi đẹp.

Đó là viết báo, ăn ngay, lấy ngắn nuôi dài như Thủ tướng Phạm Văn Đồng khuyên anh em văn nghệ. Song song với việc viết báo, tôi có nhiều việc phải làm cho các nhà xuất bản. Ở nhà Lao Động, tôi có Nguyễn Thế Hội và sau này thêm Nguyễn Gia Nùng. Nguyễn Trí Tình đã sang Nhà xuất bản Thanh niên (nhà xuất bản này tôi quen tất cả vì cùng một cơ quan Trung ương Đoàn với tôi khi tôi còn ở báo Tiền Phong). Nguyễn Kiên sau một thời gian về tỉnh đoàn Hà Đông định làm một ông Triệu Thụ Lý đã chuyển về Nhà xuất bản Văn Học. Nhưng điều quan trọng nhất là ở Hải Phòng có nhiều gương điển hình tiên tiến. Hải Phòng có các anh hùng lao động Phùng Văn Bằng (Hải Đăng), Hồ Xuân Tuyên (Đánh cá Hạ Long), Nguyễn Khả Kính (Cảng), Nguyễn Hiền Viết (Xi măng), có Nhà máy cơ khí Duyên Hải, tổ đá nhỏ ca A, những lá cờ đầu trong phong trào thi toàn miền Bắc v.v...

Dạo đó các nhà xuất bản đua nhau in sách người thật việc thật, mà chúng tôi gọi là văn chương tổ đội. Trong văn chương tổ đội, tôi là một chuyên gia.

Tôi viết những truyện ký có vẻ sạch nước cần. Tôi tự thấy mình có nhiều may mắn hơn những anh em cầm bút khác. Này nhé: Tôi là người phát hiện ra anh hùng lao động Phùng Văn Bằng, và qua Đỗ An Bình, tôi rất thân với Ty Hải Đăng (mà thời Tây có tên gọi là Lục Lộ Thủy). Tôi đã sống với Phùng Văn Bằng nhiều ngày, đã đi các đảo Long Châu, Hòn Dấu, Cô Tô, Con Dán, đã đến vịnh Sừng Sốt, hòn Bách Hợp... Mọi người đều thấy chẳng ai viết về Phùng Văn Bằng hơn tôi, lãnh địa ấy là của tôi.

Còn nhà máy cơ khí Duyên Hải cũng lại là của tôi, tôi đã bám nó hàng năm trời, tôi lại được đồng chí bí thư thành uỷ trực tiếp trao nhiệm vụ. Khi chiến tranh bắn phá, riêng mảng đề tài các đảo đèn trước bom đạn Mỹ đã vô cùng phong phú và hấp dẫn. Trong cuộc đọ súng đầu tiên với máy bay Mỹ ở Quảng Ninh ngày 5 tháng 8 năm 1964, bật lên tám gương của Đồng Quốc

Bình. Tôi không nghĩ rằng mình sẽ có một cái gì đó về người chiến sĩ trẻ tuổi đã hy sinh này. Nhưng anh là người Hải Phòng. Nhà xuất bản Thanh Niên lại đặt tôi viết (in chung với bài viết về Nguyễn Viết Xuân) và quyển này cũng có một tirage khá lớn. Lại còn những con tàu chở hàng vào khu vực cán gáo (khu 4 cũ), âm thầm, thường xuyên giáp mặt với bom đạn và cái chết...

Tôi viết như bỏ củi. Câu này là của tôi mà Vũ Bảo đã dùng trong một sáng tác của anh, nay tôi thấy cần đòi lại bản quyền. Tôi còn viết thêm văn như lộn xích xe đạp. Tôi viết như người làm chủ một gia đình 6 người, một gia đình nhỏ mấy cũng cần ăn. Tôi tập trung sức vào quyển tiểu thuyết Hải đăng, quyển tiểu thuyết trình làng của tôi theo như tôi quan niệm hồi đó. Nguyễn Kiên có nói vui với tôi rằng văn nghệ nó như cái đình ấy. Các ông Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi đã ngồi chiếu giữa ăn cỗ nhất cả rồi. Anh em mình đến sau, chẳng ai trải chiếu cho mình đâu. Phải tự kiếm lấy hòn gạch ngồi ghé vào đâu đó rồi cắm đầu mà viết thôi. Với Hải đăng, tôi hy vọng chỗ ngồi của tôi trong ngôi đình văn nghệ sẽ rộng hơn hòn gạch, ít nhất cũng là manh chiếu... rách.

Thập kỷ 60 ấy thật gian khổ nhưng cũng rất vui tươi. Ít ra sự vui tươi cũng là đối với chúng tôi. Chúng tôi còn trẻ. Còn có thể tự đánh lừa mình về tương lai, về những gì mình sẽ làm trong tương lai. Thanh Tùng, tác giả Thời hoa đỏ có những ý kiến xác đáng về chuyện thời gian còn lại. Anh hay gây sự với Nguyễn Hồng.

- Bố bảo bố là nhà văn của những người đau khổ. Ngày xưa bố viết Bỉ vỏ. Con hỏi bố bây giờ có nhiều ăn cắp không? Sao bố không viết Bỉ vỏ tập 2 đi. Xã hội bây giờ còn bỉ vỏ hơn ngày trước đây!

- Cụ khóc, Thanh Tùng kể. Sau nhiều lần như vậy cụ nói: “Bố sẽ viết một cái hồi ký. Nhưng khi sắp vào quan tài bố mới viết. Bố sẽ nói hết. Rồi mày sẽ biết bố.” Cụ chết. Cụ quá tin ở mình còn sống lâu anh ạ. Rút kinh nghiệm cụ, chúng mình phải luôn luôn nghĩ rằng mình sắp chết để mà làm việc. Nếu không thì rất nguy hiểm.

Cái chết chắm dứt tất cả.

Những năm ấy chúng tôi mới tuổi ba mươi, dù có buồn cũng là cái buồn.

Quang Dũng ba mươi tuổi:

Lòng người trai ba mươi

Vui như trẻ lên mười

Yêu như tuổi mười bảy

Buồn như sắp năm mươi

Căn nhà tôi luôn tràn ngập tiếng cười. Có một câu của Nguyễn Tuân mà tôi rất thích: “*Chúng ta vượt gian khó nhưng không khó đăm đăm*”. Bè bạn bao giờ cũng là nguồn động viên khích lệ. Chúng tôi nói cùng nhau những dự

định sáng tác, kể cho nhau nghe những chi tiết thu lượm được, rồi đọc thơ. Tôi khi đó trí nhớ còn tốt. Quyền Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh in từ thời Pháp thuộc mà sau này chính Hoài Thanh đã lên tiếng phủ nhận và phê phán nó, trong suốt một thời gian dài bị coi là quyển sách cấm, quyển sách có nội dung không lành mạnh, thật may mắn đã được bố tôi mua khi tôi còn nhỏ, trong một lần sang phố. Nó nằm gọn trong óc tôi từ bao giờ tôi cũng không biết nữa. Bên cạnh đó là những bài thơ trong sổ tay của bố tôi. Những Khóc Dương Khuê, Vịnh chùa Hương Tích, và những bài thơ do anh Xuân Thu tôi sưu tầm, những bài thơ do Đông Hoài đọc cho chép ở Thái Nguyên từ thời chống Pháp. Các bạn tôi chỉ biết Hoàng Lộc qua Viếng bạn, còn tôi có thể đọc cho bạn nghe một bài thơ khác của Hoàng Lộc nói về tình yêu của mình với thơ ca mà tôi không nhớ đầu đề:

*Thiên hạ đồn rằng em đẹp
Như người gái đẹp tình phương
Đêm đêm trăng ngủ đầu giường
Dịu dàng như tranh thủy mặc.
Thiên hạ đồn rằng em mặc
Áo trắng một màu tuyết sương
Đêm đêm trăng ngủ đầu giường
Sánh bên thiên thần Hy Lạp.
Ta biết em đời thêm hãnh kiêu
Thắm mơ em nào dám mơ nhiều
Chiêm bao cuồng loạn riêng lòng biếc
Ta hỏi thăm em có phải Dáng Thơ.*

Thật thà mà nói, tất cả chúng tôi lúc đó đều không thể hiểu được những bài thơ hay như vậy tại sao lại không được phổ biến. Chúng tôi chỉ biết hình như nó thiếu lành mạnh, phải lên án vì nó tiêu tư sản, nó uỷ mị, nó ru ngủ, nó không khoẻ khoắn, nó không mang tính giai cấp, nó thiếu tính đấu tranh. Nhưng dù có cố học thuộc cũng không thể nào thuộc được Tặng làng Còng của Xuân Diệu, Mẹ con đồng chí Chanh của Nguyễn Đình Thi cũng như cổ quên cũng không thể nào quên được Vội vàng, Đất nhớ của hai nhà thơ trên, Màu tím hoa sim của Hữu Loan, Tây Tiến của Quang Dũng. Nhưng chính nhờ sự cấm đoán ấy mà tôi thêm giá trị. Các bạn ngồi im lặng. Tôi đọc. Tôi tái bản mồm. Nhất là với những người như Vũ Lê Mai và một vài người khác kiểu Tê-ô-đô Nét, bạn Mai-a-kôp-xki “toát hết mồ hôi mà không nhớ được một câu thơ nào cả”.

Bạn cũ kéo thêm bạn mới. Có những bạn lần đầu đến thăm tôi, không cần ai giới thiệu. Một buổi tối tôi đang ngồi làm việc thì có tiếng gõ cửa. Mở cửa. Một khuôn mặt lạ hoắc. Người khách lịch sự hỏi thăm:

- Xin lỗi Đây có phải là nhà anh Bùi Ngọc Tấn, nhà văn không ạ?

- Vâng. Tôi. Nhưng không phải nhà văn. Tôi mới tập viết thôi. Mời anh vào nhà.

Người khách cũng trạc tuổi tôi đứng ngây người cứng đờ như thấy núi Thái Sơn trước mặt, rồi đưa cả hai tay túm lấy tay tôi, lác lác:

- Dạ. Anh...

Chưa thấy ai khúm núm như thế. Người khách chấp hai tay trước ngực như kiểu tụng kinh và cứ xoa xoa mãi hai lòng bàn tay vào nhau, miệng xuyt xoa, vẻ kính cẩn hiện ra trong từng cử chỉ.

- Dạ. Thưa nhà văn. Tôi vẫn đọc tác phẩm của nhà văn. Tôi rất kính phục tài năng của nhà văn.

Tôi không còn hiểu ra làm sao nữa, chỉ biết trở mắt nhìn người khách đang ở đỉnh cao của sự xun xoe nịnh bợ. Người ấy vẫn ngắt ra từng câu:

- Những tác phẩm rung động lòng người. Những tác phẩm sống mãi với thời gian.

Hắn là bộ mặt của tôi lúc ấy trông rất ngộ và như cũng chỉ cố gắng được đến thế, khách cười phá lên:

- Đùa một tý. Tao là thằng Nguyễn Đậu đây mà.

Tôi cũng cười âm ỉ. Tôi và Nguyễn Đậu cùng có những người bạn chung: Lê Bầu, Châu Diên...

Thế là chúng tôi đèo nhau đi chơi phố. Đến lúc ấy tôi mới biết Nguyễn Đậu cũng đã nhiều năm lặn lội ở Hải Phòng.

Lại một tối nữa. Một tối mùa xuân. Mưa dầm. Vợ tôi bị cảm, buông màn đi nằm sớm. Nhà hết tiền. Tôi ngồi bàn “cày cuốc”. Có tiếng gõ cửa. Người khách mặc áo mưa vải bạt ướt lướt thướt:

- Tôi là Trần Cần.

- Anh. Tôi có đọc thơ anh. Nay mới được gặp. Mời anh vào nhà.

Trần Cần cởi áo mưa vắt ngoài hành lang, xách cặp bước vào.

- Tôi đi Quảng Ninh công tác. Đêm nay ngủ lại Hải Phòng. Nghĩ rằng ở Hải Phòng mà không đến thăm anh là một thiếu sót.

Đó là một lời xã giao lịch sự và tế nhị. Tôi pha trà, chuyện một lúc về sáng tác, về kế hoạch in. (Trần Cần là biên tập viên nhà xuất bản Phổ Thông).

Anh nhìn chung quanh nhà và nhìn cái màn đã buông. Tôi vội nói:

- Nhà tôi ồm, đi nằm sớm, không dậy chào anh được. Anh thứ lỗi cho.

Im lặng. Rồi khách bỗng chuyển giọng:

- Hình như ông đang túng phải không?

Tôi cũng nói theo giọng của anh, một giọng điệu giữa những người bạn thân quen từ cũ:

- Vâng. Vợ ồm mà không mua nổi hộp sữa.

Trần Cần sốt sắng:

- Thế thì phải chống túng ngay.

Anh mở cặp rút ra một xấp tiền:

- Đây. Anh cầm tạm hai trăm đồng. Cuối năm gửi cho tôi cái gì cũng được. Tôi đi Quảng Ninh đặt viết mà.

Trần Cẩn giải thích. Hoá ra cái cặp của Trần Cẩn là một cặp tiền. Tôi cho xấp tiền vào ngăn kéo. Anh ngăn lại:

- Ấy! Anh đừng đi. Đi đường tôi rút tiêu, không biết ở xấp nào..

Hai trăm. Một món tiền lớn. Một chiếc xe đạp Junior. Một tài sản. Y hèn, cuối năm tôi gửi lên cho anh cái Nhật ký xi măng. In ngay. Đỗ An Bình có việc đi Hà Nội, rẽ vào nhận sách, nhận nhuận bút hộ. Vẫn còn được thêm bốn đồng nữa. Chưa hết. Nhật ký xi măng còn được Bộ Văn hoá tặng giải nhất văn xuôi năm đó.

Cuộc đời có những phút bất ngờ như thế. Bè bạn làm cho mình thêm yêu đời, yêu cuộc sống. Chỉ nghĩ rằng có những người bạn yêu quý mình, đặt niềm tin vào mình cũng đã thấy muốn làm việc. Cũng đã muốn làm việc tốt.

Mình cũng tin rằng mình sẽ làm được như mình mong muốn, như bạn bè mong muốn. Những năm tháng nhà tôi hay có bè bạn lại chơi ấy là những năm nhà nước quản lý siêu vi mô. Toàn bộ cuộc sống con người đều trông vào mậu dịch. Khách đi công tác cầm theo những tem gạo 225 gam định lượng, và nếu quá giờ, các cửa hàng mậu dịch ăn uống đóng cửa thì chỉ có nhịn đói. Thành phần cá thể khi đó được coi là mảnh đất màu mỡ cho chủ nghĩa tư bản phát sinh, tất nhiên là đối tượng phải cải tạo, phải siết chặt.

Ngay năm 1983 thôi, ông tổng biên tập báo Hải Phòng còn xuất tướng viết một loạt bài vạch 14 tội của bọn tiểu thương ký rõ tên ông, việc ký tên như vậy ít khi thấy trong hàng ngũ các ông tổng biên tập báo. (Ông tổng biên tập này là tổng biên tập thứ bao nhiêu rồi từ khi tôi mới chuyển về đây). Ông lại còn tập hợp những bài báo kể 14 tội đó đưa đi xuất bản thành một tập sách lý luận. Nhưng việc không thành. Nhà xuất bản từ chối không chịu in.

Nói dài dòng đoạn này một tý để đi tới một ý là: Lùng mua một mớ rau muống vừa hè cũng khó và không thể đãi bạn rau muống tăn được. Thật may.

Tôi có những trợ thủ đắc lực. Những người thương quý tôi thực lòng.

Trời ơi, sao mà lúc ấy thêm được “tình nghĩa” với một em gái bán thịt thè.

Tôi chẳng thể nào quen được các em. Tôi chỉ quen tổ đá nhỏ ca A nhà máy xi măng, Nguyễn Hiền Viết lái cần cầu vàng, những công nhân nhà máy Cơ khí Duyên Hải, nhà máy cơ khí mỏng 1 tháng 5... Tôi đến các xí nghiệp như về nhà mình. Tôi quen từ đồng chí bảo vệ tới giám đốc. Mà tôi chẳng thể nào quen nổi các em? Những mậu dịch viên tươi trẻ thiên thần, đứng sau quầy, trước mặt là những con lợn móc hàm “trắng như lợn cạo” đang được bàn tay xinh đẹp khéo léo của các em pha ra từng miếng. Tôi chỉ quen chị Mai, chị dâu tôi, cũng là mậu dịch viên, nhưng chị lại bán chè, thuốc lá và nếu có kiếm được tí chút cũng chỉ là chè thuốc mà thôi. Chị hay đặt hàng tôi

viết bích báo cho chị. Thỉnh thoảng đi đâu về tới căn buồng gác hai của tôi, mở cửa bước vào, thấy một tờ giấy luôn qua khe cửa, nằm trên sàn gỗ, tôi biết ngay là thư chị Mai. “Chú Tấn. Viết cho chị bài bích báo. Nội dung: Xây dựng tổ lao động xã hội chủ nghĩa. Vui lòng khách đến vừa lòng khách đi.” Dưới ký: Lục Bát. Nội dung thay đổi luôn. Ngoài vấn đề thường trực “vui lòng khách đến vừa lòng khách đi, quầy hàng sạch sẽ” còn những “kỷ niệm mừng tám tháng ba, người phụ nữ mới”, “nêu cao tinh thần tương trợ đoàn kết”, “kỷ niệm Quốc khánh 2-9, phân phối đúng đối tượng” v.v..., dù bên trên nội dung gì, bên dưới cũng chỉ ký một cái tên Lục Bát.

Tôi biến thành máy sản xuất thơ lục bát. Cũng kiểu Bút Tre thôi. Như:

(...) Sao cho xứng đáng cò đầu ngành thương

Chị em ta phải cùng tương

Trợ thì cố gắng không vương vấn gì

Nếu mà vương vấn một khi

Có tư tưởng ấy là thì không nên

Thì đưa ta phải vững bền...

Nguyên Hồng và cả Châu Diên nữa thích bài thơ này lắm. Châu Diên còn xin bản quyền bài thơ ấy của tôi. Tôi đã đồng ý cho, nhưng không thấy anh dùng. Có lẽ vì sau đó mấy tập thơ Bút Tre liên tiếp phát hành. Ánh sáng của nó làm mờ tất cả.

Đem bài báo lên cửa hàng chị Mai thế nào tôi cũng được nhuận bút. Khi một bao thuốc lá Điện Biên khi bao Tam Đảo. Khoản nhuận bút thường hay được nhất là món chè vét thùng. Dù chè đóng gói rồi, nhưng khi xếp, khi bán, cánh chè vẫn rơi ra khỏi gói, dưới đáy thùng có hàng vốc chè. Loại 1 có, loại 2 có, loại 3 có, Hải Phòng có, Hà Nội có, Phú Thọ có. Tôi thích nhất khoản nhuận bút này. Vừa nhiều, vừa tổng hợp, nhiều hương vị: Thanh Hương, Hồng Đào, Ba Đình, Ngọc Sơn, Xuân Ba Nhất, Hà Giang, chè cám...

Chè thuốc như vậy cũng là thi thoảng, lại chỉ hoa lá cành thôi, không nuôi sống được người. Có khách tôi vẫn phải nhờ Vũ Tín. Vũ Tín, phóng viên Thông tấn xã Việt Nam thường trú tại Hải Phòng, giải thưởng lớn nhiếp ảnh quốc tế, với hai máy ảnh, một Rolley, một Exakta thì quen với tất cả. Anh đã chụp gần như một trăm phần trăm các cô bán thịt và tới tận nhà chụp ảnh gia đình các cô. Anh giúp tôi, dẫn tôi tới các quầy hàng thịt mậu dịch mỗi khi tôi có khách.

Khi Vũ Tín chụp hỏng toàn bộ ảnh đám cưới một “cô mậu” bán thịt, một thời gian dài anh không dám bén mảng tới các quầy, thật may cho tôi, tôi có Bùi Đình Tịch. Anh là nhân viên phòng cung tiêu công ty vợ tôi. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu anh Tịch có tài gì mà cửa hàng nào cũng quen. Vũ Tín còn có máy ảnh chứ anh chẳng có gì. Anh gầy lại rất cao, tiếng văn học

gọi là Đông-ki-sốt, còn ngôn ngữ hiện đại gọi là một người dầy. Với anh, không một mậu dịch viên nào có thể giấu được gì phía sau quầy. Nhón chân một tí là anh với tới những thứ người ta để ở tận gầm quầy. Và nếu anh đu đưa người, chân không chạm đất, có nghĩa là anh đang đứng một chỗ mà quơ sang những quầy bên cạnh. Cô mậu dịch viên hét to:

- Không được. Chân thịt ấy là của khách hàng người ta gửi lại, tí nữa họ lấy. Em cắt phiếu của người ta rồi.

Tịch tỉnh bơ:

- Thì đã bảo cứ cắt cho người ta một nửa đây.

- Không được. Khách hàng đến lấy bây giờ, em nói với họ làm sao?

Tịch chép miệng như phải nói chuyện với một người quá ư chậm hiểu:

- Thì đã bảo cứ cắt cho người ta một nửa mà lại. Hôm nay người ta cần.

Cuối cùng cô mậu dịch viên cũng phải nhượng bộ.

Tôi nhớ một lần gặp Tịch ở phố Cao Miên, tức là phố Đà Nẵng bây giờ, tôi trình bày với anh yêu cầu khẩn cấp về thực phẩm. Vẫn ngồi trên yên xe đạp, anh ngửa mặt nhìn lên những cảnh phượng vĩ, không nói một lời. Tôi hỏi:

- Nghĩ gì đấy? Có mua được cho người ta không?

Anh trả lời:

- Đang nghĩ xem đến cửa hàng nào gần.

Với những người như Vũ Tín, Bùi Đình Tịch, việc đó sao mà dễ. Trong mắt tôi, mậu dịch là nơi để người ta chen chúc, xếp hàng, nghe quát tháo, nghe giảng giải về tiêu chuẩn, định lượng. Nên tôi thực sự thông cảm với niềm vui của Nguyên Hồng khi anh mua được chai rượu chanh không phiếu ở cửa hàng Mi-sô (cửa hàng cung cấp đặc biệt). Vừa lên khỏi cầu thang, anh đã rút trong làn ra chai rượu chiến công ấy, vẻ mặt rạng rỡ.

- Có rượu đây rồi. Có rượu đây rồi. Không phiếu mới thú chứ. Tán mãi, nịnh mãi mới được đây. Nay mai Tấn viết hộ mình một bài báo về cô mậu dịch. Để ông nghiệm này mang đến. Gọi là tri ân, chứ không phải móc ngoặc đầu đây nhé.

Rồi Nguyên Hồng suy nghĩ về cái điều anh chưa hiểu.

- Mình không có phiếu, thế ngộ nhỡ trên người ta kiểm tra thấy hụt thì làm sao nhỉ.

Ở nhà tôi lúc đó có “chuyên gia” Bùi Đình Tịch. Anh giảng giải:

- Cửa hàng này chỉ bán cho những bậc lương 105 đồng trở lên. Phiếu của các cụ ấy là có cả ô rượu. Nhưng nhiều vị không biết uống, không mua. Nó thấy ông lượn về về quanh mấy chai rượu, nó thương tình nó bán cho ông. Giả thử trên có kiểm tra thì nó bảo hôm nọ nhà em có giỗ, em lấy một chai. Ai nói gì. Với lại cán bộ cửa hàng, cán bộ sở uống nhiều chứ nó uống mấy.

Nguyên Hồng xác nhận những ý kiến của Bùi Đình Tịch:

- Đúng. Mình cứ đứng ở chỗ quầy rượu, giả vờ hỏi:

- Chị ơi. Rượu bán thế nào đấy hở chị?
- Bán phiếu bác ạ.
- Thế, thế không có phiếu có mua được không hở chị?
- Không bác ạ.

Mình đi sang quầy khác rồi lại quay lại. Nhìn quầy rượu. Nhiều thật các ông ạ. Chai nọ sát chai kia. Mà làm sao lại có cả rượu cả phê các ông nhỉ. Cho người ta uống rượu cả phê là dã man. Cho người ta uống rượu cả phê thì thà rằng đừng cho người ta uống. Cả phê làm giã hết rượu, uống bao nhiêu cho đủ. Đang đứng ngắm như thế thì cô mậu dịch gọi:

- Bác ơi. Bác có mang tiền đi không, cháu linh động bán cho bác chai rượu chanh.

- Có, có, tôi có mang tiền đi chị ạ.

Thế là mua được chai rượu. Sao lại có người phúc hậu như thế nhỉ.

Nguyễn Hồng cười sung sướng. Tịch thêm:

- Chắc là lúc ấy cơn nghiện của cụ lên. Nó trông cụ, nó thương.
- Thật là tiên chứ không phải người trần. Xinh đẹp, thương người, phúc hậu...

Nguyễn Hồng lại cười. Tiếng cười lúc sáng khoái như thế này thường dòn tan.

Và anh cho chúng tôi biết một bí mật:

- Cửa hàng Tôn Đản trên Hà Nội, người ta đã tính: phiếu của một vị bộ trưởng mà mua cho hết là vừa sạch lương của vị ấy. Thế mà có những bà bộ trưởng tháng nào cũng mua hết tiêu chuẩn, không sót một thứ nào. Lương ông bộ trưởng hết xoắn, không biết rồi gia đình bộ trưởng sinh sống ra sao. Lại cười. Lần này cười dòn hơn lần trước. Tịch ngồi nhắm một số tiêu chuẩn chính và nói:

- Một cái phiếu ấy không cần mua hàng, cứ bán các ô mỗi tháng cũng phải được mấy trăm. Mua tất cả rồi bán còn lời nữa.

Sau này khi được phiếu Tôn Đản, Nguyễn Hồng cũng mua “gần hết” tiêu chuẩn. Nhưng không mua cả cho mình và cũng không mua bằng tiền của mình. Ai cần thứ gì, anh mua hộ. Có mỗi ô bất khả xâm phạm: ô rượu.

Anh em Hội văn nghệ đều nhớ những buổi liên hoan bánh kẹo Tôn Đản do Nguyễn Hồng mua mang về chiêu đãi.

Thanh Tùng vẫn nhớ một hôm Nguyễn Hồng đến nhà hỏi:

- Vợ chồng mày có tiền không?
- Có. Cụ làm gì?
- Mua Tôn Đản.
- Mua hàng gì cơ?
- Bát.
- Nhà con có đủ bát rồi.

- Chúng mày không biết. Mua về bán. Lãi đấy.

Cái đạo ấy vợ chồng tôi chuyên làm nghề mua lại của mậu dịch viên bát, chén, cốc, ấm, cả chiếu nữa và đem “đồ” ở chợ Sắt. Tôi không ngờ Nguyên Hồng cũng bắt đầu sâu sát với “cuộc sống mới” như vậy.

Khách Nguyên Hồng đến nhà, không phải lo nhiều về khoản thức nhắm.

Nhưng phải lo rượu. Đó là thứ không thể thiếu.

Rượu đã trở thành một trong những đặc trưng nổi bật của Nguyên Hồng. Giờ đây người ta đã viết rất nhiều về đặc trưng này mà tôi nghĩ rằng có nhiều chuyện đã được sáng tác ra, như kiểu Dương Tường nói cũng chỉ do lòng quá yêu mến anh mà thôi.

Hãy nghe Nguyên Hồng viết về lão La:

Lão đói bụng đến đâu, cơm dẻo canh ngọt nóng sốt đến đâu nhưng không rượu thì lão vừa ăn vừa thấy như ăn cháo lá đa, càng ăn nhiều càng bã bời nhạt nhẽo.

Lão chỉ mong được hai hươu là hay nhất, không thì một hươu thôi. Cốt nhất là bữa nhiều. Dù vất vả đói cực đến đâu nhưng khi rửa cái tay lau vào chiếc áo cũ, chân chùi chùi vào chiếc chổi lúa, rồi ngồi vào mâm, chai rượu để sẵn rót ra cái chén móng, tộp một ngụm, nghe hơi men phào phào cồn lên trong người, nhón con rạm, bẻ mẫu bánh đa nhai lộp cộp” (Sóng gầm, trang 305, bản in 1992).

Tôi ngờ rằng chính Nguyên Hồng đã trải qua những cảnh ấy. Nguyên Hồng lại bảo lò rượu nào được bộ xương của lão La mà cất thì đến mấy mươi đời cũng không phải mua men và không lò nào ngon hơn được. Nhưng chính Nguyên Bình lại nói về bộ xương của Nguyên Hồng y như thế, một thứ siêu men rượu.

Nguyên Bình còn rất nghiêm túc nói thêm:

- Ai nói rượu hại trí nhớ cũng nên xem xét lại. Nguyên Hồng là một phản biện. Cụ rất nhớ. Cụ nợ tao ba đồng lâu lắm rồi. Tưởng cụ quên. Nhưng khi nhận tiền thù lao đọc, cụ trả ngay. Cụ không quên. Chỉ túng thôi.

Nguyên Hồng uống rượu nhưng không say đến mức xỉn theo cách nói bây giờ. Anh chậm rãi, ngâm nga, thưởng thức chất nước trong, cay, ấm. Anh tự gọi mình là “bợm rượu” cho vui. Anh rất biết chừng mực.

Cái xe thiếu nhi của anh mà anh đặt tên là Cún bao giờ ở pooc-ba-ga cũng có một cái làn con đan bằng ràng ràng được chằng chịt kỹ. Trong ấy linh kinh báo, tạp chí, chai lọ, nhiều khi cả thức nhắm sẵn. Có lần anh còn móc trong túi áo một chai rượu con bèn bẹt, tí xíu, vắn nắp, rót cho tôi một nắp. Đó là rượu Ap-xanh.

Anh mang đến cho tôi tờ báo Văn Nghệ (hay Văn học) có in một truyện ngắn nước ngoài. Truyện Bên kia thế giới. Đó là truyện một ông già lương thiện chết và được lên thiên đường. Thánh Pie, người giữ chìa khoá thiên

đường tra sổ rồi mở cửa cho ông. Ông hỏi:

- Hỡi vị thần có đôi cánh bé tí xúu kia ơi. Thiên đường có rượu không?

Khi được trả lời là không, ông già đã chết kêu lên:

- Không có rượu sao lại gọi là thiên đường được! Tôi không ở thiên đường đâu. Cho tôi xuống địa ngục.

Thánh Pie cứ bắt ông vào thiên đường và động viên ông:

- Rồi sẽ quen đi.

Ông đáp:

- Tám mươi tuổi rồi còn quen làm sao được.

Nguyên Hồng cười giàn dụa nước mắt:

- Tám mươi tuổi còn bắt phải quen...

Anh bắt tôi đọc lại. Đến đoạn ấy anh lại cười vang:

- Tám mươi tuổi còn bắt phải quen thì ác thật.

Một hôm vào lúc nhá nhem tối, chúng tôi đi chơi phố về qua Lục hải thông, cái khách sạn nhìn thẳng ra Vườn hoa đưa người ngày trước. Ngồi trước cửa khách sạn, khuất vào chỗ tối, kín đáo là một chị bán hàng rong. Thế nhưng Nguyên Hồng vẫn nhận ngay ra người ấy bán hàng gì. Anh xuống xe, dắt lên hè rồi dựa hẵn xe vào tường và cúi xuống gánh hàng. Chị bán hàng đơn đả:

- Bác xơi miếng nào em chặt.

Một chị bán hàng thịt chó. Nguyên Hồng kênh cái mẹt, có cả một cái đuôi chó bóng loáng lên, vục tay vào tận cái thúng bên dưới. Anh lục lọi, bầu bầu, nắn nắn và lôi ra một tảng.

- Chị chặt cho tôi miếng nằm.

Nguyên Hồng cúi cúi xem gói thịt và gia vị:

- Chị cho tôi thêm mấy nhát riêng.

(Chữ nhát đúng là chữ của anh. Không chết như chữ miếng, chữ nhát gợi một động tác, một hình ảnh, một âm thanh, một quá trình...)

Về nhà, Nguyên Hồng cho thịt chó vào bát to, tráng nước phích và bắt tôi gọi vợ tôi dậy (trời rét, vợ tôi đã đi nằm sớm).

Cả hai chúng tôi đều không biết ăn thịt chó. Riêng tôi còn không ăn được mỡ. Nhưng không muốn làm anh mất vui, chúng tôi ngồi vào bàn, cùng ăn, cùng uống với anh. Tôi cứ nhai trệu trạo rồi nuốt. Vợ tôi cũng vậy. Đó là bữa thịt chó đầu tiên trong đời cả hai đứa. Chúng tôi ngồi tới khuya. Vợ tôi đi rán lại mấy miếng gan lợn trên cái lập là tí xúu và đập thêm vào đó mấy quả trứng làm kiểu ốp la. Nguyên Hồng thích màu sắc đỏ thẫm lên của lòng đỏ trứng ngay cạnh những miếng gan nâu hơi xém.

Một thời để mất

3.

Mỗi người có thói quen viết của mình. Tôi dù thâm niên viết chưa nhiều, cũng có thói quen riêng. Tôi thích viết về đêm. Từ sau mười giờ rưỡi trở đi cho tới khoảng một giờ sáng là thời gian làm việc kết quả nhất của tôi. Thói quen ấy được hình thành bởi những nguyên nhân sau đây:

Là một nhà báo, nghề nghiệp chính, công việc chính của tôi là viết báo. Tuy không phải gò bó tám giờ vàng ngọc tại cơ quan, nhưng những giờ phút tranh thủ bớt xén giờ chính quyền khó mà chủ động trước được. Cũng may, ngày ấy chúng tôi còn trẻ, mà hình như Pau-tốp-xki có lý khi nói rằng lúc còn ít tuổi người ta viết rất dễ dàng, sự dễ dàng ấy mất dần đi cùng với thời gian. Tôi phải viết về đêm là chính. Buổi tối cũng làm việc được đấy nhưng còn cái loa phóng thanh, cái loa nón phải đến vài trăm oát kêu oang oang từ trước 5 giờ sáng tới 8-9 giờ, kêu suốt buổi trưa và buổi chiều làm một lèo từ lúc tan tầm 4 giờ rưỡi cho tới 10 giờ rưỡi đêm, cái loa Ngã Sáu cách cửa sổ buồng tôi, cái cửa sổ nhà Tây rộng gần kín một bức tường, một khoảng cách tiêu chuẩn để đạt tới độ cực đại của âm thanh. Phát thanh nhạc thể dục sớm, ca nhạc sớm, phát thanh nông thôn, phát thanh công nghiệp, bản tin thời sự, quân đội nhân dân, vì an ninh Tổ quốc phát thanh văn hoá xã hội, buổi phát thanh lý luận, khắp nơi ca hát, Tổ quốc ta tươi đẹp, buổi phát thanh thanh niên, phụ nữ, ca nhạc theo yêu cầu thính giả, buổi phát thanh các nước xã hội chủ nghĩa anh em, lại còn có lúc Hải Phòng công pô thoi (Buổi phát thanh tiếng Quảng Đông), rồi tiếp âm đài Mạc Tư Khoa, đài Bắc Kinh nữa. Cả nhà tôi, kể cả các cháu còn bé tí cũng thuộc lòng các khúc nhạc hiệu cho mỗi chương trình. Ví dụ như khi nghe tiếng chuông điện Krem-lanh ngân nga: Bầu trời âu Xô Liên là nơi biết bao người, cháu Hải Yến mới lên hai tuổi giục tôi vì tôi đã hứa đèo cháu đi chơi: - Đi? Bô! Đài Tư Hoa (Mạc Tư Khoa - cháu nói ngọng) rồi. Muộn rồi.

Một đêm Vũ Thư Hiên ngủ ở nhà tôi. Sáng hôm sau, tung chăn dậy, nhìn ra cửa sổ, nghe tiếng loa từ Ngã Sáu vọng vào, Hiên nhú mồm bảo tôi:

- Hình như tao đã gặp buổi sáng như thế này ở đâu rồi.

Đúng là tiếng loa đã có từ lâu lắm rồi. Nó đã ngấm vào máu thịt, như là tiền kiếp vậy. Bao nhiêu năm chúng tôi đã nghe những bản nhạc hiệu ấy, những giọng nói đánh thép mở đầu ấy và cả những giọng điệu trong nội dung người viết người đọc nữa. Nó đã biến thành một phần của chúng tôi. Nhưng tôi nghĩ cuộc đời đâu chỉ có mỗi chuyện nghe phát thanh. Còn nhiều việc phải làm nữa chứ. Như chuyện các cháu học bài. Tiếng loa thường xuyên quấy rối các cháu. Thường xuyên ngày này sang ngày khác, năm này sang năm

khác, nghe tất cả các buổi phát thanh với một cường độ âm thanh sung mãn nhất và chắc chắn cao gấp nhiều lần so với quy định cho thính giác, với tôi đó là tra tấn. Ấy thế mà có những buổi sáng trở dậy, thấy tĩnh lặng quá chừng, tôi không hiểu thiếu một cái gì, mãi mới biết là thiếu tiếng loa phát thanh, tôi lại thấy nhớ nhớ. Thì ra người ta có thể nhớ cả sự tra tấn.

Gần đây thành phố Hải Phòng đã cho ngừng hoạt động hệ thống loa công cộng trong nội thành. Tôi cho đây là một biểu hiện trong việc xây dựng thành phố văn minh, một bước nâng cao chất lượng cuộc sống.

Mười giờ rưỡi đêm kết thúc những buổi phát thanh đại loại như Văn nghệ, Tiếng thơ, Tổ quốc ta tươi đẹp... Với hệ truyền thanh công cộng, đó là buổi phát thanh cuối cùng trong ngày. Không gian như sôi lên xèo xèo rồi rơi vào tĩnh lặng. Một thứ tĩnh lặng thoát đầu gần như khó hiểu, gần như tuyệt đối. Tôi ngồi vào bàn làm việc và hiểu rằng đã đến lúc mình hoàn toàn là của mình, mình sẽ làm việc với kết quả tối đa.

Hình như thành phố dạo ấy ngủ sớm hơn bây giờ. Mười giờ rưỡi đã thấy yên tĩnh lắm. Hay chỉ là cái yên tĩnh do cảm giác tất cả các loa truyền thanh trong thành phố vừa tắt tạo nên?

Ôi những đêm khuya hạnh phúc, im lặng tuyệt vời. Vợ con ngủ, một mình thức ngồi ở bàn làm việc, kéo cày. Ý thức về trách nhiệm người chồng, trách nhiệm người bố khi cả nhà ngon giấc, có một người đêm khuya không ngủ. Stalin vĩ đại thức canh cho thế giới hoà bình (thơ chế Lan Viên: Có một người đêm khuya không ngủ / Thức canh cho thế giới hoà bình. Stalin ta đó). Mình thức làm việc, nuôi sống cái gia đình nhỏ bé của mình, nuôi sống những người mình yêu quý hơn cả cuộc đời mình. Mình viết về những gì mình yêu, những gì mình ghét, mình tái tạo cuộc sống tuyệt vời, những con người tuyệt vời mà gần họ bao giờ mình cũng thấy mình tốt hơn, giản dị hơn, muốn làm việc hơn.

Không có cả tiền mua một cái đèn bàn, hơn nữa mặt hàng đèn bàn năm ấy chưa được Ủy ban kế hoạch nhà nước đưa vào kế hoạch sản xuất, tôi có cách làm đèn bàn của riêng tôi. Cái bóng điện tròn ở giữa nhà, tôi nối dây dài ra một chút. Khi cái bóng điện được dùng làm bóng đèn buồng, tôi cuộn một đoạn dây điện lại, thả nó đúng vị trí giữa nhà. Còn khi muốn nó là bóng đèn bàn, tôi chỉ việc thả đoạn dây điện ra cho nó dài thêm, kéo bóng về phía bàn, buộc nó vào một cái đinh đóng ở tường, rồi lấy tờ báo cuộn lại như hình cái bù dãi, chắn bớt ánh sáng cho vợ con nằm ngủ. Thế là có một ngọn đèn bàn, một ngọn đèn viết. Thế là tạo ra trong căn buồng thứ ánh sáng mờ mờ chỉ có một ô sáng ở bàn tôi. Ô sáng chiếu vào khuôn giấy trắng giữa bàn, thiêng liêng trang trọng, kích thích tôi làm việc. Tôi viết. Im lặng. Ý thức được rằng mình đang làm một việc tốt đẹp nhất trong những việc tốt đẹp ý thức về tài năng của mình, về sự non kém của mình. Ý thức về sự bất lực, về trách

nhệm và cứ muốn cưỡng lại những điều mình viết. Cuộc sống trên trang giấy sao mà gương gạo, mờ nhạt. Vì tài năng. Và cũng vì cả những gì khác nữa.

Không hiểu các nhà văn viết như thế nào, tôi - một kẻ mới tập tọng vào nghề khi viết luôn có ở trước mặt một nhà phê bình, một nhà tuyên huấn và sau này có cả một nhà... công an nữa. Họ nghiêm khắc nhìn tôi. Tôi đem điều ấy trao đổi với Nguyên Hồng. Anh không nhận xét gì ý kiến của tôi. Nhưng anh nói:

- Mình lẩn lộn, mình nghiền ngẫm, mình đọc, có khi năm năm, chục năm mới xong một quyển sách, mấy ông phê bình đọc vài đêm xong sáng tác của mình, thế là các ông ấy phán. Nào là chưa sâu, nào là thiếu tính giai cấp, hiện thực bị phản ánh một cách phiến diện. Đến như Những người thợ mỏ của thằng Võ Huy Tâm mà cũng có nhà phê bình hạ một câu: “Có tư tưởng công đoàn chủ nghĩa”.

Anh tiếp sau một lúc suy nghĩ:

- Người phê bình phải hết sức thận trọng, không được quyết đoán. Thạch Lam khi nói về tôi cũng chỉ nói là có lẽ “có lẽ cái đặc sắc trong văn Nguyên Hồng là màu sắc và sự rung động”.

Tôi góp thêm:

- Cái kinh nhất là các nhà phê bình cứ đánh, cứ nói, còn các nhà văn không có chỗ nào để nói lại, để thanh minh...

Hôm ấy Dương Tường cũng có mặt ở nhà tôi. Đôi mắt cười sau cặp kính cận dày cộp. Tường bảo:

- Tôi đọc cái này cho anh Hồng với Tấn nghe nhé.

Tường giở cái túi vải tùy thân, rút ra tờ L Humamté (Nhân đạo - cơ quan trung ương của đảng cộng sản Pháp).

- Tôi đọc đoạn Ep-tu-sen-cô sang Pháp cho các anh nghe. Thú lắm.

Và Tường đọc thẳng ra tiếng Việt:

- Đây là lời Ep-tu-sen-cô - Tường nói - “Thế là tôi đến Pa-ri, trong túi không một đồng trắng, trong mồm không một câu tiếng Pháp. Ở Pa-ri, một đêm tôi dạo chơi trên bờ sông Xen. Một đám người đang đi lại phía tôi, ca hát rất vui nhộn. Tay họ cầm những con dao bầu, dao nhọn, những cái kéo, những cái dùi, tất cả sáng loáng, đánh vào nhau xúng xoảng. Nhìn họ, tôi đinh ninh đây là những nhà phê bình văn học. Mãi tới khi nói chuyện với nhau bằng thứ ngôn ngữ quốc tế, nghĩa là làm điệu bộ, tôi mới biết họ làm ở lò sát sinh”.

Tất cả chúng tôi cười phá. Cả ba cùng giàn nước mắt. Tôi nhận xét:

- Thì ra không riêng ta. Bên Liên xô những người sáng tác cũng chẳng ưa gì các nhà phê bình.

- Đâu cũng vậy thôi. Bởi vì phê bình như thế ấy mà.

Nguyên Hồng chậm rãi nói giọng buồn buồn. Rồi anh lại cười khinh khích:

- Ông Tuấn. Chúng nó cứ đe ông Tuấn là khi ông ấy chết, chúng nó sẽ chôn bên cạnh một nhà phê bình, ông ấy sợ lắm. Đã có nhà phê bình nói văn Nguyễn Tuấn chỉ để cho bọn ăn không ngồi rồi, bọn bóc lột, bọn tiểu thương đọc. Đó không phải là văn công nông binh. Tôi cũng chết vì bài Phở của ông ấy.

Nguyễn Hồng lại cười. Khi hoạn nạn đã qua đi, người ta thường cười. Mấy năm sau Nguyễn Hồng nói với tôi là trong bài tựa Tuyển tập Nguyễn Hồng in ở Mạc Tư Khoa, Nguyễn Tuấn có nói đến chuyện ấy, chuyện bài Phở của Nguyễn Tuấn làm ông chủ bút báo Văn phải lòi thối. Đi Hen-xanh-ki họp Hội đồng hoà bình thế giới, ở cái xứ Phần lan tuyết trắng, Nguyễn Tuấn nhớ tổ quốc và nhớ... phở. Phở về mùa nóng ăn xong vã mồ hôi. Đứng chỗ luồng gió, mát tỉnh người. Phở về mùa rét, ăn rồi đi ngủ như đắp thêm một cái chăn bông. Lại còn phở cho trẻ con chỉ có thịt, bánh, không có chanh, ớt, tuổi trẻ vội gì đã bắt chúng nếm vị chua cay. Và còn tĩa tót: Tên hiệu phở thường chỉ gọn một tiếng, phở Đất, phở Giời, nó như nhát dao ấn xuống miếng thịt bò chín, chẳng thấy có tên hiệu phở nào dài như Công tôn nữ Nhân Lan. Rồi đến một thứ mũ ai đội cũng không được, trừ ông hàng phở. Đó là mũ phở. Đồ biết thế nào gọi là mũ phở... Chưa hết.

Nguyễn Tuấn còn lên án các loại phở ba ba, phở tắc kè v.v... nghĩa là loạn phở, phở nổi loạn* (*Phở của Nguyễn Tuấn (tôi ghi theo trí nhớ). Trong lần tái bản này, tôi đã đọc lại Phở và thấy mình đã nhớ sai ít nhiều. Nhưng tôi vẫn không sửa lại. Chẳng qua chỉ muốn giữ nguyên tình yêu với Phở - bị - câm, Phở -không - được - đọc - lại. Phở - tưởng - tượng - thêm mà thôi). Nhắc lại chi tiết này chúng tôi cùng bái phục Nguyễn là nhà tiên tri. Thực tế lúc đó đã vượt xa dự đoán của Nguyễn Tuấn rất nhiều: Phở tép, phở rau, phở không người lái... Tất cả đều có tên là phở cải tiến.

Mấy năm gần đây, người ta đã đánh giá lại bài Phở. Không phải là đi vào những đề tài tụn mẫn, vụn vặt của cuộc sống, tuy bút Phở nói về sự ăn uống, một đặc trưng văn hoá của dân tộc. Nó là bước kế tiếp Hà Nội băm sáu phố phường của Thạch Lam.

Thanh minh cho tác giả Nguyễn Tuấn, cũng đồng thời là thanh minh cho chủ bút Nguyễn Hồng. Chỉ tiếc Nguyễn Hồng không còn nữa. Anh không biết rằng rút cuộc người ta đã hiểu anh, rằng anh chỉ muốn ngay cả trong những hình thái sinh hoạt bình thường của cuộc sống cũng gạn chặt được những nét đậm đà thẩm thiết, rút ra được ý nghĩa làm cho thấy cuộc sống phong phú hơn, cần phải bảo vệ hơn, cần phải xây dựng tốt đẹp thêm*(*Báo Văn - Nguyễn Hồng - theo trích dẫn của Nguyễn Đình Thi - Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong Văn nghệ, nhà xuất bản Văn hoá, 1957).

Trong câu chuyện giữa chúng tôi, Nguyễn Hồng hay nhắc đến Nguyễn Tuấn. Ít thấy đôi bạn thân thiết nào lại khác biệt nhau đến thế. Một người

phá đình phá chùa. Một người tô tượng đúc chuông* (*Nguyễn Tuân có nói rằng mình là người phá đình phá chùa, còn Nguyên Hồng là người tô tượng đúc chuông). Khác nhau từ hình thức, cách ăn mặc, đi đứng, giao tiếp. Khác nhau từ thế giới nhân vật, văn phong. Một người là ẩm trà trong sương sớm. Chém treo ngành. Một chút tiểu sử và một bản lý lịch, Chiếc lư đồng mắt cua. Người kia là Bĩ vớ, Quán Nải, Địa ngục, Buổi chiều xám, Sóng gằm. Khác nhau hoàn toàn về tính cách. Tính cách ngoài đời và tính cách trong văn chương.

Nguyễn Tuân kênh kiệu, sang trọng. Nguyên Hồng thoải mái, giản dị. Tôi nhớ một lần Nguyên Hồng thoái thác được một bữa tiệc long trọng, hớn hờ dựng “Cún” ở cầu thang, lên gác:

- Nhà ăn chưa?

Tôi ngạc nhiên:

- Ăn rồi anh ạ. Sao? Sau hội nghị có chiêu đãi cơ mà. Để tôi bảo nhà tôi làm món gì anh ăn.

Anh không đồng ý và bắt tôi đi theo anh, “Đừng hành bà ấy nữa”. Chúng tôi ra phố Ga. Anh dừng xe sà xuống một bà bán ổi ương. Cho ổi vào túi, chúng tôi đến một cửa hàng mậu dịch ở gần ga. Cái khách sạn Hoà Bình vừa tới vừa chông trơ những bàn gơ-ra-ni-tô vuông. Anh mua bia và hỏi mượn cô mậu dịch viên một cái đĩa men.

- Đĩa không thôi chị ạ. Để chúng tôi đựng thức nhắm mà.

Chúng tôi mang ổi ra rửa ở vòi nước công cộng. Tay ướt đầm, chúng tôi mang ổi vào để lên chiếc đĩa men. Cô mậu dịch viên tròn mắt nhìn món nhắm của chúng tôi.

Chúng tôi uống bia. Hàm răng chắc của chúng tôi tách những miếng ổi kêu dòn. Anh ngả người trên ghế:

- Thế này có sướng không. Ở đây bây giờ đang nâng cốc, đang diễn văn đấy. Quả thật, chúng tôi hoàn toàn là mình. Được hoàn toàn là mình sung sướng biết bao. Không ai biết chúng tôi là ai. Tôi đã hần. Còn ở các bàn bên, những khách ăn uống chẳng ai biết anh là Nguyên Hồng, cái ông khách da nâu, quần áo nâu, quê mùa đang uống bia nhắm ổi ương kia?

Đó là chuyện Nguyên Hồng ăn mà tôi được chứng kiến.

Còn đây là lời Nguyễn Tuân nói về Nguyên Hồng mặc mà tôi được đọc.

“Trong cư xử Nguyên Hồng xuềnh xoàng và càng xuềnh xoàng về ăn mặc. Một người bạn tôi, trước là chủ hiệu may và giờ là xã viên đứng đắn của hợp tác xã may mặc Hà Nội đã nói trộm với tôi về nhà văn Nguyên Hồng mà ông ta thích đọc “Nguyên Hồng có tính lập dị không?”

Đi ra nước ngoài không biết mấy lần rồi mà sao giày, mũ, quần áo ông ta trông cứ như người mu dích Nga trước cách mạng tháng Mười ấy! Ai ở thủ đô mà cũng cứ quần áo như thế thì chúng tôi thất nghiệp hết sao. Không phải

nhà văn phải mặc theo thời trang một nọ một kia, mà ý tôi muốn là được cắt cho ông ấy một bộ quần áo gọn gàng, ông nói ông ấy cứ đưa mấy thước hàng lại, tôi không tính tiền công may đâu, chính tay tôi đo lấy, cắt lấy, may lấy, gọi là tỏ cái tình của một người độc giả cũ ngày nay vẫn còn mê văn Nguyên Hồng”. “Thôi ông ạ, ông bạn đồng nghiệp của tôi không bận tâm về quần áo, mặc thế nào cũng xong, xuềnh xoàng quen đi rồi. Tính ông ta thế, tốt thực đấy, nhưng không nên đụng vào chuyện này”.

Và Nguyên Hồng đã kể lại cho tôi nghe những ngày Nguyễn Tuân ở Mạc Tư Khoa như sau: Viết lời tựa cho Tuyển tập Nguyên Hồng, được nhuận bút, Nguyễn Tuân đi mua rượu uống với cha con Xi-mô-nốp và mua một cái áo măng tô Pháp may theo một Pa-ri mới nhất hồi đó. Cả hai cha con Xi-mô-nốp đều khen Nguyễn là nốp(*quý tộc), là ê lê găng* (*phong nhã), Nguyễn càng duyên dáng, tự tin và trí thức hơn bất kỳ lúc nào trong cái áo măng-tô mới.

Nguyên Hồng rất yêu quý Nguyễn Tuân và cũng vì biết tôi yêu quý tác giả Vang bóng một thời nên trong câu chuyện với tôi, Nguyên Hồng hay kể về Nguyễn Tuân.

Chuyện một buổi chiều Nguyễn Tuân đi bách bộ quanh hồ Gươm, điều thuốc lá trên môi, không nghĩ ngợi gì mà chỉ cảm thụ cuộc sống bằng tất cả mọi giác quan, hết sức thanh thản. Bỗng có một chàng trai đi ngược chiều, đưa tay lên rút điều thuốc Nguyễn Tuân đang ngậm. Thấy có người giật điều thuốc của mình ra khỏi miệng, Nguyễn Tuân sững lại, ngơ ngác, không còn hiểu chuyện gì xảy ra nữa. Anh thanh niên đứng dừng ngay trước mặt ông, mồi lửa vào điều thuốc của mình, nhả khói và cắn trả lại điều thuốc lá của Nguyễn Tuân vào mồm Nguyễn Tuân, vẫn không nói một lời, đi thẳng. Không thể tiếp tục cuộc dạo chơi quanh hồ được nữa, Nguyễn Tuân về nhà nằm thẳng cẳng.

Lại một chuyện khác. Nhân ngày 19 tháng 12 kỷ niệm toàn quốc kháng chiến, Nguyễn Tuân cùng Nguyễn Huy Tưởng và Nguyên Hồng rủ nhau vào một cửa hàng mậu dịch ăn uống, ôn lại những kỷ niệm về Hà Nội những ngày đầu kháng chiến, cô mậu dịch viên vắt lên bàn trước mặt ba người một nắm cùi dĩa, phóng sét “như người ta vắt xéng cuốc ở công trường”. Nguyên Hồng gọi Nguyễn Tuân là ông già quái quỷ.

- Tiếp A-bra-ham chủ nhiệm tạp chí Châu Âu), ông Tuân nhất định không nói tiếng Pháp. Cứ đòi phải có phiên dịch. Cuối cùng phải có một phiên dịch. Phiên dịch Nguyễn Đình Thi: Tổng thư ký Hội Nguyễn Đình Thi làm phiên dịch! Quái quỷ! Mà không chịu tiếp ở cơ quan, khách sạn. Tiếp ở nhà! Không Mac-ten, Na-pô-lê-ông. Rượu lậu? Rượu nếp lậu! Với bánh chưng, giò lụa, chả quế, hành nén. Vay tiền của Hội để tiếp. Trả sau. Bắt Nguyễn Đình Thi dịch lại sự tích bánh chưng, về những nghệ nhân giã giò và nghệ

thuật làm giò lụa, về miếng chả quế có lớp ngoài bong ra như lớp bì dính vào miếng thịt dất. Quái quỉ!

Thường cứ sau tiếng “quái quỉ” là một chuỗi cười dòn. Tiếng cười sáng khoái nhất của anh.

Lại còn chuyện Nguyên Hồng chơi cờ với Nguyễn Tuân mới thật là “quái quỉ”. Cho đến bây giờ mỗi khi ôn những kỷ niệm về Nguyên Hồng, Nguyên Bình vẫn còn nhắc lại với tôi chuyện ấy. Ngày ấy tôi và Nguyên Bình hay chơi cờ với nhau. Ngày ấy chúng tôi còn trẻ, quỹ thời gian còn nhiều, chưa phải tính toán những ngày còn lại. Nên “bõ bèn chi đối đôi ta phao phí một hai giờ” (Mai-a-kôp-xki). Nhà tôi lại có bàn cờ tướng. Trình độ của chúng tôi kẻ tám lạng người nửa cân, nghĩa là đã qua được kiêu chơi cờ vồ, cờ lừa, nên cuộc chiến thường rất gay go. Ôi! Những phút giây suy nghĩ lao lung. Trí tuệ căng thẳng tập trung vào những quân cờ, không biết gì đến chung quanh. Tôi sắp bị mất xe, quân cờ mạnh nhất trong các hàng sĩ tốt, kết quả nước pháo tuần hà sở trường, hiểm hóc của Nguyên Bình và sự hắc lờ của tôi. Phải tìm cách thoát khỏi nỗi đau này. Không có tình thế nào là tuyệt vọng. Tôi cố nghĩ kế thoát hiểm. Còn Nguyên Bình triền miên với thắng lợi, thừa thế tính những nước tiếp theo.

Bỗng một bàn tay của ai đó thò vào bàn cờ, nhắc quân tượng của tôi đi một nước để tránh thế pháo nổ chiếu bí. Chúng tôi quay ra: Nguyên Hồng! Anh đến từ bao giờ và đang im lặng xem chúng tôi đấu trí. Anh ngồi xôm, chòm râu thưa tì vào một cánh tay khoanh trên gối suy nghĩ, tay kia ngáp ngừng đưa trả quân tượng về chỗ cũ. Anh đã nhận ra cây xe của tôi đang là mối ngon cho cây xe của Nguyên Bình.

Nguyên Bình thở dài đầy thương cảm với tổn thất của tôi, một tiếng thở dài đầy giả dối:

- Thế là mất cả xe cộ!

Chúng tôi toan dừng cuộc chơi để tiếp anh, nhưng anh xua tay, ý nói: “Cứ tiếp tục đi”. Anh ngồi chầu rìa, khi mách nước tôi; khi mách nước Nguyên Bình. Ván cờ kết thúc với thắng lợi của Nguyên Bình. Và Nguyên Hồng vào chơi thay tôi.

Té ra Nguyên Hồng đánh cờ rất dở. Anh thua Nguyên Bình chỉ sau hơn chục nước đi.

- Mình loại ruồi. Không chơi được với các ông. Võ sĩ hạng nặng.

Rồi:

- Mình chỉ chơi cờ với ông Tuân được thôi. Chúng tôi hiểu ngay rằng sắp được nghe một câu chuyện thú vị. Chuyện hai ông già đáng yêu đầy cá tính ấy chơi cờ. Nguyên Hồng đọc được vẻ háo hức của chúng tôi. Anh kể:

- Chúng mình không chơi như các ông. Bày bàn cờ xong đôi bên đều nhường nhau: Mời ông đi trước. Mời ông đi trước. Tất nhiên mình phải đi

trước vì ông Tuân muốn thế, ông muốn nhường bạn một nước. Mình nghĩ. Nghĩ lâu. Và quyết định đi nước đầu tiên: ấn tốt ba. Ông Tuân quả là sành cờ. Ông đánh giá đúng nước đi ấy và thán phục: Cao! Cao! Ông nghiêng ngả triền miên, thỉnh thoảng lại xuýt xoa: Cao, cao, khen nước tốt khai cuộc của mình. Ông Tuân rất sợ tốt. Các ông còn nhớ không nhỉ. Trong một sáng tác ông Tuân đã cho tốt lùi đây. Ông rên rỉ: Con tốt này sắp sang sông đây. Mà nó sang sông là thành một con xe đây. Thành con xe nhưng nó vẫn là con tốt nên nó rất liều mạng. Cái đồ tiểu nhân đặc chí này. Nguy hiểm đây. Nguy hiểm lắm đây. Thế rồi ông ghềnh sĩ.

Đến lượt mình bật lên: Cao! Cao! Nước ghềnh sĩ rất hiểm. Để đưa pháo vào gọng sĩ đây. Rồi sau đó sẽ ký pháo cản tượng. Cao, cao. Ông Tuân nhìn mình, cười đầy thoả mãn rồi chậm rãi nhồi một tẩu thuốc, ngậm nga. Ông biết mình có phá được nước ghềnh sĩ của ông cũng còn lâu. Tất nhiên là lâu. Nhưng rồi mình cũng nghĩ được. Chẳng còn nước nào khác, ngoài nước lên tượng. Thấy mình vén tượng, ông Tuân hoảng: Không thể đánh được với ông này. Cao, cao.

Chúng tôi cười bỏ. Nguyên Hồng cố nén cười, thuật tiếp ván cờ giả vờ ấy, cuộc đấu giả vờ ấy. Cả hai ông cùng ngồi xồm lên, suy nghĩ căng thẳng trước mỗi nước đi và luôn miệng khen nhau cao! cao! Cho đến khi mãn cuộc.

Nguyên Bình rên rỉ:

- Hai cụ chơi như vậy mà cứ luôn miệng khen nhau cao cao thì thật là những bậc chí thánh.

Nguyên Hồng vừa lau nước mắt vừa nói:

- Cuộc chơi, cuộc vui các cụ tặng nhau thế còn được. Chứ cuộc đời, cuộc viết cũng tặng nhau như vậy thì chỉ có ăn cám hết.

Chúng tôi cùng xuýt xoa: Cao! Cao? Cả ba cùng cười vang. Và Nguyên Hồng lại cười - khóc.

Không chỉ kể chuyện Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng còn tặng tôi một kỷ vật về Nguyễn.

Một hôm, từ Hà Nội về, đến tôi, sau một tuần trà, Nguyên Hồng nói:

- Có cái này. Có cái này cho Tấn.

Đôi mắt anh long lanh, miệng tùm tùm cười: vẻ mặt đặc biệt sáng khoái. Rõ ràng anh rất biết giá trị món quà của mình, anh biết món quà của anh làm tôi vui. Anh lục cặp, cái cặp chứa đầy bản thảo phòng căng, miệng vẫn cười cười, rút ra một cái phong bì đưa cho tôi và cười ha hả. Tôi thật bất ngờ. Và sung sướng đỡ lấy cái phong bì. Nguyên Hồng trở lại im lặng. Cả hai chúng tôi lặng ngẫm cái phong bì có nét chữ Nguyễn Tuân. Trong một cuộc họp Hội nhà văn, thêm rượu, Nguyên Tuân lấy của Nguyên Hồng một cái phong bì, vẽ trên đó một cốc rượu, dưới đề “À votre santé, monsieur Nguyễn

Hồng”* (*chúc sức khoẻ ngài, ngài Nguyễn Hồng).

Trả lại cái phong bì cho bạn, Nguyễn Tuân nháy mắt, hất đầu ra phía cửa như muốn hỏi: Đi chứ? Cái phong bì đã cũ, mặt sau Nguyễn Hồng ghi những việc phải làm trước khi đi công tác.

- Tìm lại bản hợp đồng và Bì vò.
- Cất buộc lại các sách tài liệu, đem đi một số.
- Cất chén, bát, cây, cột.
- Hỏi tin Trà.
- Đưa chùm chìa khoá cổng hội.
- Buộc lại chai lọ, rang lạc.
- Dẫn dò các con.
- Khâu quần đùi.
- Để lại tem vải (...)

Rõ ràng cái phong bì anh không định cho tôi. Nhưng rồi anh đã cho.

Một cái phong bì nhưng tôi có được kỷ niệm của hai nhà văn lớn.

Cái phong bì Nguyễn Hồng cho tôi ấy là phong bì của nhà xuất bản văn học “Kính gửi đồng chí Nguyễn Hồng. Trường bồi dưỡng viết văn, Hội nhà văn Việt Nam”.

Trong một thời gian dài Nguyễn Hồng phụ trách trường bồi dưỡng những người viết văn trẻ, tiền thân của trường Nguyễn Du ngày nay. “Ông đốc Hồng”, bè bạn gọi đùa anh như vậy, anh cũng tự nói đùa về mình như vậy. Không hiểu anh dạy dỗ các bạn tôi ở trường như thế nào. Về với tôi, anh chỉ nói chuyện vui, chuyện đời, chuyện trong làng văn. Anh đọc cho tôi nghe mấy câu thơ lãng mạn của Huy Cận. Anh kể chuyện anh nhờ một cô gái đan cho anh một cái áo len để anh tặng người yêu, nhưng rồi chính cô gái anh nhờ đan áo ấy lại trở thành vợ anh, chị Nguyễn Hồng bây giờ. Anh kể chuyện khi Bì vò được giải thưởng, anh mới 17, 18 tuổi đi ngang qua Hôtel du Commerce, nay là khách sạn Hữu Nghị, các gái nhảy đã nhận ra anh và lôi anh vào bar như thế nào.

- Hồi ấy có hai người còn ít tuổi mà nổi tiếng. Đó là Xuân Diệu và tôi.

Nguyễn Hồng chỉ kích thích tôi làm việc chứ không dạy tôi nghề viết. Nói đúng ra, có một lần. Mà cũng chỉ là vui câu chuyện.

Khoảng 24, 25 tết năm ấy, Nguyễn Hồng về nhà tôi. Anh mang theo những bức tranh tết vẽ những tiên đồng đầu để trái đào. Màu hoa đào, màu xanh lục của quần áo, những dáng bộ cách điệu, cây xanh mang trái hồng... Tranh in trên giấy dó. Anh ngắm nghía căn buồng của tôi, rồi dán bức tranh lên tường phía trên cái đôn bằng gỗ gụ có trạm nho sóc. Đó là vật duy nhất của nhà tôi trước cách mạng còn sót lại. Tây đã đốt hết cả. Tôi chỉ thấy treo tranh tết bây giờ hơi sớm. Vì còn những gần một tuần nữa mới đến tết. Mọi người còn đang trong giai đoạn chuẩn bị, nghĩa là thời gian tất bật, vất vả nhất. Chúng

tôi ngồi uống rượu với chả mực.

Cô gái bên hàng xóm, sát vách nhà tôi xô vào chỗ vợ tôi (lúc đó đã ăn xong) thì thảo nhờ vợ tôi đan giúp một mảnh thân áo len để kịp mặc tết. Đó là một cô giáo xinh xắn đang tuổi yêu và đã có người yêu. Mỗi lần thức khuya để viết, nghe tiếng guốc cô lên thang muộn, tôi lại thấy trong lòng ngân nga thơ Quang Dũng:

Những lúc chơi giăng đùa gió trở về

Tiếng guốc lên thang gác lạnh canh...

Cô giáo đứng dậy ra cửa và lúc ấy mới để ý đến bức tranh. Cô kêu lên:

- Nhà anh chị có vẽ tết quá rồi nhĩ.

Nguyễn Hồng bảo tôi sau khi cô giáo đã về nhà:

- Tân thấy không. Chi tiết là vô cùng quan trọng. Nhất là một chi tiết đặt đúng chỗ..

Lại có lần anh kể cho tôi nghe về một người viết văn trẻ. Anh này say sưa giới thiệu với Nguyễn Hồng quyển tiểu thuyết còn đang nằm trong đầu mình, nói theo cách nói của các nhà văn là đang thai nghén.

- Quyển này của tôi sẽ có chiều rộng của bối cảnh, chiều cao của tư tưởng, và chiều sâu của nhân vật.

Nguyễn Hồng nheo mắt hóm hỉnh nhìn tôi:

- Chiều rộng, chiều cao, chiều sâu, nhưng phải có chiều tiêu nữa chứ!

Tác phẩm phải tiêu hoá được. Tiêu chuẩn ấy Nguyễn Hồng đặc biệt coi trọng. Đừng sống sót, đừng khô, đừng nhão nhoét. Có thể gây ra bệnh đường ruột, bệnh dạ dày. Nghĩa là phải bảo đảm “chiều tiêu”.

* * *

Ngày xưa Hải Phòng có nhiều sân vận động. Sân Bon-nan, sân Rơ-nô, sân Phong Đại Thành, sân Phết-bôn X-tát có mái che. Sân Bon-nan là sân trường thành của tôi.

Danh thủ Nguyễn Danh Túc từng lấy một thời bồi hồi nhớ lại chuyện cũ. Tất cả bốn sân bóng đều không còn, nhưng Túc chỉ thấy nhớ sân Bon-nan. Và Nguyễn Hồng cũng chỉ nhớ sân ấy. Bãi Bon-nan là một dải đất chạy dài giữa trung tâm thành phố, một bên là phố Trần Phú, một bên là phố Quang Trung, đầu này giáp vườn hoa Nhà kèn đầu kia chạm tới quảng trường nhà hát thành phố. Nó chính là vườn hoa Nguyễn Bình Khiêm bây giờ. Bãi Bon-nan là tên gọi chung cho cả hai sân bóng: Sân Máy Đền và sân Bon-nan.

Nguyễn Hồng đã ngồi ở đó không biết bao nhiêu buổi chiều, kể từ khi mới từ Nam Định theo mẹ ra Hải Phòng, lúc kéo lê đôi guốc cùn đi xin việc ở các sở, hay khi dạy học ở xóm Cấm. Nguyễn Danh Túc cả quyết:

- Nhà văn Nguyễn Hồng có đá bóng. Ông đá hậu vệ cho một đội bóng ở Nam Định đây. Chỉ trực tiếp đá bóng mới hiểu hết các ngón nghề của anh em chúng tôi. Mới mê đi đến mức ôm chầm lấy những người bên cạnh mà

hôn, không biết người ấy là phụ nữ như ông Nguyễn Hồng đã làm trong sân vận động Khác-cốp.

Phá sân Bon-nan cả hai đều thấy tiếc. Đều thấy là một tổn thất cho phong trào thể thao, nhất là phong trào bóng đá của Hải Phòng. Nhưng chẳng thể nào khác được. Phải biến sân vận động này thành cây xanh, nối tiếp với hai đầu cũng là cây xanh, liền một dải, thành lá phổi của thành phố ngày một đông đúc, ồn ào, bụi bặm. Bởi vậy Nguyễn Danh Túc chỉ biết thở dài, và Nguyễn Hồng im lặng.

Nguyễn Hồng hiểu sự cần thiết của dải cây xanh đó. Khi người ta dựng cốp pha, chuẩn bị cho việc đổ cột, đổ mái bê tông trùn lên vỉa hè ngã tư Minh Khai - Hồng Bàng, biến khu bách hoá tổng hợp Minh Khai thành một thứ Gô-đa thu nhỏ thì Nguyễn Hồng cuống cuống lên. Anh cảm thấy người ta đang phá vỡ sự hài hoà của đường phố.

Anh viết thư lên ông bí thư Thành uỷ, ông chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố, anh viết thư gửi báo Hải Phòng, Sở Nhà đất, Sở Xây dựng... Ngày ấy cuộc sống của tôi đang cực kỳ khó khăn. Biết tôi không quan tâm đến một điều gì khác ngoài kiếm sống, Nguyễn Hồng vẫn không kìm nén được những điều cần thổ lộ.

- Đường Hồng Bàng là đường phố đẹp nhất Hải Phòng. Ngã tư Hồng Bàng - Minh Khai là ngã tư đẹp nhất. Người ta đang làm hỏng nó.

Rồi lại:

- Đường Hồng Bàng có thể sánh với những đường phố đẹp nhất Praha.

Khi phá sân Bon-nan, chuyển nó thành công viên, anh không cuống cuống lên, mặc dù sân bóng với anh có biết bao nhiêu kỷ niệm...

“Sân Bon-nan là sân trưởng thành của tôi”. Nguyễn Danh Túc nói vậy. Sân Bon-nan còn là sân trưởng thành của bao danh thủ bóng đá Hải Phòng khác. Những Đức- tàu-bò, Dịp đề-người, Kính trâu, Mùi Pố, những Mạc, Giống, Chi... Những trẻ em cù bơ cù bất, những trẻ bán báo, bán lạc rang, bán kem, đánh giày, đánh mũ, những học sinh tan học quăng guốc, quăng cặp vào một góc, lao vào sân tranh nhau quả bóng tròn. Hò hét, bụi bặm, mồ hôi, lăn lóc nhưng biết bao sôi nổi, biết bao hào hứng. Chỉ một loáng người xem đã vòng quanh kín sân vận động. Đám khán giả cũng sôi nổi hò hét, bình luận, khen ngợi, chê bai, cũng ủng hộ đội này, dèm pha đội khác... Họ là những người tan tâm làm chiều, những anh đạp xích lô, những ông già đi mua thuốc ho ghé ngang qua, những em trai đi mua phở cho mẹ ốm ở nhà, cứ xách cái cặp lồng đứng ngây ra nhìn người, nhìn bóng, những người đi dạo tìm nơi đông đúc ồn ào, những người nghiện bóng, những hô-li-gân bóng đá...

Nguyễn Hồng bảo tôi:

- Chắc là ở Bra-xin phải có nhiều sân Bon-nan lắm. Mình đoán vậy. Có thể gọi sân Bon-nan là sân tình-yêu-bóng-đá.

Một cái sân ở ngay trung tâm thành phố, ngày nào cũng có người đá, ngày nào cũng có người xem. Sân ấy làm tăng lên mãi trong thành phố tình yêu bóng đá, môn thể thao của hành tinh.

Nguyên Hồng với chiếc xe “cún” hay ngồi ở đó những buổi chiều. Dừng xe đập vào tường bao, bức tường chỉ thấp đến đầu gối, nghĩa là vừa bằng chiều cao của cái poóc-ba-ga xe cún, anh ngồi xếp bằng tròn trên mặt tường bao và poóc-ba-ga xe, cười nghiêng ngả. Có người biết anh nhưng làm như không biết, để anh được hưởng trọn niềm vui bình dị nhất của một người bình thường. Anh có thể tranh luận với bất kỳ ai về từng cầu thủ của các đội bóng, đặc biệt là đội bóng Hải Phòng. Tôi rất khâm phục kiến thức uyên bác của anh về mặt này. Anh có thể phân tích chiến thuật của từng đội trong từng trận, phẩm chất của mỗi cầu thủ như phân tích mặt mạnh yếu của từng tác phẩm của mỗi nhà văn vậy.

Nguyên Hồng đặc biệt yêu quý Nguyễn Danh Túc. Vì tài đá bóng của Túc. Và có lẽ còn vì cái quá khứ của Túc, nó rất gần với thế giới nhân vật của anh. Ngày ấy ở đường Hồng Bàng con đường mà Nguyên Hồng coi là đẹp nhất Hải Phòng, có thể sánh với những con đường đẹp nhất Praha) chỗ gần đồng hồ Ba Chuông có một ông già bán cà phê, bánh mì sốt vang... thỏ. Đạo ấy nào ai dám nghĩ đến thịt trâu, thịt bò. Nó là sức kéo, là sự phồn vinh của hợp tác xã, là ấm no của nông thôn. Sốt vang thỏ ông già nấu thật ngon, “thịt róc xương” như món thịt thỏ trong Chuông nguyệt hồn ai (của E. Hê-ming-uê).

Cửa hàng ông có cái tên rất hay: Cà phê - điểm tâm Bác Học. Cũng chẳng có thêm chữ nghĩa kiến thức gì khi uống cà phê hoặc ăn sốt vang của ông. Ông tên là Học. Mọi người gọi ông là bác Học vì ông già, ít nhất là già hơn các cầu thủ bóng đá trong các đội tuyển Hải Phòng hồi đó Thế là cửa hàng ông mang tên ông. Cửa hàng Bác Học. Ông Học gầy gò, má hóp. Cửa hàng ông như một cái ống hình hộp hẹp, dài và sâu. Tôi và Nguyên Hồng thỉnh thoảng có lui tới đó. Điều lạ nhất là những chú thỏ. Chúng chạy nhảy trong cửa hàng, luôn dưới gầm bàn gầm ghế, quẩn cả chân khách. Nguyên Hồng vội co rút chân lên ghế khi có một con thỏ nhảy vào góc chúng tôi ngồi: Quái quỷ! Ông Bác Học túm đôi tai dài của một chú thỏ giơ lên, lấy lòng bàn tay vỗ nhẹ vào gáy nó. Thế là thỏ nằm ngay đơ. Ông đem cắt tiết và lột da, có lẽ không quá một phút đã xong một con.

Chúng tôi đến đó không phải vì món sốt vang thỏ, dù nó rất ngon và nổi tiếng. Điều hấp dẫn Nguyên Hồng là ở khía cạnh thể thao. Ông Bác Học thực sự là một ông bầu của bóng đá Hải Phòng, có thể coi như ông Ta-pi của Ô-lanh-pich Mác-xây hay Bec-lut-cô-ni của AC Mi-lan. Tất cả tiền lãi của Cà phê - điểm tâm Bác Học, ông dành để nuôi đội bóng Hải Phòng. Anh em cầu thủ đi về đó như đi về nhà mình. Ăn uống xong là đi tập. Đi tập về lại

ăn. Rồi thì tham gia giết mổ, pha cà phê, rửa bát... Túc không nhà không cửa ngủ luôn ở đây. Ông coi Túc như con: ông coi tất cả anh em cầu thủ như con. Đội bóng Hải Phòng đi đâu ở các nơi đều có mặt ông. Nếu đá ở Hà Nội ông đi lên bằng xe đạp. Ông Bác Học cùng với ông Đắc ba-đầu-gối, trùm đua xe đạp Đông Dương, mỗi người một xe cuốc guồng dọc đường 5, tới chỗ đội nghỉ ngơi, động viên anh em, góp thêm ý kiến về chiến thuật, nhắc nhở từng cầu thủ (tất nhiên là chỉ góp ý, nhắc nhở ngoài rìa, khi không có huấn luyện viên) rồi đưa vé vào khán đài A hò hét đến khản cổ, cổ vũ đội nhà.

Ông Bác Học không biết người đi với tôi là Nguyên Hồng, nhưng Túc biết. Hai người biết nhau từ ngoài sân vận động. Nói đúng ra Nguyên Hồng biết Túc lâu rồi, nhưng Túc mới biết Nguyên Hồng sau trận ấy. Cái trận Công An Hải Phòng đá với Cảng Hải Phòng năm 1956. Túc và cả Đức tàu bò nữa đá cho đội Công an. Túc bay người đánh đầu vào lưới đội Cảng, mở tỷ số ở hiệp 1. Túc lộn mấy vòng và thấy nóng nóng ươn ướt ở mắt. Rách mắt. Phải ra sân. Túc lên ô tô vào bệnh viện khâu ngay. Hiệp 2 Túc đã có mặt trên sân. Nhưng dù có cố gắng đến mấy cũng không xoay chuyển được tình thế. Kết quả 3-2 nghiêng về đội Cảng.

Sau trận đấu, Túc vừa đau, vừa buồn. Có một người quần nâu áo nâu, đen đùi chen lách qua đám cầu thủ, bước tới kéo tay Túc:

- Đi! Đi! Uống rượu ăn thịt bò khô. Ngay đây thôi.

Túc nhìn người ấy, lắc đầu:

- Cám ơn bác. Mệt lắm.

- Hay ăn kem cóc? Ăn cóc kem cho nó mát. Cú tét tuyệt vời! Mặc dù mình ủng hộ đội Cảng nhưng cú tét của cậu làm mình sướng quá. Tét thế mới là tét.

Túc nể người cổ động viên của đội Cảng, đi ăn kem cóc với người ấy. Mãi sau anh mới biết đó là Nguyên Hồng, là nhà văn Nguyên Hồng mà Túc đã đọc và thấy ông sao gần gũi.

Hai người quen nhau từ đây. Nhưng phải đến năm 1958, Nguyên Hồng mới hiểu hết tài năng của Túc. Sau khi thắng thể Công 4- 1, thắng đội tuyển Hà Nội có đầy đủ đội hình mạnh nhất, những Tý bò, Tòng, Nghẽn, Thọ, Ve 4-0, đội bóng Bát Nhất (Trung Quốc) thừa thắng về Hải Phòng thi đấu với đội tuyển thành phố Cảng. Đội tuyển Hải Phòng thắng Bát Nhất 2-0. Cả hai bàn đều do Túc đưa bóng vào lưới. Phút thứ 20 hiệp 1 và phút thứ 40 hiệp 2. Đó là trận thắng dòn dã nhất của đội bóng chủ nhà với đội khách Bát Nhất.

Túc đá ở sân Bon-nan từ năm lên mười tuổi. Túc mồ côi cha mẹ cũng từ năm ấy. Rời làng Hàng Kênh, Túc ra thành phố bán báo: Thời cuộc, Lễ sống, Tia Sáng... Com via hè, tối bạ đâu ngủ đấy. Khổ nhất về mùa rét. Chui rúc gầm cầu, gió vẫn cứ thông thoáng. Bán báo đến trưa, chiều vào sân Bon-

nan. Đội bán báo đá với đội đánh giầy. Đội đánh giầy đá với đội bán kem. Nhiều khi chỉ đứng xem. Xem các đội đàn anh thi đấu. Đội ô-lanh-pích, đội Thanh niên Hải Phòng, đội Xi tát đội Nam Sinh... Túc học được nhiều nhất cách đi bóng, cách che chắn bóng ở Túc Cầu Đại Vương trong đội Nam Hoa (Hong không).

Trận thất bại thảm hại của Túc và của đội tuyển Hải Phòng, tôi và Nguyên Hồng có được chứng kiến. Lại cũng trên sân Bon-nan. Lại cũng đông kín khán giả. Những khán giả khiêng bàn, xách ghế ở nhà ra tạo một chỗ ngồi. Những khán giả vắt vẻo trên những cành cây cơm nguội vẩy quanh sân. Ngày ấy chưa có sân Lạch Tray mà người ta còn nhầm là sân Quần Ngựa. Đội tuyển Hải Phòng phơi áo trước đội An-giê-ri 6-1. Tỷ số thật đậm. Chỉ nhìn hai đội ra quân đã thấy thất vọng. Tôi ghé tai Nguyên Hồng:

- Ta thua mất rồi.

Đội An-giê-ri với các cầu thủ cao mét chín, hai mét. nước da ngăm ngăm khởi động. Trông thật tiêu chuẩn hoá, trông thật tự tin, áp đảo uy nghi. Các cầu thủ Hải Phòng chỉ đến vai họ. Chắc chắn họ có thể lực tuyệt vời, quần nhau suốt chín mươi phút như không. Còn bên ta thì sao? Tôi như đã nghe thấy hai tiếng “thảm hại” luôn được nhắc đến trong các buổi tường thuật tại chỗ, cũng như đọc trên các báo. Chúng ta quá nghèo, đến mức không nuôi nổi một đội bóng đủ sức đá 90 phút.

Nguyên Hồng động viên tôi:

- Cao to là một lợi thế, nhưng ăn thua phải là kỹ thuật. Thời tạm chiếm ở sân Bon-nan này, Túc đá với các đội bóng của Pháp, tất nhiên là lính thôi, nhưng chúng nó đá rất hay đấy. Nhiều cầu thủ chuyên nghiệp bị động viên vào lính. Đừng coi thường. Chính Túc cũng có một thời vào lính đá cho đội Ma-rin. Chúng nó kèm Túc rất chặt. Nhưng cứ bóng đến chân Túc là vào lưới. Mấy ông lính Tây cẩu không đá nữa, đuổi đánh Túc. Dân phố thỉnh thoảng lại thấy một ông Việt Nam thấp bé chạy bán sống bán chết, đằng sau là mấy ông Tây cưỡi trần, mặt đỏ gay hò hét đuổi theo. Không còn biết là chuyện gì nữa.

Chúng tôi cùng cười vì chi tiết thú vị ấy. Nhưng tâm lý thất bại vẫn cứ đè nặng. Tỷ số 1-0. Rồi 2-0. Rồi 3-0.

Mỗi khi bóng đến chân Túc, Nguyên Hồng lại gào to:

- Túc. Túc! Cố lên? Túc!

Tôi than thở.

- Đội bạn cao thế Túc làm sao đánh đầu được!

Nguyên Hồng quát lên:

- Nó đánh bằng tay đấy! Nó là chuyên đánh đầu bằng tay đấy Tét -tay đi Túc?

Túc không đánh đầu bằng tay được. Các cầu thủ An-giê-ri với chiều cao áp

đảo đã hắt bóng ra biên. Nguyên Hồng vẫn nhấp nhồm, nhấp nhồm, tay chỉ chỉ như muốn nói với Túc điều gì. Nhưng quả bóng đã được đá lên rồi.

Trận đấu kết thúc với tỷ số 6- 1. Chưa bao giờ đội Hải Phòng thua đau đớn như vậy. Trên đường về nhà Nguyên Hồng mặt rầu rầu:

- Không còn Đức đầu bò, không còn Mùi Pố, không còn Te, Kính. Thua là phải thôi.

Với tôi, bóng đá chỉ là giải trí, tôi không cay cú như anh. Tôi nói giọng hài hước

- Vấn đề là “học tập đội bạn” mà anh.

Anh lắc đầu:

- Mình thua An-giê-ri là đúng. Nhưng đậm quá. Thi đấu mà cứ thua mãi thì buồn lắm. Nhục lắm. Cứ “học tập đội bạn” và “tình hữu nghị đã thắng” thì thi đấu làm gì?!

* * *

Nguyên Hồng đúng là người của chợ, vỉa hè, đường phố. Đồng chí bảo vệ cơ quan Hội văn nghệ Hải Phòng nhiều lần đi chơi tối về thấy ông chủ tịch Hội Nguyên Hồng trải báo nằm ở vỉa hè chờ mở cổng để vào nhà. Đồng chí bảo vệ tỏ ra ân hận vì về muộn, để anh phải chờ đợi thì nhận được câu trả lời thành thật nhất của Nguyên Hồng: “Không sao. Nằm thế này cũng có cái thú của nó”.

Có rất nhiều dẫn chứng về chủ đề này. Thanh Tùng kể anh hay được Nguyên Hồng dẫn đi ăn cháo lòng ở chợ Sắt, “ăn ở đây mới nghe được nhiều chuyện mà viết”. Bà bán cháo lòng vẫn gọi Nguyên Hồng là cậu Hồng, thái độ rất thân mật, khiến Thanh Tùng nghi rằng đó là người tình ngày xưa của “cụ”. Với tôi, Nguyên Hồng hay kéo đi chơi phố. Đi mà ngắm, mà nhìn, mà yêu cuộc sống. Đi thong thả trò chuyện và đi thong thả không trò chuyện. Một lần chúng tôi đi chơi vào buổi chiều hè, mặt trời đã lặn từ lâu, nhưng trời cứ sáng mãi không chịu tối. Từ Ngã Sáu đi thẳng lên Hồng Bàng. Tới cầu Gióp, chúng tôi rẽ ra bờ sông Tam Bạc. Đây hình như là thế giới của anh. Đây là nơi Năm Sài Gòn, Tám Bính từng sống. Anh đi xe đạp chậm, rất chậm. Tôi hỏi anh sao không tái bản Bỏ vỏ. Bỏ vỏ được tái bản một lần, bán hết veo.

Anh trả lời:

- Thôi. Phải làm cái khác thôi. Chẳng lẽ cứ bóc lột tô Tám Bính mãi. (tô: hình thức bóc lột của địa chủ ngày xưa: phát canh, thu tô).

Những cảnh sinh hoạt gia đình bày ra trên đường phố bờ sông. Rửa rau, giặt giũ, nấu nướng, ăn cơm mời chào đơn giản. Một thanh niên trên một chiếc sà-lan đang tắm. Bọt xà phòng trắng xóa từ đầu đến chân, trông anh ta như đang ở trong một vỏ kén xốp, gió thổi mạnh bay đi từng mảng.

Nguyên Hồng cười mãi:

- Yêu không hờ Tấn?

Quanh qua phố Bắc Ninh, chúng tôi về nhà hát thành phố. Thật bất ngờ: Quảng trường rộng, chật ních người. Nguyên Hồng kêu lên:

- Cái gì thế, Tấn nhỉ?

Chúng tôi phanh xe, dừng lại ở vòng ngoài cùng. Thoạt đầu chúng tôi tưởng là những người tới nghe một buổi hoà nhạc nào đó, những người mê âm nhạc đến trước cả giờ biểu diễn. Nhưng khi nhìn thấy mấy cái máy quay đặt ở phía cửa nhà hát, chúng tôi biết đó là những người dự quay xổ số. Tôi cũng có hai vé trong túi. Tôi muốn dừng lại, theo dõi vận may của mình. Nhìn ló lỏ đầu người đang hướng về máy quay, im phăng phắc và bất động, Nguyên Hồng giục tôi:

- Đi thôi.

Tôi ngoan ngoãn đi bên anh, nghe anh chép miệng:

- Tội nghiệp. Bao nhiêu người trông mong vào sự may rủi.

Tôi đặt tay lên túi áo sơ mi, mặt đỏ lên và muốn cãi lại anh, muốn bảo vệ cho những người đang đứng ở quảng trường nhà hát. Muốn thanh minh cho việc mua xổ số như tôi đã nói với Nguyên Bình: “Ba hào mua một cái hy vọng. Rẻ quá còn gì nữa”. Và Nguyên Bình đã mắng tiếp tôi: “Làm sao mà lại bỏ ra ba hào mua một cái thất vọng. Trong khi mày đã đủ thất vọng rồi!”. Tôi vẫn mua. Vừa cho vé vào túi tôi vừa đọc Trần Dần: “Chẳng cuộc tôm-bô-la vui nào mở trúng tên tôi”.

Chẳng vận may nào đến với mình đâu. Nhưng vẫn hy vọng. Cuộc sống là phải hy vọng. Với lại con số tiền thưởng cứ đập vào óc tôi. Đó là cả một gia tài lớn. Tôi sẽ giải quyết được bao nhiêu việc. Một cái xe đạp cho vợ tôi đi làm, khỏi phải đèo nhau, đưa đón chờ đợi, nhiều khi lỡ hẹn. Mua thêm cái chăn bông. Có được bát phở khuya để ấm bụng mà ngồi viết...

Tôi nghèo và tôi hiểu Nguyên Hồng cũng chẳng giàu gì. Vợ con anh đang ở Hà Bắc. Không làm nông nghiệp lại không sở gạo, không tem phiếu. Nhuận bút tái bản Bỉ vỏ tái bản Những ngày thơ ấu chỉ là một cơn gió nhẹ vào căn nhà trống tênh toàng của anh. Đã bao lần anh nói với tôi về niềm ao ước được đóng gạo sổ. Nhưng thôi. Tôi nhất định không phát biểu, không nói với anh rằng chính tôi cũng đang có hai vé xổ số trong túi sơ mi. Rằng tôi cũng đang trông mong vào sự may rủi. Có lẽ chưa bao giờ anh biết rằng tôi chơi xổ số.

Thế rồi khoảng một năm sau, trong một chuyến anh về Hải Phòng, chúng tôi lại đi chơi. Nhà tôi chả gần Ban xổ số kiến thiết, ngay giữa phố Rue de Lille theo cách nói của anh. Tức là phố Điện Biên bây giờ. Đi qua đó chợt anh kêu lên:

- Gượm. Tôi có cái vé xổ số. Để tôi so xem đã.

Chúng tôi dắt xe lên hè. Nhiều người đứng dò tìm các con số trên bảng thông báo. Anh cũng là một trong số họ.

Tôi không dò, không đối chiếu, không xem. Vì tôi không mua nữa. Tôi đã thử vận may. Và tôi đã biết vận may của mình. “Chẳng cuộc tôm bô la vui nào...” Tôi chả bỏ tiền ra mua thất vọng nữa.

Nguyên Hồng quay ra. Anh xé tấm vé xổ số của anh. Chẳng hiểu sao, tất cả những vé không trúng đều bị xé. Đó là cái được phép làm của mỗi người đối với tấm vé mình mua. Những mảnh giấy bay trắng mặt hè. Chúng tôi lên xe đi không nói. Chúng tôi im lặng nhìn bánh xe lăn. Chiếc bánh xe nào cũng phải lăn từng vòng, không thể nào khác được.

Một thời để mất

4.

Chiếc xe đạp của Nguyên Hồng thật tận tụy với anh đã cùng anh chia sẻ mọi vinh quang, cay đắng. Đó là chiếc xe thiếu nhi Liên xô, khung ngắn, bàn đạp ngắn ghi đông ngắn, người lớn ngồi trông như gấu, khi vận hành hai chân cứ nhoay nhoáy nhoay nhoáy, đầu gối chạm ghi đông. Nó còn một đặc điểm nữa là không đạp ngược được. Quay ngược chiều ru-líp là phanh, là khựng lại. Nhưng thời ấy cũng phải bình chọn, cũng phải phiếu. Có khi hàng trăm người mới được một chiếc, hơn nữa lâu lắm mới có một đợt phân phối. Giá cung cấp chỉ trăm đồng, mua xong bán được gần gấp đôi. Tôi cũng có một chiếc xe ấy. Nhưng xe của tôi mới cứng, do anh cả tôi tận Quảng Ninh mua phân phối giá cao cho tôi nghĩ là 150 đồng, nếu có bán chỉ được lời bốn chục. Xe của Nguyên Hồng thuộc loại tàng tàng. Mỗi lần đi đâu trên chiếc xe thiếu nhi Liên xô, tôi cố làm ra vẻ tự nhiên thoải mái, nhưng hẳn mọi người đều nhận thấy vẻ mắc cỡ của tôi. Tuy vậy nó cũng là một sự cải thiện lớn của gia đình tôi. Hai vợ chồng, mỗi đứa một xe. Bao nhiêu người thèm được như vậy.

Với chiếc xe thiếu nhi Liên xô, tôi đã đưa vợ tôi đi học đại học tận Tam Dương Vĩnh Phú. Nhưng nó ở với tôi chẳng được bao lâu. Sau chuyến đưa vợ đi dùi mài kinh sử, lúc trở về nhà, tôi bị bắt. Vợ tôi phải bán nó.

Xe của Nguyên Hồng han rỉ. Anh đi đến đâu là lũ trẻ ở đấy thèm thừng nhìn theo. Khi anh dựng xe ngồi chơi ở bãi cỏ, đã có nhiều em đến gạ gẫm: “Cho cháu đi một tý bác nhé. Cháu đi quanh đây thôi”. Lại còn: “Hay bác cho cháu thuê. Cháu có hai hào đây”.

Nguyên Hồng yêu quý chiếc xe đạp của anh như một người bạn trung thành. Anh đã kể cho tôi nghe không biết bao nhiêu chuyện về nó. Anh gọi nó là Cún, một tên gọi thân yêu, ta thường gọi con cháu ta khi chúng còn nhỏ.

Tôi rất giận cho trí nhớ của mình. Giờ đây tôi chỉ còn nhớ mỗi chuyện về anh với Cún.

Đó là một lần Thủ tướng Phạm Văn Đồng mời anh đến gặp. Anh cùng Cún đến Thủ tướng phủ. Anh cười:

- Cún của tôi cũng oanh liệt lắm chứ có phải thường đâu!

Anh dắt Cún qua trạm gác, vào chỗ gửi xe. Toàn những xe sang trọng. Những Đi-a-măng, Juy-ni-o, Stec-linh, Pơ-giô, bét nhất cũng là xe Thống Nhất. Lại còn bên ga ra ô-tô nữa mới kinh khủng. Din, Dít, Von-ga, Pô-bê-đa, Mốt-cô-vich, cả Phê-gát, cả Xi-tơ-rô-en. Sáng loáng lên. Đủ các màu sắc. Cún của anh sơn xanh xỉn, nhỏ bé đen đuôi, bùn đất. Hoá ra Cún lại nổi nhất mới chết chứ. Ai cũng nhìn chằm chằm vào Cún. Người ta đưa anh lên gặp Thủ tướng. Thủ tướng hỏi anh về tình hình văn nghệ, về đời sống anh em văn nghệ sĩ...

Khi ra về Thủ tướng tiễn anh xuống tận sân. Anh bắt tay Thủ tướng và dắt Cún đi qua những bồn hoa, những lối đi thẳng tắp đẹp đẽ uy nghiêm của dinh Thủ tướng, ra cổng và lên xe. Lại nhoay nhoáy nhoay nhoáy - quần áo nâu, chòm râu phơ phất. Lại hoà vào đám đông. Lại là một tế bào của đám đông lam lũ vất vả.

Việc ấy qua đi. Anh không nghĩ đến nữa. Thì một hôm, có một cán bộ lãnh đạo ngành thương nghiệp Bắc Giang đến Đồi Cháy gặp anh. Ông cán bộ ấy bắt tay anh một cách kính cẩn và đưa cho anh một cái phiếu phân phối xe đạp Thống Nhất, xe loại một, giá cung cấp, kèm theo 310 đồng tiền mặt.

- Thưa anh - Thủ tướng Phạm Văn Đồng có giao cho chúng tôi chuyển đến anh món quà này của Thủ tướng tặng anh.

Cũng dễ hình dung ra sự bất ngờ của Nguyên Hồng và tôi còn nghĩ rằng anh khóc nữa. Nhưng nếu chuyện chỉ có vậy thì cũng không có gì đáng nói.

Ngày mua xe thật là một ngày hội. Mọi người mặt rạng rỡ nhìn chiếc xe dựng ở sân. Đó là cả một tài sản. Lại là xe loại một. Phần lớn phụ tùng đều là hàng ngoại. Giá trị cái xe tương đương một tấn rưỡi thóc. Nhưng không ai nghĩ đến chuyện bán. Đây là quà của Thủ tướng.

Nhưng ai đi? Các con anh nhao nhao:

- Bỏ để xe này ở nhà.

- Con đi học xa, đi bộ khổ lắm.

Ở nhà cũng cần có một cái xe, thỉnh thoảng còn đèo mẹ đi nơi này nơi khác. Nguyên Hồng thấy những lý do ấy đều chính đáng. Còn anh, đi xe nào cũng được. Anh cũng không nỡ bỏ Cún, có mới nói cũ. Cún trung thành tận tụy của anh. Anh vẫn lại cùng Cún về Hà Nội, xuống Hải Phòng. Anh lại cùng Cún tới Hội nhà văn, tới trường bồi dưỡng những người viết văn trẻ, tới nhà máy xi măng, ra cảng...

Một buổi sáng anh đang cùng Cún thông thả trên đường Phan Đình Phùng

(Hà Nội) rợp bóng sấu, miệng nhả những câu thơ (anh có thói quen sáng tác thơ trong khi đi xe đạp trên đường) thì một chiếc Von-ga phanh kít và đỗ lại bên anh. Một mái đầu húi cao điểm bạc ngó qua khuôn cửa. Anh ngỡ ngàng: Thủ tướng Phạm Văn Đồng!

Thủ tướng mở cửa bước ra. Anh vội xuống xe. Thủ tướng bắt tay thăm hỏi sức khỏe của anh, sức khỏe gia đình và anh hình sáng tác bộ Cửa Biển của anh.

- Thủ tướng không hỏi gì mình về cái xe Thống Nhất. Chắc Thủ tướng cho mình túng quá, bán rồi. Mình ngưng chín người, cứ đứng một tay giữ Cún. Cây con Cún khôn nạn phản chủ này, nó cứ kênh cang trên đường, không quăng đi đâu được. Giá đất nứt ra để nó rơi xuống. Mà đất có nứt thì mình cũng chui xuống luôn cho đỡ ngưng!

Tôi chưa được một lần nhìn Nguyên Hồng viết văn, nhìn Nguyên Hồng sáng tác, cái công việc khổ sai mà ai đã vướng vào thì không sao gỡ ra cho được. Kim Lân, người bạn thân thiết của Nguyên Hồng, người tôi quen từ hồi còn đi học đêm ở Phú Bình đã viết rất hay, rất chính xác về lao động nhà văn của anh: “Bàn viết của Nguyên Hồng là cái giường tre anh vẫn ngủ. Anh hay dùng giường nằm làm bàn. Anh cũng còn cái bàn viết bằng cái mâm tre, ở nông thôn dùng làm mâm ăn. Nó giống như cái chõng tre thu ngắn. Nó thay thế cho cái vạn kỷ, chân quỳ, gỗ xua, gỗ trắc (?), mà các tay chơi đồ cổ đặt trên đấy cái ống bút hay bộ đồ trà. Trước cái bàn viết ấy, Nguyên Hồng trải chiếu, ngồi xuống đất viết. Thường làm việc gì anh cũng làm một cách tất bật, vội vàng qua quýt cho xong. Nhưng khi Nguyên Hồng chuẩn bị viết, tự dưng anh điem đăm hẳn lại. Trang trọng, từ tốn. Những lúc ấy anh phải thu dọn xung quanh cho gọn gàng sạch sẽ. Anh quét nhà, anh lau bàn ghế, anh sắp xếp lại những tập sách, giải chiếu xuống đất, vuốt ve mấy tờ giấy trắng, để bút để mực sẵn sàng. Rồi anh đi loanh quanh, đi ra đi vào, mặt mũi đăm chiêu khổ sở.

Anh vẫn gọi việc ấy là dọn ổ đẻ. Nom anh lúc ấy bịn rịn, bần khoản giống như con gà sắp đẻ thật. Nguyên Hồng đến với bàn viết của anh cẩn trọng, thành kính như một tín đồ đến trước bàn thờ Chúa. Như người lính trong hàng quân đứng nghe mệnh lệnh trước giờ chiến đấu. Phải nói rằng Nguyên Hồng viết chậm, viết kỹ. Có ngày anh chỉ viết được một trang giấy. Anh viết cực nhọc, vất vả Anh đánh vật với chữ với nghĩa. Anh gọi viết là cày. Nom anh ngồi viết văn còn vất vả hơn người đi cày. Những buổi chiều hè đứng gió, hơi nóng từ quả đồi sỏi đỏ lừ đừ bốc lên, ngọt ngạt, nặng trĩu. Trong gian nhà tối thấp im phắc, Nguyên Hồng vẫn ngồi viết. Mặt anh đăm mồ hôi. Chỉ nhìn vào những dòng chữ trên trang bản thảo Nguyên Hồng viết, cũng đã thấy được anh vật lộn với mình như thế nào. Anh viết như cào xuống

giấy. Những dòng chữ bị dãn xuống, nét chữ thật to, thật đậm, gãy góc, có chỗ rách cả giấy, có chỗ mực chấm đầy quá rớt xuống xanh lè. Những dòng chữ xô vào nhau gập ghềnh lên xuống...

Đọc Kim Lân, tôi mới biết lại lịch từ mâm viết trong một bức thư Nguyên Hồng gửi cho tôi từ Yên Thế. Không nhớ là năm nào nữa. Cuộc chiến tranh leo thang đang ở vào giai đoạn gay go, quyết liệt. Ngày và cả đêm luôn vang lên tiếng còi báo động và giọng nói giăt cục, dõng dạc, đánh thép trên loa truyền thanh: “Lệnh dự báo báo động. Máy bay địch đang hoạt động gần thành phố. Các lực lượng vũ trang lên vị trí chiến đấu. Đồng bào xuống ngay hầm trú ẩn...”

Máy bay ném bom phá huỷ đường 5. Máy bay bắn Sở Dầu. Máy bay bắn xà lan, tàu dầu ăn dầu từ tàu Liên xô tăng-bo qua cửa Nam Triệu vào ban đêm, từ cửa sổ nhà tôi trông thấy đạn đỏ lừ. Máy bay đánh các cầu đúng giờ và không đúng giờ. Máy bay đánh vào trận địa pháo Tân Dương. Người cháu họ tôi, pháo thủ, hôm trước còn sang thăm tôi, hôm sau đã hy sinh ngay giữa trận địa. Cơ quan báo Hải Phòng sơ tán về An Lão. Tôi, với tấm thẻ do chủ tịch uỷ ban ký, ở lại thành phố. Cũng coi như một thứ phóng viên chiến tranh.

Ở lại nội thành tôi có hai cảm giác lẫn lộn: thích thú và sợ hãi, nhưng cảm giác thích thú nhiều hơn. Như đang ở một thành phố Hải Phòng thứ hai vậy. Một Hải Phòng với khuôn mặt khác hẳn. Không còn là Hải Phòng tôi từng biết. Hải Phòng sẵn sàng cho một cuộc chiến đấu quyết liệt Một thành phố vắng tanh, thỉnh thoảng mới có vài người đạp xe hối hả. Hải Phòng bộc lộ những nét vẫn ẩn giấu bên trong, hồn nhiên, đằm thắm, tin cậy. Hải Phòng ra đi, để lại tất cả cho một số ít chúng tôi còn trong thành phố.

Tôi đi lang thang, rẽ vào những dãy nhà cửa đóng kín, khoá cũng rất sơ sài. Những cánh cửa đóng kín ấy là những hòm thư lưu. Trên một cánh cửa khu nhà Ngõ Đá, tôi đọc Anh, Chủ nhật tới em không về. Các con vẫn khoẻ.

Thuốc lá để trong ngăn kéo bàn. Một cánh cửa khác ở khu công nhân cảng: Con chào bố mẹ. Con lại đi đây. Con chỉ tạt được về nhà hai tiếng thôi...

Những buổi chiều tà, khi máy bay không hoạt động nữa, tôi hay dạo ra các cây cầu để có thêm cảm hứng sáng tác tập trường ca Đầu cầu của tôi. Ở đó xe đi, xe về, cuộn cuộn sức sống không gì dập tắt được. Kết thúc mỗi ngày, tin tức được nhắc đến nhiều nhất là tin về những cây cầu những cây cầu đã trở thành biểu tượng của cuộc chiến đấu, như một sự tự hào chiến thắng.

Nhiều câu thơ trong chương Những người lái xe tôi đã nhắm ngay khi đứng ở đầu cầu:

(...) đầu cầu xe về

Nước sôi trong két

Anh lái xe mắt xéch

Tắt máy chờ qua sông
Đầu gục vô lăng
Tranh thủ
Ngủ
Giấc ngủ treo bao ngày đêm mỗi rời mi mắt
Giấc ngủ đợi chờ vụt biến đi đâu
Khi đến đây đầu cầu,
Đáy vực không gian sâu thăm thẳm.
Sương rơi nắp ca-pô
Sương rỏ giọt ngoằn ngoèo kính cửa,
Sương Hải Phòng ướt bụi Trường Sơn,
Sương buông thanh bình như ngàn năm trước
sương buông
Anh lái xe dựa vô lăng nghe đất trời yên lặng
Nghe máu mình khe khẽ thái dương
Đốc cầu
Còi
Hiệu lệnh
Lên đường!
Đèn pha vụt sáng.
Máy nổ
Bánh lăn,
Chào cô em áo bành tô chân cầu đứng gác.
Anh gửi tới đồng chí thanh niên xung phong
một ánh đèn loé trên cặp tóc...

Bom đạn tập trung vào những cây cầu, vào các đoàn xe, kho tàng. Nhưng bom đạn cũng rơi trên đường phố. Rốc két bắn ngay Ngã Sáu, hơi ép làm vỡ kính cửa nhà tôi. Đi thăm các kho tàng, tôi rợn người khi bước vào kho quan tài. Những chiếc áo quan vừa được gấp rút hoàn thành trong một đợt thi đua sản xuất của các xí nghiệp gỗ quốc doanh. Toàn một màu đỏ máu, thơm mùi gỗ, cay hắc mùi sơn, cái nọ chồng lên cái kia, từ dưới đất lên tận nóc. Gian áo quan trẻ con làm tôi lạnh buốt tim, như có một nhát búa đập mạnh vào sọ. Những chiếc quan tài đủ mọi lứa tuổi, chiếc chỉ to như cái hộp dành cho trẻ sơ sinh, chiếc cho những lớp tuổi lớn hơn, có cả những chiếc nhỏ nhỏ dành cho tuổi sắp dậy thì, gán như của người lớn.

Chúng ta chuẩn bị cho cuộc chiến tranh leo thang thật tỉ mỉ, chi tiết và chu đáo. Phải dự trù tính toán tất cả với một đầu óc lạnh lùng tỉnh táo. Nhưng nhìn thấy kho áo quan này thì thật ghê rợn. Đó là điều kinh khủng nhất tôi đã trải qua trong những năm tháng ấy.

Tôi ghi chép. Tôi làm thơ. Tôi viết bút ký về những anh thợ hàn, hàn phuy

xăng, phải chui vào bên trong phuy, làm việc trong khói hàn mù mịt và tiếng động được nhân lên nhiều lần của que hàn cháy dưới hồ quang. Những tiếng động bị nhốt” tên của bài bút ký đã làm tôi lòi thối sau này khi tôi bị bắt. Nó có vẻ một sự ám chỉ. Tôi đến Sở Dầu lúc khói và lửa từ những bồn dầu bị cháy còn đang cuộn cuộn ngất trời. Tôi sang bên kia cầu xi măng, cùng các anh chị công nhân bê đá học kè lại đoạn đường vừa bị bom Mỹ phá buổi chiều, quá nửa đêm mới về đến nhà, chong đèn ngồi viết tin để sáng sớm kịp gửi theo đường dây sang An Lão, nơi cơ quan sơ tán...

Tất cả mọi người hướng về những con đường, những cây cầu huyết mạch. Và hướng về những anh bộ đội trên các trận địa phòng không, những anh bộ đội đem tính mạng của mình bảo vệ vùng trời, những anh bộ đội suốt ngày đêm ngồi trên mâm pháo.

Tiếng mâm pháo đã trở thành cuộc sống. Tỉnh mơ hôm ấy, tôi đạp xe sang Trường Thành (An Lão) họp cơ quan theo lịch. Tới Kiến An trời vẫn còn chưa sáng hẳn. Ngồi nghỉ ở vệ đường một lúc. Trời rạng dần. Nhìn chung quanh thấy một tấm biển cấm ngay sau lưng. Chăm chú nhìn trong ánh mờ mờ. Thấy hiện ra chữ đề: Bom chưa nổ. Hú hồn. Đạp xe một mạch tới nơi sơ tán. Vừa bước chân vào văn phòng cơ quan đã thấy một bức thư của Nguyên Hồng nằm chờ không biết bao ngày rồi. Anh gửi theo địa chỉ cơ quan, bưu điện chuyển về nơi sơ tán. Anh hỏi thăm gia đình tôi, hỏi thăm bè bạn, hỏi thăm Hải Phòng đang bước vào cuộc chiến đấu gay go quyết liệt. Anh kể chuyện anh ở Yên Thế, cái nóng tháng sáu khủng khiếp ở vùng trung du. Anh nói về những bữa rượu nhắm của đồng rang muối rất thú vị của anh và “Tán ơi! Khi các anh bộ đội đang ngồi trên mâm pháo thì tôi cũng cời trần hì hục trên “mâm viết”. Tôi đã cười mãi về chữ mâm viết anh sáng tạo ra và tôi cũng hình dung anh đang chum miệng cười sau chòm râu khi viết tới hai chữ này. Hóm hỉnh, mang tính thời sự và nói được cái lao động cực nhọc của nhà văn. Giờ đây, đọc Kim Lân tôi mới biết xuất xứ của từ ấy, tôi mới biết cái mâm viết cụ thể của anh. Gia đình bố mẹ tôi vẫn ăn cơm bằng loại mâm ấy. Chúng tôi gọi là mâm chõng. Mâm chõng thường được dùng đến khi chúng tôi ăn cơm ở ngoài sân, những buổi chiều hè. Bố mẹ tôi, chúng tôi và các cháu, mỗi người một cái ghế con (mà chúng tôi gọi là cái đòn) ngồi chung quanh mâm. Xum họp, đầm ấm, hạnh phúc. Cơm độn mì. Cá kho khế. Tép rang. Rau muống luộc đánh mắm chay. Mây bay trên đầu. Gió thổi và cây lá chung quanh.

Trong cuộc chiến tranh leo thang, có một vùng quê không xa lắm, có bố mẹ để đưa con về sơ tán thật là may mắn. Chúng được nuôi nấng trông nom dạy dỗ như khi còn ở với mình. Những bữa cơm sum họp ấy ngon đến tận hôm nay, hạnh phúc tới tận hôm nay. Thỉnh thoảng trong khi đang ăn, một chiếc máy bay do thám không người lái lướt qua, không ai trông thấy nó mà chỉ

nghe tiếng ầm ầm trên trời. Những quả tên lửa bay lên để lại những vệt khói ngoằn ngoèo mãi mới tan. Hoặc bùng nổ trên cao những bông hoa khói rồi sau đó rộ lên dội đến tiếng cao xạ phòng không từ những trận địa quanh Hải Phòng, tiếng máy bay bổ nhào và tiếng bom rền... Người dân quê tôi cảm thấy hơi thở của chiến tranh bằng những nét riêng. Những đợt tuyển quân cả vay tuổi lẫn đúng tuổi. Những buổi tiễn đưa, cờ bay ở nơi tập trung giao quân. Những giọt nước mắt. Đường làng vắng bóng thanh niên, những chàng trai quê đang độ bẻ gãy sừng trâu, chưa một lần tới nơi hò hẹn. Làng nhiều hơn những cặp mắt mong mỗi đợt chờ, nhiều hơn những vảnh khăn trắng. Thỉnh thoảng lại có một lớp tân binh về đóng ở làng, huấn luyện ngắn ngày rồi lên Yên Tử, tiếp tục tập, đeo gạch, leo núi. Dân làng đón họ như đón con cái mình. Tình cảm đối với con em đang chiến đấu ở phương xa dành hết cho lớp tân binh về đóng ở làng, còn quá trẻ, quần áo Tô Châu mới tinh, rộng thùng, tập ngoài bãi suốt trưa nắng. Bộ đội đối với dân làng cũng vậy...

Có một anh cán bộ huấn luyện quá yêu quý cháu Hải Yến, con gái thứ ba của tôi khi ấy mới bốn, năm tuổi. Trông thấy cháu con cón trên đường là anh bước tới, xốc cháu lên, chằm vập. Anh dò hỏi được nhà cháu, nghĩa là nhà bố mẹ tôi. Anh đến chơi với cháu, bố bố con con với cháu, cho cháu khi miếng cháy cạy ở vạc com của đơn vị, khi miếng chả bớt từ khẩu phần ăn của anh. Bố mẹ tôi gọi anh là Bố cho cháy, Bố cho chả của cháu. Nhưng anh làm cháu sợ. Cứ thoáng thấy bóng anh vào ngõ, cháu lại chạy xuống bếp nấp. Những đợt huấn luyện sau không thấy anh. Thăm hỏi, được biết anh đã đi B và hy sinh ngay trên đường hành quân. Lại được biết anh có một đứa con gái bằng độ tuổi cháu Yến. Trước khi đi B, Bố cho cháy, Bố cho chả được về nhà (Hải Hậu, Nam Định) thăm vợ, thăm con gái rồi không trở về. Vĩnh viễn không trở về.

Trong những năm tháng chiến tranh ác liệt ấy, Đỗ An Bình chuyển từ Ty Hải Đăng vào phụ trách một trạm đảm bảo giao thông ở khu 4, khu vực cán gáo, nơi tỷ lệ bom đạn tính theo đầu người cao nhất thế giới. Đỗ An Bình cùng đơn vị có nhiệm vụ bảo đảm huyết mạch giao thông không bao giờ đứt. Từ khu 4, anh viết những bức thư dài về cho tôi. Anh kể về những trận bom đánh suốt ngày đêm. Ban đêm một con đom đóm to hơn cỡ bình thường cũng khó lòng sống sót, người ta đuổi theo giết cho bằng được. Cả đơn vị đã khóc khi trông thấy máy bay Mỹ đuổi bắn hai tàu hải quân đã mất hết sức kháng cự, lượn vòng, bổ nhào, bay cao, xuống thấp như trong một buổi diễn tập. Hàng chở bằng tàu nhỏ bị bắn chìm. Chở bằng thuyền gỗ bị bắn chìm. Hàng mất. Phương tiện đắm. Người hy sinh. Những người ra đi là những người quyết tử, là những người một đi không trở lại. Thương vong lớn quá, lại nghĩ ra phương án chở hàng bằng thuyền nan, lập tổ tam tam, mỗi thuyền

một nam, hai nữ. Rồi lại thấy như vậy là hơi xa xỉ vì cái điều xảy ra vẫn cứ xảy ra một khi nam nữ gần nhau, cho dù là tổ tam tam một nam hai nữ, nên rút xuống chỉ còn một nam một nữ không kể tuổi tác nhằm bảo đảm quân số, bảo đảm an toàn hàng giang và tăng thêm sức động viên. Nhưng các thuyền vẫn bị bắn chìm quá nhiều. Người thương vong quá nhiều. Những thuyền vượt qua được bom đạn có thêm kết quả phụ: một loạt các cháu bé ra đời. Cuối cùng chỉ còn một cách: đóng túi ni lông. Những thùng lương khô, những cân đường, những gói sữa bột và cả thuốc men được cho vào túi ni lông buộc chặt, thả trôi sông. Nước chảy dạt vào bờ, những người dân Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình thiếu thốn, đói khát về nhà lấy sào đẩy những túi thực phẩm, thuốc men quý báu ấy ra ngoài luồng để nó tiếp tục trôi xuôi, đến nơi tập kết chuyển vào Nam cho bộ đội. Bình kể về những trận bom xoá sổ hẳn một đơn vị. Anh cùng mọi người đi nhặt xác đồng đội. Cứ hai chân, hai tay, một đầu là cho vào một túi ni lông, không biết ai vào với ai. Có khi còn nhầm cả giữa nam và nữ. Lúc đó không thấy sợ. Lúc đó gần như không nghĩ gì hết. Lại còn vừa tập kết tử thi về một chỗ thì bom lại nổ đúng nơi ấy. Những xác chết bị giết lần nữa. Những đồng đội bị giết tới hai lần. Và chuyện những cô gái thanh niên xung phong thường xuyên sống dưới hầm hào bom dội rung chuyển, vá đường dựng tiêu trong mù mịt khói bom, người khét mùi thuốc súng, quần áo tối tả, mắt quầng vì thiếu ăn thiếu ngủ bỗng ôm chầm lấy những anh lái xe, công khai bày tỏ niềm khao khát được ôm ấp vuốt ve, được hiến dâng tất cả và tận hưởng tất cả trong vòng tay nam giới.

Tôi viết thư vào cho Bình, giục Bình viết, giục Bình ghi lại tất cả những gì đã trải. Nhưng Bình trả lời tôi bằng hai câu thơ trong Sử Ký của Tư Mã Thiên:

Văn chương làm hại cuộc đời

Tay mài đốt mực, tay mài đốt xương

Mãi đến sau này tôi mới thấm thía điều Bình nói...

Những bức thư của Đỗ An Bình tôi đều đưa cho bè bạn đọc. Những bức thư từ tuyến lửa, hồn nhiên, chân thật cuốn hút các bạn tôi hơn mọi thứ văn chương. Vũ Thư Hiên nói với vẻ thèm thuồng. - Giá chúng mình được vào đây nhỉ. Rồi tiếp vẫn với giọng sôi nổi của anh: - Bây giờ được ra Côn Cỏ chỉ một tuần thôi. Viết một tập Người Côn Cỏ. Chỉ chép tiểu sử từng người. Và những suy nghĩ chân thật của từng người, những chuyện chiến đấu...

Nguyên Hồng đọc xong xếp thư, ngồi thờ thợt. Một lúc lâu sau anh mới nói, giọng buồn buồn:

- Nhân dân mình xứng đáng được hưởng sung sướng, hạnh phúc.

Đã nhiều lần Nguyên Hồng nói với tôi điều ấy. Đi Liên xô về, anh kể chuyện những bà mẹ Liên xô khóc khi thấy anh ăn quá ít:

- Bọn đế quốc nó làm các con không ăn được nữa...

Rồi anh nói:

- Nhân dân mình phải được hưởng hạnh phúc.

Tôi bày tỏ sự lo ngại với Nguyên Hồng rằng những chuyện như Đỗ An Bình viết sẽ rơi vào quên lãng.

Nguyên Hồng lắc đầu:

- Những chuyện như vậy mà không được ghi lại sẽ là tội ác. Thế hệ sau phải được biết cha ông chúng đã sống và chiến đấu như thế nào.

Tôi đáp:

- Nhưng không thể viết chân thật như thế. Người ta sợ chuyện ghép hai người một thuyền, một nam một nữ sẽ hạ thấp giá trị tư tưởng của nhân vật. Người ta bảo rằng cảnh nhặt xác đồng đội làm mọi người sợ hãi chiến tranh. Nguyên Hồng im lặng. Không rõ từ lúc nào, anh trở thành kín đáo. Tôi tiếp tục nói với anh những suy nghĩ của tôi:

- Chúng ta đang tước bỏ hiện thực. Những chuyện cảm động như trong thư Đỗ An Bình viết nếu đưa vào tác phẩm sẽ bị diệt cho đến chết. Nào là tự nhiên chủ nghĩa, nào là hiện thực trần trụi. Người ta không biết rằng những chi tiết ấy, những chi tiết dường như hạ thấp nhân vật ấy chỉ làm cho nhân vật gần gũi hơn, “người” hơn, do đó nâng cao nhân vật hơn, có sức thuyết phục hơn.

Nguyên Hồng lặng lẽ:

- Tất cả những chuyện ấy phải có mặt trong tác phẩm.

Phản ánh chân thực cuộc sống, đó là nguyện vọng của tất cả những người cầm bút chân chính, nhưng điều ấy nào dễ dàng gì. Nó như một kiêu lầy cờ hồng đánh lại cờ hồng. Nhà văn nói tôi đi theo đường lối văn nghệ của Đảng, tôi là cờ hồng. Nhà phê bình nói: Anh đã đi trệch đường lối văn nghệ của Đảng. Anh đã rời bỏ ngọn cờ hồng, tôi mới là cờ hồng, ngọn cờ hồng tôi vác. Thế là cờ hồng đánh nhau, lẫn lộn không còn biết đâu là cờ hồng nữa. Tuy nhiên thắng lợi bao giờ cũng thuộc về các nhà phê bình lý luận. Hơn thế, không chỉ có các nhà phê bình chuyên nghiệp. Còn các nhà phê bình nghiệp dư, những ban tuyên huấn thành đoàn, những giáo viên trường cấp hai huyện, những cán bộ thương nghiệp sinh văn chương... Thật là buồn nản. Chẳng ai nghĩ mình lại có thể thoát khỏi búa rìu.

Nguyên Ngọc sau khi hoàn thành tiểu thuyết Đất nước đứng lên, một anh hùng ca đậm chất thơ núi rừng Tây Nguyên, tràn đầy tinh thần quật cường dân tộc, đã trở vào cầm súng chiến đấu tại chiến trường khu 5, một chiến trường ác liệt nhất thời đó, đem tính mạng mình ra bảo vệ đất nước. Thế nhưng người ta vẫn không tha anh.

Nhà văn Đỗ Quang Tiến công tác tại báo Văn Nghệ hơn một lần nói với tôi, mặt nhăn lại, ghê sợ:

- Đến như Nguyên Ngọc mà cũng có được yên đâu. Nhiều thư gửi đến toà soạn vạch rõ: Trong Mạch nước ngầm của Nguyên Ngọc có mạch nước ngầm.

Một cách quy kết rất “văn chương” kín kín hở hở, suy diễn thế nào cũng được, nhưng rõ ràng muốn nói với người đọc rằng đó là một tác phẩm được viết với dụng ý xấu một thứ biểu tượng hai mặt symbole équivoque cần phải tiếp tục vạch trần.

Chính Nguyên Hồng cũng vướng vào chuyện ấy khi anh in truyện Con hùm. Đó là một truyện ngắn cực hay của anh. Vẫn là Nguyên Hồng, nhưng là một Nguyên Hồng khác. Lần đầu tiên truyện in trên trang nhất báo Văn nghệ (hay Văn học) với minh hoạ của Sĩ Ngọc. Tôi yêu bức minh hoạ. Tôi yêu cả cái tên truyện, một cái tên truyện dài tới mười sáu từ Chuyện cái xóm tha hương, Ở cửa rừng Suối Cát và Con hùm con mồ côi. Đó là những giây phút giải lao giữa những trang Cửa Biển, là lời chào núi rừng Yên Thế của anh. Ai cũng khen truyện ngắn ấy. Cái nặng nề của cảnh lá cổ thụ, cái sần sùi của rễ của đá không còn nữa. Anh bỗng nhìn đời bằng mắt trẻ thơ.

Nhưng rồi có nhiều điều xì xầm về truyện ngắn ấy.

Thời gian ấy lưu truyền những bản án về những con vật Con voi của Bành Bảo. Con nai đen của Nguyễn Đình Thi. Con chó xấu xí của Kim Lân. Con dế mèn của Tô Hoài (tác phẩm được trẻ em và người lớn rất thích này bị quy kết có tư tưởng hoà bình chủ nghĩa!). Con ngan (Văn ngan tướng công) còn bị nặng nề hơn. Một anh bạn tôi ở nhà xuất bản Thanh Niên nói: Có nhiều thư gửi đến nhà xuất bản Kim Đồng phản đối, lên án Văn Ngan tướng công có dụng ý xấu. Có cả một bài phân tích sâu sắc Nghị quyết 6 (khoá 3) của Trung ương Đảng là nghị quyết phát triển nông nghiệp. Trong nông nghiệp có gia súc, gia cầm. Ngan là một loại gia cầm. Vũ Tú Nam nói xấu con ngan, làm cho mọi người, nhất là các em không yêu ngan, do đó không nuôi ngan nữa. Như vậy bằng một thủ đoạn tinh vi, Vũ Tú Nam đã đánh thẳng vào nghị quyết 6 (!).

Giờ đây nhớ lại, tưởng như một chuyện hài hước, gây cười. Nhưng lúc đó là những án treo lơ lửng trên các sinh mạng chính trị tác giả. Có biết bao người muốn bày tỏ lập trường kiên định, sự sắc sảo chính trị của mình và chứng minh rằng bọn nhà văn hay viết xỏ xiên và đáng phải cảnh giác, phải vạch trần như thế nào. Con voi, con chó, con nai... Giờ lại đến con hùm? Đã bao nhiêu dư luận về con hùm ấy. Và con hùm còn nguy hiểm hơn những con kia biết bao lần. Cũng như tôi, Nguyên Hồng biết anh đang gặp phải hiểm nguy. Chỉ cần một ông tổng biên tập nào đó cho đăng những ý kiến phê Con hùm con mồ côi thì chưa biết chừng có thể đẩy lên một đợt phê phán mà anh không có phương tiện để chống đỡ. Tuy nhiên trong câu chuyện giữa chúng tôi, không ai nhắc đến Chuyện cái xóm tha hương nữa. Tôi rất muốn khen

nó, nhưng ngại rằng những lời khen của tôi làm anh thêm suy nghĩ, làm anh thêm buồn. Nhưng Vũ Thư Hiên nói. Nói thẳng với Nguyên Hồng. Tối hôm ấy, tôi, Nguyên Hồng, Nguyên Bình đang ngồi than thở với nhau về nghề viết, Hiên đến như một cơn gió. Tếu, ồn ào, đang vui câu chuyện Liên xô Trung Quốc, Vũ Thư Hiên hỏi:

- Các vị đã có ai đọc Lôi Phong chưa?

Cả ba chúng tôi cùng lắc đầu, thú thật là mới chỉ đọc loáng thoáng một vài mẩu đăng trên báo. Lôi Phong là một nhân vật nổi tiếng Trung Quốc được đoàn Thanh niên Trung Quốc phát động học tập trong toàn đoàn và toàn thể thanh niên. Tên tuổi anh ta bay đến Việt Nam với những thành tích đại loại như: không đi xe điện đi làm mà đi bộ, dậy sớm đi bộ, để mỗi ngày tiết kiệm 5 xu góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ăn đói để dành gạo xây dựng chủ nghĩa xã hội... Báo chí nước ta đã đăng tải Lôi Phong. Một nhà xuất bản đã dịch in truyện Lôi Phong, nhằm giới thiệu một điển hình. Nhiều bạn trẻ đã mua Lôi Phong tặng người yêu với lời đề tặng “để học tập người trong truyện”. Nguyên Hồng trả lời rành rọt hơn:

- Tôi chưa đọc Lôi Phong, nhưng ông Xuân Diệu bạn tôi đọc rồi. Ông Xuân Diệu ca ngợi Lôi Phong lắm. Ông ấy bảo cái bát ông ấy ăn cơm buổi sáng chưa rửa để đấy mà ta gọi là bát rếch ấy mà, nếu buổi trưa lại xới cơm vào đấy là ông ấy không dám ăn, mặc dù là bát rếch của chính ông ấy, ông ấy cũng sợ. Thế mà Lôi Phong bới nhặt cái bàn chải cũ người ta vất đi ở đồng rác ngoài đường, đem về đánh răng thì giỏi thật!

Làm sao chúng tôi không cười cho được về lời khen ấy của Xuân Diệu. Hai má Nguyên Hồng ửng đỏ vì cười. Nhưng chưa hết. Lấy tay áo quạt ngang mặt, anh kể tiếp một chuyện nữa về nhà thơ Xuân Diệu:

- Lại một lần Bộ nội thương mời các văn nghệ sĩ tới tiếp xúc để đẩy mạnh sáng tác về đề tài mâu dịch làm dâu trăm họ. Tiệc rượu linh đình. Ông Xuân Diệu đứng lên đề nghị anh chị em văn nghệ sĩ nhiệt liệt hưởng ứng ý kiến của đồng chí lãnh đạo bộ. Vì nghệ thuật và thương nghiệp duyên nợ với nhau từ lâu, thời Nguyên Du đã có rồi. Bằng chứng là trong truyện Kiều đã có thằng bán tơ...

Không chờ dứt trận cười, Vũ Thư Hiên trừng mắt nhìn thẳng vào Nguyên Hồng:

- Anh vẫn chứng nào tật ấy. Chê không nói thẳng ra lại đi mượn lời ông Xuân Diệu. Thảo nào người ta nói anh là người nguy hiểm nhất. Anh có biết con hùm của anh có những vấn đề gì không? Đế quốc Mỹ là con hổ giấy. Hổ là đế quốc. Anh đã chứng minh rằng có thể cải tạo bản chất của hổ, nghĩa là có thể cải tạo được bản chất của đế quốc.

Nguyên Hồng cười gượng.

- Không. Không có vấn đề gì. Nhà Kim Đồng đã ký hợp đồng xuất bản con

hồ của tôi rồi.

Nguyên Hồng rút trong cặp ra bản hợp đồng (ký ngay sau khi truyện đăng trên báo, nhưng nhiều năm sau nhà xuất bản mới cho in với cái tên đã rút ngắn lại nhiều, Chuyện xóm cửa rừng). Anh nâng niu bản hợp đồng đó như một cái bùa hộ mệnh.

Vũ Thư Hiên liếc qua bản hợp đồng rồi ngẩng lên:.

- Thế thì nhà xuất bản coi thường dư luận.

Đúng. Vũ Thư Hiên đã phát ngôn cho cái dư luận mà mình không hề đại diện để trêu Nguyên Hồng. Nguyên Hồng rất thấm thứ dư luận ấy. Anh im lặng rồi bỗng mắt sáng lên ranh mãnh.

- Tôi sẽ chứng minh rằng hồ không phải là đế quốc. Mà cũng không phải chỉ mình tôi ca tụng hồ. Hà Nội có một phố lấy tên hồ. Đó là phố Tăng Bạt Hổ. Hàng vạn dân thủ đô đã đón một con hồ! Ấy là... (anh nói tên một cầu thủ trong đội bóng Bát Nhất (Trung Quốc) đã sang nước ta mang tên Hổ).

Chúng ta còn có một nhà thơ tên hồ: Chiêu Hổ.

Chúng tôi cười thoải mái trước những lý lẽ đanh thép tự bảo vệ của anh.

Vũ Thư Hiên xem đồng hồ để chuẩn bị ra ga. Hiên khoác túi đứng lên vỗ vai và nhìn thẳng vào mắt Nguyên Hồng:

- Ông Hồng này. Còn một điều này nữa. Tôi sẽ chuyển Bỉ vỏ của ông thành phim. Tôi rất thích làm phim Bỉ vỏ vì hai lý do: Một là cái ấy rất điện ảnh. Hai là nó rất nhân đạo chung chung..

Không để Nguyên Hồng kịp phản ứng lại, Vũ Thư Hiên đi nhanh ra cửa, xuống thang, vừa đi vừa nghẹn trong tiếng cười.

Chúng tôi cũng cười. Cười ra nước mắt.

Nguyên Hồng đề râu vào thời gian sau khi in truyện con hùm. Kỳ ấy anh xa Hải Phòng hơi lâu, để đến gần một năm, bởi vì khi anh từ nhà tôi về Hà Nội, mày râu còn nhẵn nhụi, khi trở lại, anh đã có cả một chòm râu dài hết cỡ so với lực của anh. Tôi nhớ trước khi ra tàu anh còn với tay lên giá lấy hộp dao cạo râu của tôi đưa lên cầm. Tôi chỉ có một lưỡi dao quá cùn, anh cứ phải liếc mãi vào lòng bàn tay. Anh trở về với chòm râu và cứ đứng ở cửa nhìn tôi, cười.

- Râu đây, râu đây...

Thế là tôi được nhìn thấy chòm râu của anh, chòm râu tôi đã nghe nói đến từ lâu...

Trước đó Dương Tường từ Hà Nội về đã bảo tôi:

- Ông Nguyên Hồng đề râu rồi. Mày biết chưa?

Tôi ngơ ngác

- Chưa. Râu thế nào?

- Tu phủ hầu.

Tôi không hình dung được bộ râu cằm trên gương mặt anh. Tôi không hình dung được Nguyên Hồng có râu đang đập xe đạp ở Hà Nội.

Thế rồi Vũ Thư Hiên về cũng bảo tôi:

- Nguyên Hồng để râu rồi. Tu phủ hầu.

Tin tức dồn dập. Hấp dẫn. Tươi rói. Người ta đã có cả thời gian để thống nhất tên gọi bộ râu của anh. Thế mà mang tiếng là thân với Nguyên Hồng, tôi vẫn chưa biết. Anh cũng không báo cho tôi biết cái ý định táo bạo, mới mẻ ấy của anh.

Tôi viết thư hỏi Nguyên Hồng. Một bức thư dài trả lời tôi, mà đến nay tôi còn nhớ một đoạn: "... Tán có hỏi tôi về chuyện để râu. Thế này Tán ạ. Bây giờ người ta chơi nhiều thứ quá. Chơi Trung Quốc, chơi An-ba-ni, chơi hồ Ba-la-tông, chơi In-đô-nê-xi-a... vừa chơi vừa có cả buồn nữa. Còn tôi, già lão, ngô ngọng, lảm cảm, chậm chân thì chơi... râu vậy..."

Tôi tin lý do để râu ấy của Nguyên Hồng do chính anh thổ lộ. Nhưng trong Cát bụi chân ai, Tô Hoài giải thích điều ấy một cách khác hẳn. Tô Hoài nói rằng dạo ấy lưỡi dao cạo rất hiếm. Chẳng lẽ lại đập xe từ Yên Thế về Hà Nội chỉ để mua một lưỡi dao cạo râu do công đoàn bình xét và phân phối. Thế là Nguyên Hồng để râu. Để râu còn có một tác dụng phụ nhưng rất quan trọng. Nguyên Hồng đi đâu cũng thường mang rượu nhà đi theo, thứ rượu có ngâm mấy cái vỏ quýt giả làm rượu thuốc để đánh lừa cán bộ thuế. Nguyên Hồng hạ chiếc bị trên vai áo nâu bạc, một tay khoanh lại đấm lưng, một tay lôi hũ rượu thuốc gia truyền đi đâu cũng mang theo: Các anh thông cảm. Chẳng cán bộ thuế nào ỡm ờ đến lão nhà quê ấy. Không biết trên bộ râu nguy trang, hai con mắt nhanh như chớp" (Tô Hoài - Cát bụi chân ai)

Tôi cũng lại tin lời giải thích của Tô Hoài về chuyện Nguyên Hồng để râu. Bởi vì, tôi hiểu giá trị một lưỡi dao cạo râu hồi đó. Và anh bạn Lê Bầu của tôi cũng đã khốn khổ với các ông phòng thuế vì lít rượu anh mang từ Bắc Giang quê anh ra Hà Nội để thỉnh thoảng nhâm nhi cùng bè bạn. Không giống Nguyên Hồng nghiện rượu, Lê Bầu không biết uống, nhưng anh muốn bè bạn hưởng thú vui. Anh đã cho bi đông rượu vào túi, rồi chịu khó đập xe chứ không đi tàu hỏa, nơi tập trung sự chú ý của phòng thuế. Lẽ ra là xuôi. Nhưng có một người bộ hành bị cảm nắng trên đường. Anh lấy rượu ra đánh cảm cho người ốm. Công an, phòng thuế cũng đang có mặt ở nơi cấp cứu đã tịch thu bi đông rượu của anh.

Tôi tin cả Nguyên Hồng. Tôi tin cả Tô Hoài. Tôi vốn là người nhẹ dạ. Xin đừng vì bộ râu của nhà văn mà nói tôi là kẻ ba phải.

Một thời để mất

5.

Nhiều người đã viết về chuyện Nguyên Hồng đánh mất bản thảo. Cái cặp của anh bị một dân chạy vỏ đánh cắp. Nhưng khi thấy đó là cái cặp bản thảo của ông Nguyên Hồng, anh chàng lính mỗ đó đã tìm cách trả lại ông kèm theo một mảnh giấy có viết “Tên kẻ trộm này khâm phục văn tài của Nguyên Hồng nhưng không phục tính đặng trí của ông”. Tôi không tin chuyện này. Nó có vẻ hư cấu. Lại một thứ “quá yêu anh nên nói những điều không đúng về anh” thôi. Tôi nghĩ Nguyên Hồng không thể đánh mất bản thảo. Khi anh đến nhà tôi, nếu ở pooc-ba-ga xe đạp là cái làn rành rành thì chẳng buộc đơn giản thôi, nhưng cũng kỹ hơn mọi người. Còn nếu cái cặp đựng bản thảo thì tôi cứ phải chờ anh không dưới mười phút để anh tháo cặp khi lên thang và chẳng buộc cặp khi anh về. Dây cao su. Dây dù. Dây điện. Quán nhiều vòng. Có dùng kim cắt một hai vòng coi như chẳng có vấn đề gì.

Anh vừa chẳng buộc vừa cười:

- Phải thế này chứ ngộ nhỡ nó cắt mất của ông Nguyên Hồng thì ông Nguyên Hồng chết! Ông Nguyên Hồng ồm? Có viết lại chưa chắc đã viết được như trước.

Anh cũng tự nhận mình có một đặc điểm là rất sợ mất bản thảo. Lại cười rình rích:

- Ông Tuấn viết ở Mạc Tư Khoa rằng một trong những cái sợ nhất của Nguyên Hồng là sợ mất bản thảo.

Bởi vậy tôi nghĩ nếu anh bị mất bản thảo, thế nào anh cũng nói cùng tôi. Chắc chắn cho đến năm tôi đi tù, anh chưa một lần bị mất bản thảo. Có thể anh đánh mất vào thời gian sau, thời gian tôi bị bắt hoặc sau nữa khi tôi đã ra tù. Thời gian đó anh ít lại nhà tôi, hoặc anh có lại nhưng không nói.

Dù sao chuyện Nguyên Hồng đánh mất bản thảo cũng là khó tin nếu không nói là không tin được.

Tôi đem điều nghi vấn ấy ra nói với Nguyễn Văn Chuông trong một bữa rượu tại Kênh Giang (Thủy Nguyên) quê anh. Một chuyện đi hăn sẽ nằm lâu trong trí nhớ. Xe tôi đi vào giữa mùa màng (Ngày mùa - Nguyễn Huy Tưởng). Nguyễn Huy Tưởng trước đây đi xe đạp, còn hôm nay tôi đi xe máy, bánh xe lăn trên rơm rạ phơi dọc đường cái, rẽ vào đến tận nhà Chuông. Màu xanh đậm của những lùm bạch đàn, những lũy tre từ các làng gần đó trườn sát vào chân núi rồi cuộn cuộn dâng lên lưng chừng núi cao. Trên cánh đồng vừa gặt trải rộng ra tới những xóm làng xa xa, một vệt khói trắng đứng của những em nhỏ đốt gốc rạ ngồi sưởi. Tưởng như nhìn thấy tuổi thơ của mình. Sao mà nhớ Làn khói trắng (tên một bức tranh) của Lưu

Công Nhân đến thế. Nhà Chuông quá nghèo. Nhà tranh vách đất. Không phải vách đất mà là tường đất. Tường đắp dày khoét ra những ô vuông làm cửa sổ. Chuông cứ thò tay qua một ô vuông đồ bã chè, pha ấm mới khi chè nhạt. Nhà quá nhỏ và thấp. Mái rạ lâu ngày mỏng kẹt, có những khe để nước chảy trên mái. Không công ngõ gì hết. Cứ từ đường làng ngoặt vào một lối đi hẹp tới sân, cái sân cũng bé nhưng phơi kín một sân thóc, rồi vào nhà. Trong nhà cũng lại ngổn ngang những bao tải thóc. Chúng tôi ôm lấy nhau. Tôi quen Chuông khi anh còn ở bộ đội, khoảng cuối thập niên 50. Anh đọc tôi từ ngày ấy. Ở báo Tiền Phong cũng như ở báo Hải Phòng, tôi đều nhận được bài anh gửi tới. Chuông bảo:

- Nhà nuôi ba con lợn. Thóc từ khi khoán hộ là thừa ăn.

Lương hưu của Chuông ở phố thì gay chứ ở quê là được. Tháng chỉ hết hai mươi nghìn tiền gạo. Rau cỏ không phải mua. Chỉ thỉnh thoảng mua tí cá tí thịt thôi. Thế là cuối cùng tôi cũng về được nhà Chuông.

Chuyến đi dự định từ lâu nhưng mãi tới mùa đông năm nay mới thực hiện được. Cuộc gặp lại Chuông là cuộc gặp lại quá khứ. Với nông thôn ngày xưa, với vườn tược công ngõ chẳng rào dậu ngày xưa, với con người mộc mạc, đôn hậu, tết bụng ngày xưa. Bữa cơm thật ngon. Rượu ngang, rau tươi, cơm mới. Đủ mọi chuyện. Chuyện đời chuyện văn chương. Sáng tác. Bè bạn. Và chuyện Nguyên Hồng.

Nghe tôi nói Nguyên Hồng không thể đánh mất bản thảo, Chuông cười tí.

- Có đấy. Nguyên Hồng có đánh mất bản thảo đấy. Nhưng không phải như mấy ông viết lãng nhăng thế đâu. Nó là thế này.

Và Chuông kể:

Hôm ấy bế mạc trại sáng tác. Năm nào tôi không nhớ. Chỉ nhớ là anh được ra tù lâu rồi. Cụ chủ tịch hội kiêm trưởng trại nhận sáng tác của anh em. Đủ cả. Nhất Tuấn ư. Trần Tự ư. Quang Thân ư. Cụ cho tất cả bản thảo vào cái cặp to lắm. Cặp cũ, nhàu, góc không còn mà nó cứ lượn lượn nên trông giống như cái thúng cái. Nguyên Hồng buộc cặp đằng sau xe định về nhà nhưng anh em trại viên cứ kéo cụ đi, thầy trò uống với nhau một tý. Ra cửa hàng. Anh nào uống cà phê thì uống. Anh nào uống rượu thì uống. Bữa ấy rất vui. Nguyên Hồng mấy lần đứng dậy định về, nhưng cụ vừa đứng lên, hàng chục cánh tay đã giơ ra nhao nhao:

- Bỏ phải ở đây với chúng con.

- Làm gì bỏ vội thế. Hôm nay kết thúc trại. Chúng con đã làm hết sức mình để có bản thảo. Bỏ mừng cho chúng con tí nữa.

Thế là lại rót rượu. Chắc là cụ say.

Chúng nó cũng say. Khi ra về đã tối mịt. Người nào lên xe người ấy. Về tới nhà cụ mới biết cái cặp đựng bản thảo của toàn bộ trại viên bị mất. Không biết mất từ bao giờ. Cụ hoảng quá đi tìm Nguyễn Quang Thân và cũng chỉ

dám nói với Nguyễn Quang Thân thôi. Chả Thân là trại phó. Sáng hôm sau trông cụ sụp đi. Cả cơ quan Hội đã biết chuyện cụ Hồng mất bản thảo. Chúng tôi ngồi ở cái phòng to trong trụ sở Hội bây giờ. Nguyên Hồng cứ lắp bắp:

- Tê tê te te te tôi tôi tôi...

Cụ không nói được, mà cũng không biết nói thế nào.

Tất cả chúng tôi kể cả cô Phấn, cái Hiền chỉ biết ngồi im lặng. Cái Hiền khi ấy còn sống. Nó nhận cụ Hồng là bố nuôi. Chỉ có tôi vốn dĩ chẳng coi cái gì là quan trọng, tôi nói để động viên cụ:

- Mất cũng được. Cái thứ văn chương mách qué ấy mà.

Chẳng ai cười trước câu nói của tôi. Ai cũng nghĩ:

- Làm thế nào bây giờ? Câu hỏi ấy hằn cụ nghĩ suốt đêm qua. Cụ Hồng ngồi, mắt nháy nháy, chớp chớp. Khi cụ lo là mắt cứ nháy. Rồi lại nuốt nước bọt khan. Đang ngồi như nhà có đám thể thì một người đi vào. Xem nào. Tôi còn nhớ rất rõ. Gầy cao, người hơi xanh, đi dép lê. Cứ đứng giữa nhà, tay đút túi quần ngơ ngáo:

- Đây có phải Hội văn nghệ không nhỉ?

Đang nẫu ruột, không ai thèm trả lời. Lại còn hỏi trông không như thế. Mãi sau cái Hiền mới sáng giọng.

- Hội văn nghệ đây. Nhưng anh hỏi ai?

- À tôi đến có việc.

Người ấy khinh khỉnh nhìn lướt một lượt chúng tôi, nói một cách dửng dưng:

- Chả là tôi hôm qua đi chơi phố. Vớ được một cái cặp. Giở ra toàn văn thơ. Tất cả chúng tôi giật mình nhìn anh ta. Nguyên Hồng từ lúc đến Hội cứ nhìn xuống đất, thỉnh thoảng mới nói một tràng te te tê tê tôi tôi..., bỗng như có điện giật.

Cụ ngẩng lên. Nhìn. Vê râu mép. Ấn chòm râu cắm vào tận dưới hàm, toè nó ra rồi lại xoắn nó lại.

Người khách tiếp:

- Không biết có phải ở đây đánh mất không?

Nguyên Hồng không nói được. Vẫn là cái Hiền nhanh nhẩu:

- Vâng. Đúng là của chúng tôi. Anh làm ơn cho chúng tôi xin lại.

Nó đứng dậy, kéo ghế, nở nụ cười lịch sự, hiếu khách nhất trên đời, mời anh ta ngồi. Nhưng anh ta vẫn đứng, cười khẩy:

- Đâu lại dễ như thế được.

Và khẳng định những hiểu biết của mình về văn học:

- Thơ văn bây giờ đắt lắm.

Kể đến đây Chuông cười phá ra. Tôi cũng cười.

Chúng tôi cười đau cả bụng. Tôi nói gần như rên rĩ:

- Nó lại quá hiểu biết về giá trị thơ văn. Thế mới chết. Các bố không thể bịp được nó.

Chuông xuýt xoa.

- Bây giờ mới được cười chứ lúc ấy chúng tôi cố bấm bụng để khỏi cười trước cái giá ấy của văn thơ.

Ông khách nói rõ ràng:

- Các anh phải mang tiền đến chuộc.

Chúng tôi hoảng. Phải chuộc. Bao nhiêu. Tiền đâu.

Nhưng hoá ra anh ta biết giá trị thực của văn thơ. Chỉ giờ cao đánh khế thôi.

- Đúng năm mươi đồng. Có thì đi theo tôi ngay bây giờ.

Năm mươi đồng. Một tháng lương cán sự 1, ngày ấy ít thôi. Nhưng cũng là gay go.

Phải công nhận Nguyễn Quang Thân rất láu. Nó chỉ tay vào cụ:

- Giới thiệu với anh, đây là nhà văn Nguyên Hồng.

Đến lượt anh chàng kia quay phắt lại, nhìn chăm chăm vào Nguyên Hồng như không tin lời giới thiệu của Thân:

- Bác là nhà văn Nguyên Hồng?

Nguyên Hồng lúc ấy ngồi rất ngay ngắn:

- Te te tê tê tê tôi tôi là Nguyên Hồng. Tôi là người đánh mắt cặp bản thảo hôm qua.

(Chuông bắt chước rất tài. Đúng là khi xúc động Nguyên Hồng hay nói lắp).

Người khách thay đổi hẳn thái độ, thay đổi hẳn giọng nói. Anh chấp hai tay lễ phép:

- Cháu rất kính trọng bác.

Và nhìn tất cả mọi người, trịnh trọng tuyên bố:

- Nếu cặp thơ văn của bác Nguyên Hồng thì chỉ phải chuộc mười đồng thôi.

Quá đẹp. Chẳng phải cò kè, mặc cả gì nữa. Nguyễn Quang Thân đưa mắt cho cô Phấn, thủ quỹ. Cô Phấn nhanh nhẹn lên gác

- Nào, ai đi chuộc bản thảo thì theo tôi lên lấy tiền nào.

Cái lần Thi Hoàng, Đoàn Min, Chu Văn Mười, cùng một số anh em khác trong Hội văn nghệ Hải Phòng về Kênh Giang thăm Chuông, tất cả cũng ngồi lên cái giường tôi đang ngồi. Là cái giường đẹp nhất, nó như một thứ xa-lông tiếp khách và được đặt ở góc nhà sáng nhất, cạnh hai ô vuông khoét giữa tường đất làm hai cửa sổ, nhìn qua đó ra ngoài thấy một mảnh vườn xác, một đồng rom gầy, một khóm chuối tước lá và một cây bạch đàn khẳng khiu. Thi Hoàng kể lại:

- Đang ngồi, tự nhiên tôi thấy hạ độ cao. Tôi thấy mình đang xuống thấp dần. Cúi nhìn thì ra cả bốn chân giường cùng lún.

Trên cái giường ấy, tôi chỉ thấy hạ độ cao khi ngồi ở phía chân giường. Vạch

chiếu lên mới biết giát giường làm bằng những nan tre nhỏ ken như một thứ mảnh mảnh bị võng xuống.

Đoàn Min nói rằng ở nhà Nguyên Hồng cũng có một cái giường tiếp khách như vậy. Giường đối ngoại của ông Hồng đẩy ông Min ạ. Chị Nguyên Hồng nói với Đoàn Min khi thấy Min đứng ngắm tấm vải trải trên chiếu. “Giường đối ngoại của ông Hồng” có bốn chân trụ, kiểu cổ lăm rồi, giát tre. Trên giải chiếu có phủ một tấm thổ cẩm. Khách trong nước, khách quốc tế đều nghỉ ở đó. Ni-cu-lin (Nhà nghiên cứu văn học Liên xô) đã ngồi trên giường nhìn Nguyên Hồng bày xôi rượu lên bàn thờ thắp hương, xuyết xoa khăn vải và sau đó cùng Nguyên Hồng ăn uống món xôi rượu đã dâng lên tổ tiên ấy.

Đoàn Min bỗng phát hiện ra nhà Nguyên Hồng chẳng có thứ đồ mới nào gọi là được. Xa-lông tiếp khách không. Giường thì như vậy. Thậm chí tủ sách cũng chỉ có một cái đã một quá rồi! Về Hải Phòng, anh đề xuất với cơ quan và thành phố: Trang bị một bộ tủ giường xa-lông cho Nguyên Hồng trên Yên Thế. Ý kiến anh được tất cả tán thành. Chỉ có một mối lo: Phải chờ lâu vì đây là mặt hàng đột xuất, không nằm trong kế hoạch. Min lên xí nghiệp gỗ quốc doanh: ông giám đốc nói:

- Ai chứ nhà văn Nguyên Hồng thì không phải chờ. Ông về viết séc đi. Lấy hàng luôn.

Đoàn Min và Thi Hoàng xe tử tạng bàn ghế ngược Yên Thế. Đêm ấy Nguyên Hồng “mở tiệc khoản đãi”. Có rau xào, thịt gà, rượu.

Cứ theo Min nói thì giường đối ngoại của Chuông không chắc chắn bằng giường đối ngoại của Nguyên Hồng. Nhưng lại đẹp hơn. Đóng kiểu giường hộp, mô dec. Giường đối ngoại của Nguyên Hồng thực chất là cái chõng tre, trải vải.

Thấy tôi cứ rón rén trên giường, Chuông cười:

- Giường chắc ra phết đấy. Cháu nó tự đóng. Không việc gì đâu.

Rồi lại bảo:

- Anh sang thăm, tôi mừng lắm. Lúc nào rồi lại về nhé. Từ nay đến lúc chết tôi không sang Hải Phòng nữa.

Tôi hơi ngạc nhiên về lời tuyên bố ấy của Chuông.

Từ Kênh Giang sang Hải Phòng chỉ khoảng mười cây số đường nhựa thẳng tắp. Lại nhớ lúc mới vào nhà Chuông, thấy anh đang nằm bò viết trên cái giường một kê ở góc tối nhất của căn nhà. Mới bước vào chỉ thấy một đồng xam xam gù gù nằm phủ phục. Ở góc tối nhá nhem ấy, Chuông viết ngày này sang ngày khác. Tôi không được đọc bản thảo của anh nhưng những gì anh đã in đều thâm đậm không khí một vùng quê bình lặng, những gì tôi được đọc của anh đều rất có hồn. Tiếng chim tu hú. Quả vải rụng, ông lão coi vườn cho các cô gái mới lớn. Con tôm mà con vạc đánh rơi từ trên cao xuống cổ áo chú bé ngồi trên đò ngang sang sông cùng mẹ và bố dượng...

Ngoài bốn mươi tuổi, đột ngột về hưu, tránh mọi sự giao tiếp, tới nay ngoài năm mươi, chưa một lần trở lại Hải Phòng, anh sống như một người ẩn dật. Anh sợ người lạ sợ đám đông. Hình như anh mắc phải căn bệnh sợ người ta hăm hại, bước khởi phát thứ bệnh trong Nhật ký người điên của Lỗ Tấn, “con chó nhà họ Triệu sao chiều nay cứ lườm mình mãi thế”. Và tôi ngờ rằng Nguyên Hồng cũng có tiền đề của bệnh ấy, bệnh sợ người ta hăm hại, sợ con chó nhà họ Triệu lườm tuy có những lần anh đã vùng lên chống lại. Nguyễn Quang Thân kể chuyện một hôm Nguyên Hồng lại nhà Nguyễn Quang Thân ăn thịt chim chèo bẻo thuôn hành răm. Chủ nhân đích thân làm bếp. Thân vốn là người nấu ăn khá. Khi Thân từ bếp bước lên thì Nguyên Hồng đã bê chai rượu trên nóc tủ xuống và đã uống quá nửa. Chiếc máy âm ghi đặt trên chiếu vọng ra bài hát Thiên Thai. Nguyên Hồng ngồi xếp bằng trước máy đang khóc nức lên: “Su-be, Mô-da cũng chỉ đến thế này! Cũng chỉ thế này! Bất công quá! Bất công với thằng Văn Cao quá?” Nguyễn Quang Thân để hai tay lên môi: “Suýt! Khẽ chứ!” Nguyên Hồng đã khùng lên: “Nói thì nói. Sợ đ...gì”.

Nhưng sự vùng lên ấy thật hi hữu.

Ai cũng biết trong thập kỷ 70, Thi Hoàng là người được Nguyên Hồng rất mến yêu. Một hôm, Nguyên Hồng gọi Thi Hoàng vào phòng mình uống rượu. Anh móc trong cặp ra gói thịt chó, theo nhận xét của Thi Hoàng, ăn thừa từ hôm trước.

- Thịt chó để từ hôm trước đến hôm sau ăn vẫn tốt thôi.

Thi Hoàng nghĩ vậy..

Bữa rượu giữa hai bố con và chỉ có hai bố con thật vui. Đó là một cặp bạn vong niên tương đắc. Thậm chí Nguyên Hồng đã có ý định tác thành hôn nhân giữa Thi Hoàng với con gái mình, cô Thanh Thụ, khi đó đang sống ở Cầu Tre. Anh đã nhiều lần dắt Thi Hoàng về căn hộ Cầu Tre đó, giới thiệu với con gái. Cô con gái nhà văn nổi tiếng chuyện trò với nhà thơ trẻ rồi xuống bếp làm cơm ba bố con cùng ăn. Nhưng việc không thành. Giữa hai bạn trẻ không phát sinh dòng điện...

Uống rượu, nói chuyện về rượu về say ở ngoài đời, về rượu về say trong văn chương. Bốc lên, Nguyên Hồng đọc Gửi Trương Tửu của Nguyễn Vỹ:

Nay ta thêm rượu nhớ mong ai!

Một mình rót uống chẳng hề say!

Trước kia hai thằng hết một nệm,

Trò chuyện đông dài mặt đỏ sạm.

Nay một mình ta một be con:

Cạn rượu rồi thơ mới véo von.

Và:

Thời thế bây giờ vẫn thấy khó
Nhà văn An nam khổ như chó!
Mỗi lần cầm bút nói văn chương,
Nhìn đàn chó đói gặm tro xương,
Và nhìn chúng mình hì hục viết,
Suốt mấy năm giờ kiết vẫn kiết,
Mà thương cho tôi, thương cho anh,
Đã rụng bao nhiêu mớ tóc xanh!

Thi Hoàng choáng váng trước bài thơ “viết rồi hãy còn say” (*chữ của Nguyễn Vỹ đề dưới bài thơ Gửi Trương Tửu) ấy. Lần đầu tiên anh được biết, còn trước đây anh chỉ nghe nói đến nó. Dễ hiểu thôi. Quyền Thi Nhân Việt Nam có in toàn bộ bài Gửi Trương Tửu cho đến năm 1987 vẫn bị coi là quyền sách cấm, ngay các trường đại học cũng không có, phải đánh máy và in rô-nê-ô, chuyền tay nhau đọc vụng.

Nguyễn Hồng khóc như mỗi khi xúc động:

- Thế mới là thơ. Thế mới là say con ạ?

Thi Hoàng bật dậy:

- Con đi lấy giấy. Bố đọc cho con chép bài này.

Anh chạy đi và trở về với tờ giấy, rút bút nhìn Nguyễn Hồng, chờ đợi.

- Bố đọc đi.

Câu trả lời của Nguyễn Hồng làm Thi Hoàng ngơ ngác.

- Tao quên hết rồi.

Thi Hoàng hăng. Thi Hoàng buồn. Nhưng Thi Hoàng hiểu và thông cảm với người suýt nữa trở thành nhạc phụ của anh. Thời ấy thật gay go. Cứ có ai đi Hà Nội về là tất cả xúm lại. Chuyện. Hỏi. Nghe. Xem có gì mới không. Hy vọng. Chờ đợi...

Nhưng dù sao Thi Hoàng cũng buồn.

Tôi yêu những vần thơ sau của Thi Hoàng:

Ngồi gãi lưng dưới bóng cây

Làm lưng mệt bả ra và ngáp

Trước mặt không có ai thì hạnh phúc vô cùng.

Không hiểu sao... Ảnh cha trên bàn thờ nhìn mình
căm giận thế.

Có hai câu thơ của anh được người ta nhắc tới rất nhiều, bình luận rất nhiều:

Trời thì xanh như rút ruột mà xanh

Cây thì biếc như vắn mình mà biếc

Về hai câu thơ này tôi lại nghĩ đến một khía cạnh khác, ngoài những điều các nhà phê bình đã viết: Có một cái gì giống nhau giữa Thi Hoàng và Nguyễn Hồng. Cái đẹp hết mình của Thi Hoàng là cái đẹp rút ruột, vắn mình, cái đẹp phải trải qua đau khổ, còn với Nguyễn Hồng, Vương Trí Nhàn

đã nói rất chính xác rằng “ông hiểu, sau hết, đau khổ còn là vẻ đẹp nữa”. Có lẽ vì sự gặp nhau ấy mà khi Thi Hoàng còn ở Sở văn hoá, Nguyên Hồng đã chú ý đến anh. Thi Hoàng là người duy nhất ở Hội văn nghệ Hải Phòng được Nguyên Hồng - một người không bao giờ chú ý tới sự ăn mặc của mình - quan tâm đến sự ăn mặc

- May chỉ có mỗi cái quần thôi hở con. Để bố cho một cái. Con trai phải ăn vận cho nó đàng hoàng.

Cái quần Nguyên Hồng cho, Thi Hoàng mặc cũng tạm gọi là vừa. Quần áo không phải may đo, thê là đã khá lắm. Một cái quần xi màu nâu nhạt, thuộc loại sang trọng thời đó. Thi Hoàng mặc đi làm. Không ai biết lai lịch cái quần ấy. Chính Thi Hoàng cũng không biết. Không phải quần của Bố.. Bố không may loại quần đắt tiền này. Bố người to, cái quần này nhỏ. Cũng may Thi Hoàng người nhỏ nhắn, mặc vừa.

Ba hôm sau, cô con gái Nguyên Hồng đến Hội văn nghệ tìm bố. Cô con gái mà Nguyên Hồng có ý định tác thành cho Thi Hoàng nhưng chuyện không thành. Cô gái cứ nhìn cái quần Thi Hoàng đang mặc và quay đi cười. Thi Hoàng hiểu. Chờ lúc chỉ có hai người, Thi Hoàng quát hỏi Nguyên Hồng:

- Bố lấy quần cái Thụ, bố cho con phải không?

Bố Nguyên Hồng không trả lời. Còn con Thi Hoàng cũng không mặc cái quần ấy nữa. Thà nhất bộ, con Thi Hoàng không mặc cái quần ấy nữa.

Tôi bị bắt tù năm năm. Năm năm, tôi không còn là tôi Tôi là một con số: CR880. Thật không ngờ mình lại phải ở trong tù lâu như vậy.

Trước khi bị bắt, tôi đã bị gọi lên 176 Trần Phú (nay là Nguyễn Đức Cảnh) thăm vấn nhiều lần. Cánh cửa nhà tù mở ra trước mắt tôi. Tôi đã ngửi thấy cái hơi lạnh lẽo, ghê rợn của nó.

Một lần thăm vấn xong, để dịu thần kinh, tôi ghé vào một hiệu sách bên bờ sông Lấp. Đạo ấy thái độ của tôi đối với sách có khác bây giờ. Đạo ấy tin hơn. Quý hơn. Tôn trọng hơn. Đứng trước những quyển sách bao giờ cũng thấy lòng mình thanh thản lại. Tôi sững sờ. Con bão đã đến (tập tiếp theo Sóng gầm, trong bộ Cửa biển) của Nguyên Hồng với cái gáy dày cộp bày bán ở chỗ trang trọng nhất trong tủ kính hiệu sách.

Tôi bị giáng một đòn nặng. Sách của anh xuất bản từ bao giờ mà anh không gửi tặng tôi.

Anh đã rời xa tôi.

Tôi nhận thức được tất cả tình hình nghiêm trọng mình đang lâm vào. Tôi cũng thấy thêm được một nét buồn nữa của cuộc sống.

Chưa bao giờ tôi thấy mình cô đơn như vậy.

Tôi trở về nhà lòng nặng trĩu. Căn buồng vắng. Vợ tôi đang học ở trường đại học. Các con tôi sơ tán ở quê với bố mẹ tôi. Một mình tôi bơ vơ. Không

một người bạn nào ở bên tôi. Các bạn trên Hà Nội cũng đã có một số lao đao. Những người còn lại xa cách quá.

Tôi nghe rõ tiếng của im lặng.

Tôi hiểu mình phải làm gì. Điều trước tiên là không được để liên lụy tới bạn bè.

Thế là tất cả các thư từ đều được đem ra đốt. Dưới bếp nhà anh chị tôi, vắng vẻ. Tôi nhớ là mùa nắng hanh. Những bức thư bắt lửa. Đây mới thật là lễ hiến tế... Tôi đưa từng lá thư vào lửa. Khuôn mặt của từng người bạn hiện ra trong ngọn lửa lem lem. Tôi và Nguyên Bình cùng im lặng. Không ai nói một lời trong suốt lễ hoá vàng. Không cả tiếng thở dài nữa. Mãi gần đây khi sưu tầm những tài liệu về Nguyên Hồng để viết, nhớ lại những bức thư vô giá ấy, tôi thú thật với một người bạn trẻ rằng tôi đã đốt đi nhiều thư, trong đó có những bức thư của Nguyên Hồng. Người bạn trẻ kêu lên:

-Anh đã phạm tội ác. Một tội ác đối với văn hoá. Một tội ác không thể tha thứ được.

Đúng là tôi đã phạm một tội ác. Nhưng tôi vẫn xin tha thứ. Hãy hiểu cho tôi. Tôi đã lang thang nhiều trại, nhiều năm tháng...

Khi ở tù ra, lục tìm những kỷ niệm cũ, may mắn sao vẫn còn một bức thư của Nguyên Hồng sót lại. Bức thư anh gửi cho tôi khi anh đi cùng đoàn khảo sát Sông Đà, viết đằng sau một tấm bưu ảnh Liên xô, mặt trước in hình một ga tàu điện ngầm Mạc Tư Khoa, mặt sau kín những nét chữ “to đậm, gầy góc” “những dòng chữ xô vào nhau gập ghềnh lên xuống”.

Đoàn khảo sát Sông Đà ngày 31.12.1962

Anh Tấn, chị Tấn và các cháu mền

Mấy tháng nay không xuống được Hải Phòng, không được có dịp ngủ và một đêm ở nhà anh chị, không được làm phiền chị lúc đã khuya với các bữa ăn ồn ào thói quen của tôi, tôi rất nhớ anh chị và các cháu.

Có lẽ chị Tấn lại khoẻ như thời con gái sau chuyển ở cũ này. Giáng Hương em hay tiểu Dã Tượng, Yết Kiêu đây? Nhà tôi cũng đang giờ dạ dày. Có lẽ sau chuyến đi này về, tôi đến cửa nhà thì được nghe tiếng con bé khóc đây, cũng như tôi sẽ đến nhà anh Tấn, chị Tấn rất hồi hộp khi bước lên thang gác vậy.

Ra giêng này nếu công việc thu xếp để lập chi hội Văn nghệ Hải Phòng xong thì tôi xuống ít tuần. Sau đó tôi trở về Yên Thế viết, cố có sách mới để tặng các bạn, để có hàng tốt, hàng đúng trả nợ cuộc sống. Và tôi cũng mong Tấn sớm có sách để trả nợ chị Tấn là người mà anh Tấn vay nợ nhiều nhất.

Tôi có gửi tặng anh chị sổ Văn Học ngày 23.12.62, chắc anh chị nhận được rồi. Chúc trước anh Tấn, chị Tấn một tết vui, dù khó khăn đến đâu cũng vui, hạnh phúc là thêm sung sướng được sống và làm việc.

Nguyên Hồng.

Ngoài bức thư viết trên mặt sau tấm ảnh có tính chất chúc mừng năm mới này, tôi còn tìm thấy cái phong bì mà Nguyễn Tuân vẽ lên cốc rượu với dòng chữ À votre santé monsieur Nguyễn Hồng! Và những dòng anh ghi những việc phải làm trước khi đi công tác mà tôi đã nói ở phần trên. Chiếc phong bì có vẽ cốc rượu và dòng chữ của Nguyễn Tuân này đã được công bố trên tạp chí Cửa Biển và tập sách Nguyễn Hồng - Cát bụi và ánh sáng. May mắn làm sao vẫn còn hai kỷ vật ấy. Đọc thư Nguyễn Hồng tôi sống lại tất cả. Và tôi đã nhiều lần nguyên rửa tôi về chuyện đã đốt đi những bức thư mà tôi không thể nhớ được nội dung, những bức thư ngày ấy tôi đã biết hết giá trị của chúng và có lần tôi đã bảo Nguyễn Bình:

- Tao sẽ nổi tiếng vì những bức thư này. Tao sẽ viết hồi ký...

Nguyễn Hồng đi đâu cũng viết thư về cho tôi và có thể cả quyết rằng Nguyễn Hồng qua những bức thư gửi cho tôi chân thực và sống động, riêng biệt rất nhiều.

Đó không phải là những bức thư công việc.

Đốt thư xong, tôi và Nguyễn Bình rủ nhau đi uống cà phê. Biết “có đuôi”, nhưng chẳng cần gì nữa. Thế là hết. Bất cần đời. Lo lắng cũng vậy thôi. Cái gì đến sẽ đến. Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối (thơ Xuân Diệu), phút huy hoàng của chúng tôi là ngồi im lặng ở một góc quán cà phê Bích Thủy phố Hoàng Văn Thụ như nhón nhờ lăm trước mắt người trinh sát. Vẫn chưa thể nói được cùng nhau. Sự mất mát là quá lớn. Sự mất mát sắp tới là những gì, chúng tôi không biết được.

Tôi không trách Nguyễn Hồng về chuyện anh không tặng tôi sách. Tôi biết anh là người yêu quý vợ chồng tôi. Tôi biết anh là người thủy chung đôn hậu. Tôi thương anh. Tôi thương tôi. Mỗi chúng ta đều đáng thương. Anh đã vương nhiều chuyện lời thôi. Anh tránh tôi, buộc phải tránh dù lòng anh không muốn. Chúng ta có mấy khi được là chúng ta đâu.

Mới đây khi bắt tay viết tập sách này, vợ chồng tôi có ôn lại những kỷ niệm về anh. Đây là những điều vợ tôi nói:

- Đêm, em đi rán trứng cho anh với bác, bác lấy hành trong làn của bác ra.

Bác nhai hành buồn cười lắm. Như là nhai bằng cả hàm ấy.

- Có lần bác đến, bác phơi quần đùi, cái quần đùi nâu, giải rút ngay ở lan can gỗ chỗ mình vắt khăn lau nhà ấy. Nước chảy tong tong, em lại đem vắt lại rồi phơi ra ngoài giây.

- Anh đi rồi. Ở nhà em đi làm dọc đường Hồng Bàng. Đạo ấy Hội Văn nghệ còn ở đường Hồng Bàng. Một ngày đi đi về về bốn lần qua trụ sở Hội. Lại càng nhớ anh, thương anh. Có lần đi qua cửa Hội, thấy bác Nguyễn Hồng ngồi trong, nhìn ra cửa. Lại có lần gặp bác đi ngược chiều, không biết bác có nhìn thấy em không. Giá như trước đây, em đã gọi...

Tôi như nhìn thấy một thời đã mất. Tôi như nhìn thấy Nguyễn Hồng còn

sống, anh đang dựng Cún ở hành lang, lên thang và đứng trước cửa nhà tôi, chòm râu thưa, nụ cười gập gờ thân thiết và tươi tắn...

Ngày ấy phải sau năm năm tôi mới gặp lại anh. Năm năm đối với những người bình thường, mỗi năm được tính bằng một vòng quả đất quay chung quanh mặt trời. Với tôi năm năm ấy là vô tận, năm năm ấy là một kiếp. Khi tôi ở tù ra, Nguyên Hồng lại đến thăm tôi. Con bão đã đến và con bão đã qua rồi. Anh với tất cả đáng vẻ quen thuộc lại ở trong căn buồng sóng gió của tôi.

Nhìn anh, tôi cười.

Nhìn tôi, anh khóc.

Một thời để mất

6.

Chưa bao giờ tôi thấy Nguyên Hồng khóc nhiều như lần ấy. Anh không muốn thế nhưng không giữ được. Tôi nhìn anh, bối rối vì những giọt nước mắt lớn lao của anh. Tôi biết anh là người dễ xúc động, nhiều khi khóc chỉ vì những chuyện bình thường, nhưng lần này tôi hiểu những giọt nước mắt của anh.

Vậy là lại được gặp nhau. “Ba lần ngập trong nước sôi. Ba lần chìm trong nước giặt. Ta trong sạch hơn những người trong sạch” (trường ca Nga: Khúc ca về cuộc hành trình I-go). Nguyên Hồng đã vào tù. Nguyên Hồng đã đi an trí. Anh hiểu tôi đã chịu đựng những gì.

Cho đến khi anh ngồi vào ghế, tôi đã pha trà mời anh, anh vẫn chưa nói được một tiếng nào. Anh ngồi im lặng, mắt rỗng không. Rồi anh rút mùi soa, cái khăn mùi soa bẩn thỉu, nhàu trong túi áo nâu ra thấm nước mắt, hỏi tôi với giọng trầm khê như hỏi một người vừa qua cơn hấp hối:

- Tân khoẻ không?

- Khoẻ anh ạ. Nhớ anh quá.

Nguyên Hồng uống chén trà và dần dần bình tĩnh trở lại.

Nhưng câu chuyện giữa chúng tôi không còn như xưa nữa. Chúng tôi đều hiểu ngay rằng đã có một cái gì đó ngăn cách chúng tôi. Điều chính yếu, không nói được cùng nhau. Với anh là chuyện sáng tác. Với tôi là chuyện tù đầy. Tình bạn vong niên giữa chúng tôi không còn như trước. Và vì cả hai cùng muốn trung thực nên trong câu chuyện thường có những lúc im lặng nặng nề.

Bởi vậy sau này Nguyên Hồng ít lại nhà tôi. Biết tôi buồn, nhưng Nguyên

Hồng không động viên tôi. Anh cho là vô ích hay hiểu tôi không cần đến sự động viên. Anh chỉ nói chuyện vui. Anh hớn hờ khoe với tôi là đã được đích thân Thủ tướng phạm Văn Đồng giải quyết gạo sỗ cho gia đình anh, niềm ao ước lớn thứ hai của anh sau sáng tác. Anh nói về một ngày tết anh trực ở cơ quan Hội nhà văn. Chiều, anh đạp xe từ Hà Nội về yên Thế. Tới lúc mệt, anh dừng lại nghỉ. Nhưng phía tay phải đường không có cây để dựng Cún. Anh quành sang bên trái dựa

Cún vào một gốc cây và thuận tay anh quành đầu Cún trở về phía Hà Nội. Anh nằm xuống thăm cổ vệ đường, ngay cạnh Cún ở pooc-ba-ga có chằng buộc một cái làn ràng ràng nhét đầy chai lọ.

Anh ngủ lúc nào.

Anh ngủ ngon lành say sưa, mặc cho người, xe đạp, ô tô ngược xuôi sát cạnh.

Khi choàng mắt dậy đã thấy chiều tà. Anh lên xe hỏi hỏi đạp. Đạp vội vã, rút ngắn khoảng cách, bù lại thời gian ngủ. Anh sợ tối dọc đường, không có mặt ở nhà như đã hẹn. Anh cảm cúi đạp và... bỗng thấy cầu Long Biên lên đèn trước mặt! Anh chợt hiểu rằng trong lúc cuống cuống vội vã mình cứ thẳng phía đầu xe, đạp ngược về Hà Nội.

Thế là lại phải quay đầu Cún trở lại, miệt mài cùng Cún mãi nửa đêm mới tới Cầu Đen...

Chưa bao giờ anh hỏi tôi do những nguyên nhân gì tôi bị vào tù cũng như chưa bao giờ anh hỏi tôi những chuyện ở trong tù. Anh không quan tâm đến những người dưới đáy nữa hay sao? Anh lảng tránh nó, điều trước đây anh rất quan tâm. Nó đã làm nên sự nghiệp của anh. Nó làm anh nổi tiếng khi anh mới mười sáu tuổi và trở thành bất tử. Nó làm nên vẻ riêng biệt của anh, không một nhà văn nào có được.

Hãy nghe Nguyên Hồng nói vì sao anh viết Bỉ vỏ:

Năm ấy tôi mười sáu tuổi, hết hạn tù, được tha... Bao nhiêu ngày tháng bị câu thúc thân thể và phải làm những việc bẩn thỉu nặng nhọc quá sức mình, tôi tưởng khi thoát khỏi cảnh tù tội đầy ải ấy thì sẽ sống no ấm... ngờ đâu! Vì thế xác thịt tôi dần dần suy nhược ôm cái ngực thỉnh thoảng đau chói lên, tôi cảm thấy đời tôi đã bị rút ngắn đi và một ngày rất gần kia sẽ hết... Chết! Mỗi lần cái chữ đen tối khủng bố ấy hiện ra, sao mà tôi thấy chung quanh tôi, sự vật gì cũng sáng sủa tươi đẹp thế. Hết thấy đều kêu gọi lòng ham sống của tôi.

(...) Những lúc lo sợ, đau đớn quá, trong tâm trí người ta hay nảy ra những ý muốn khác thường. Tôi, tôi muốn có một cái gì để mãi mãi an ủi mẹ tôi và để tỏ lòng tôi mến tiếc và thương nhớ những người và vật đã làm tôi vui thích đến say mê. Nghĩa là tôi phải để lại một cái gì tinh khiết nhất của hồn và xác tôi cho cõi đời mà tôi yêu mến.

Cái gì tinh khiết nhất của hồn và xác Nguyên Hồng là tập tiểu thuyết Bỉ vỏ, là sự hiểu biết cặn kẽ, sự thông cảm sâu sắc với nỗi khổ đau của con người, khẳng định những phẩm chất của họ cho dù có bị đẩy đoạ vào giữa bùn lầy rác rưởi. (Theo Tổng tập văn học Việt Nam)

Chỉ có một lần, một lần duy nhất, anh nói gần tới chuyện đó của tôi.

Năm ấy đứa con trai lớn của chúng tôi thi vào đại học. Biết thân biết phận, thương bố thương mẹ, cháu làm mọi việc để san sẻ một phần gánh nặng của bố mẹ. Cháu kéo xe ba gác. Quán thuốc lá tới khuya. Làm bốc vác. Cháu có ít thời gian học bài. Nhưng cháu vẫn đạt điểm cao nhất trong kỳ thi vào trường Đại học đường thủy: 21,5 điểm. 13 điểm được vào trường. 18 điểm được đi học nước ngoài. Vậy mà việc học trong nước cũng rất khó khăn, mặc dù ông Trần Đông, giám đốc sở Công an Hải Phòng đã nói cùng tôi khi tôi đi tù về: “Con anh sẽ được vào đại học”. Chạy vậy mãi cháu cũng được vào trường nhưng muộn mất một tháng. Thật vô cùng may mắn. Chúng tôi đâu dám mơ tưởng đến chuyện cháu đi học nước ngoài. Dù đã xác định như vậy sao trong lòng vẫn thấy đau. Bởi vì có một đứa con đi học nước ngoài thì không phải nuôi nó suốt năm năm, nó lại còn là chỗ dựa cho gia đình về kinh tế. Hơn nữa, đây còn là lẽ công bằng, là thực hiện đúng chính sách của Đảng.

Một buổi trưa tôi và Nguyên Hồng, Nguyên Bình đang ngồi chờ vợ tôi làm cơm ăn thì tiếng loa Ngã Sáu vọng vào báo tin Trung Quốc vừa bắt bẽ lũ bốn tên: Giang Thanh, Vương Hồng Văn, Diêu Văn Nguyên, Trương Xuân Kiều.

Chúng tôi ngừng chuyện, lắng nghe.

Thối hải hước vẫn chưa chết hẳn trong tôi. Tôi nói:

- Thế là từ nay con Giang Thanh không được đi học nước ngoài nữa rồi.

Nguyên Hồng trách tôi:

- Cứ cái kiểu nói như thế.

Nguyên Bình ngơ ngác

- Ủ nhỉ? Con Giang Thanh mà không được đi học nước ngoài thì gay thật...

* * *

Nguyên Bình nhận xét rằng: Sau khi tôi bị bắt, Nguyên Hồng đối với Nguyên Bình khác trước. Thân hơn. Quý hơn. Nhiệt tình hơn. Nguyên Bình nghĩ cái phần hơn ấy là phần Nguyên Hồng dành cho tôi.

Khi Nguyên Hồng đi Tiệp Khắc về, Nguyên Bình gặp anh tại căn buồng chuồng chim của anh trên gác Hội nhà văn.

Đang lúi húi với cái bếp điện anh reo lên:

- Bình đây hử? Mới lên đây hử? Ở đây ăn cơm. Có hai chúng mình thôi. Chờ tý! Chờ tý? Đi mua thêm quả cà chua rồi về ngay đây?

Nguyên Hồng xuống thang, tắt tưới ra phố.

Nguyễn Bình kể:

- Trên bàn có chai rượu chanh, lại một chai rượu cam cụ bảo mua ở Bằng Tường. Chai nào cũng uống dở. Ở ghế tựa ngồi viết treo một chai rượu bèn bẹt đút trong vỏ da rất đẹp có dùi lỗ và luồn dây như kiểu dây giày. Chai rượu nhỏ nhưng nắp xoáy lại rất to cao, như một cái ly. Biết là loại rượu đặc biệt cụ vừa mang từ Tiệp về, cụ không mời mình loại rượu này đâu vì cụ vẫn tự cho phép mình uống rượu ngon mà không mời người cụ cho là không biết thưởng thức, tao mở nắp rót gần đầy một nắp. Quặn ruột. Cay cả mắt. Nước mắt tao giàn ra. Tao vội vịn nắp treo trả chai rượu vào ghế và đi ra cầu thang đón cụ, để có đủ bằng chứng là mình... ngoại phạm.

Chúng tôi cùng cười vì tiếng ngoại phạm Bình hồn nhiên thốt ra. Bình đứng chờ và thấy Nguyễn Hồng bước vào sân, hai tay hai nắm hành và cà chua. Nguyễn Hồng lấy khuỷu tay huých huých mở vòi nước dưới sân Hội nhà văn, cho xối vào món la ghim cầm tay rồi cùng Bình lên gác. Tới nơi anh liếc nhìn chai rượu quý. Hẳn là nghĩ đến sự mất cảnh giác không thể tha thứ được của mình trong suốt lúc đi chợ.

Cũng chỉ một cái nhìn ấy thôi. Suốt buổi trưa tiếp Bình, anh không nhìn nó một lần nào nữa, anh làm như không có nó, làm như nó là một cái chổi, hay cái khăn lau, không có gì đáng giá, không có gì phải quan tâm. Tay ướt đầm, Nguyễn Hồng thái hành, thái cà chua bằng con dao i nóc sáng loáng mới mua.

- Xong rồi đây. Xong rồi đây.

Bày hành vào một đĩa, cà chua vào một đĩa. Nhìn. Ngắm. Vẽ hài lòng. Rồi mở va li. Lọc. Lấy ra cái bánh mì gói:

- Bánh mì Tiệp. Mang từ Tiệp về. Ngon lắm. Ngon lắm!

Mở hộp ba tê. Lấy chai rượu trên bàn rót ra chén. Uống. Ăn. Và kể chuyện. Chuyện chuyện đi Tiệp Khắc vừa xong. Tất nhiên thích thú nhất vẫn là chuyện rượu. Sang Tiệp Khắc, Nguyễn Hồng về thăm một xí nghiệp vùng Bô-hêm, chuyên sản xuất pha lê mỹ nghệ. Người ta giới thiệu với anh đây chuyên sản xuất pha lê nổi tiếng thế giới và mời anh thăm phòng truyền thống, trong đó lưu giữ những mặt hàng cực kỳ quý giá: chao đèn cho nhà vua Phổ, bình hoa của nữ hoàng Anh... Tất cả những điều ấy đều thú vị nhưng không bằng chuyện anh được kết nạp vào hội nghiện rượu, trở thành hội viên hội nghiện rượu của xí nghiệp. Mà lại là một hội viên quốc tế xứng đáng, nòng cốt chứ không phải loại chiếu cố như một vài hội viên khác. Bữa ấy đến xí nghiệp có Nguyễn Hồng và một vị khách châu Âu. Sau khi thử tài rượu trong buổi chiều đãi, lễ kết nạp hội viên được tổ chức. Chủ khách đứng quanh một cái bàn dài và hẹp. Chủ tịch hội đọc diễn văn, nói lịch sử và quá trình phát triển của hội, công bố danh sách hội viên quốc tế với những tổng thống, thủ tướng, hoàng tử của nhiều nước và giới thiệu hai

vị cảm tình hội đang được thử thách lần cuối cùng trước khi chính thức kết nạp.

Vỗ tay ran. Rượu được bung ra. Mỗi người phải cạn một hơi một cốc to rượu mạnh. Tất cả uống và nhìn cả vào hai người sắp trở thành hội viên, một người châu Âu, một người châu Á. Cả hai đều vững. Đều cạn và dốc ngược cốc. Không còn một giọt. Lại vỗ tay. Rượu cháy cổ. Có lẽ phải 50 độ. Đã thấy rần rật cả người. Hai chai rượu khác và một hộp vuông vẫn được mang đến. Mọi người lùi ra. Đứng gần bàn chỉ có Nguyên Hồng và người khách châu Âu đang bước vào cuộc sát hạch cuối cùng.

Để dễ hình dung, cái hộp vuông đó giống như chiếc máy quay đĩa ngày xưa. Nó có mô tơ làm quay một đĩa tròn bọc ni, trên đặt sáu ly có chân. Người được sát hạch phải mở chai rượu mới, rót đầy sáu cái ly đó, không được làm vãi một giọt trong khi đĩa, cốc vẫn quay và đầu óc chân tay mình lảo đảo. Vị khách châu Âu cô đứng vững, tay run run làm rót rượu xuống đĩa. Đến lượt Nguyên Hồng. Rượu đã ngấm. Hơi chệnh choáng. Anh mở chai rượu mới. Thơm lừng. Muốn ném một ngum quá. Anh rót. Đĩa quay. Cốc chạy khỏi tay anh. Anh đưa chai theo cốc. Một cốc. Rồi hai cốc. Ba cốc. Cả sáu cốc đều đầy. Không rót ra ngoài một giọt.

Như chỉ đợi điều kỳ diệu ấy, một tràng vỗ tay bật lên. Ông chủ tịch đọc bài diễn văn kết nạp hội viên đã chuẩn bị sẵn. Ông ca ngợi sự thần kỳ của rượu kể cả về mặt triết học. Rượu là điều dễ hiểu nhất về sự thống nhất giữa các mặt đối lập, vừa là nước vừa là lửa, vừa là niềm vui lại vừa là nỗi buồn, một người bạn bao giờ cũng đến đúng lúc, dù mình cô đơn hay đang xum họp đông vui... Ông ca ngợi tử lượng của hai vị khách, và long trọng tuyên bố: Kể từ nay các vị là những hội viên quốc tế hội nghiện rượu của xí nghiệp chúng tôi. Các vị có thể đến đây uống rượu bất kỳ lúc nào mà không phải trả tiền... Cả hai đã được kết nạp. Vị khách châu Âu được chiếu cố. Còn Nguyên Hồng hoàn toàn đủ tiêu chuẩn, hoàn toàn xứng đáng. Là hội viên quốc tế, Nguyên Hồng có thể đến xí nghiệp uống rượu không mất tiền, nhưng anh không có dịp trở lại Bô-hêm nữa.

Câu chuyện được kết nạp vào hội nghiện rượu ở Tiệp Khắc này khi về Hải Phòng, Nguyên Hồng cũng có kể tặng tôi. Ngoài ra anh còn có quà cho con tôi, đưa con đầu khi đó đã học đại học.

- Đây, thước của cháu Hiền đây.

Anh xếp ra những chiếc thước vẽ kỹ thuật bằng nhựa nhiều kiểu cong lượn và thùng ở giữa.

- Đúng chưa nào?

Chả là trước khi đi Tiệp, anh lại nhà tôi hỏi xem có cần mua gì ở bên ấy không? Chúng tôi trả lời là không và chỉ chúc anh đi mạnh khỏe, khi về có nhiều chuyện vui. Riêng cháu Hiền quá cần đến thước vẽ kỹ thuật mà bên ta

không có bán. Mặc cho chúng tôi mắng chửi “Đừng làm phiền bác” cháu vẫn nhờ anh mua và cố giảng cho anh về những chiếc thước khác thường dùng trong môn học. Nhìn những thước trên bàn, khuôn mặt cháu sáng lên.

- Cháu xin bác. Đúng rồi ạ. Đây, cháu đã bảo bác mà, cứ nói thước vẽ kỹ thuật là họ biết.

- Thì bác cứ tưởng thước là phải thẳng. Ai biết đâu lại có thước ngoằn ngoèo thế này. Các cụ nhà mình đã nói thẳng mực thước mà lại.

Và quà cho tôi, một cái sơ mi phin trắng tàu tàu. Tôi giơ áo lên: Cổ áo có ghi số và chữ BTC. Áo anh được mượn để mặc sang thăm Tiệp Khắc.

- Sao anh yếm được cái áo này. Tưởng anh phải trả Bộ Tài Chính chứ?

Tôi quen mồm dùng chữ “yếm”. Trong tù có nghĩa là giấu. Thứ ngôn ngữ ấy chẳng xa lạ với Nguyên Hồng.

- Minh khai là rách, là mất. Thiếu gì cách.

Anh vốn không biết nói dối. Anh đã nói dối vì tôi. Anh nói dối vì không biết buồn mà lại muốn cho tôi cái áo cũ. Tôi đang thiếu áo. Chiếc áo ấy tôi mặc đi làm. Làm hợp tác xã cơ khí. Làm miến. Kéo xe bò. Bốc vác phân đạm ở Cảng.

* * *

Tôi đã sống cuộc sống via hè đường phố bụi bặm mồ hôi vất vả khó khăn cơ cực. Từ trước tới nay tôi không được đào tạo để thích ứng với cuộc sống đó. Ngược lại tôi được dạy dỗ rằng cuộc sống via hè là cuộc sống phải cải tạo vì đó là cá thể, là mảnh đất màu mỡ hàng ngày hàng giờ nảy sinh mầm mống của chủ nghĩa tư bản. Gặp việc gì làm việc ấy. Lên sân Bon-nan chỗ tôi và Nguyên Hồng đã ngồi xem trận đấu bóng An-giê-ri - Hải Phòng năm nào, phụ vá xe đạp cho một anh bạn. Đón hàng kéo xe bò. Dán hộp giấy gia công cho công ty vợ tôi Đục lỗ khay hấp mì cho xí nghiệp mì sợi Vĩnh Niệm. Phải làm sao tự nuôi được mình và góp phần với vợ nuôi bốn đứa con. Cái gánh nặng ấy nàng mang quá lâu rồi. Nhưng việc khi có khi không. Rất bấp bênh. Tôi nghĩ đến thầy giáo Thứ Sống mòn, đến Nguyên Hồng khi còn ở xóm Cầm, đến Thanh trong Sóng gầm kéo lê guốc mòn vẹt đi các nơi xin việc. Tôi không thể đọc sách được từ dạo ấy. Tôi không tìm được trong sách những điều bổ ích. Sách đâu có nói đến khổ đau. Làm sao tôi có thể đọc được những tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện dài viết về tính hơn hằn của hợp tác xã, ý thức làm chủ của xã viên, sự cùng đường của người làm cá thể, những truyện cải tiến kỹ thuật trong công nghiệp. Làm sao có thể đọc những truyện viết về trí thức, kỹ sư, phó tiến sĩ, với dăm thuật ngữ kỹ thuật kể chuyện nàng vì tập thể, vì ước mơ vì lý tưởng, còn chàng ngại khó ngại khổ, cá nhân chủ nghĩa, chỉ muốn về thành phố và sang Liên xô học thêm, cuối cùng tình yêu tan vỡ. Những truyện này đọc trang trước biết trang sau, đọc đầu biết giữa, đọc giữa biết cuối, những truyện lảng tránh những đau khổ,

những suy nghĩ thực của nhân dân, những truyện quên mất thân phận con người. Hãy nhớ rằng những khổ đau vẫn còn đó.

Gần hai mươi năm sau tôi mới tập đọc trở lại. Nhờ có Nguyên Bình. Nguyên Bình đưa tờ báo Văn Nghệ cho tôi,

- Mà đọc truyện này đi. Khá lắm.

Nể Nguyên Bình, tôi đọc. Truyện ngắn ấy đã cuốn hút tôi. Đó là truyện Tướng về hưu của Nguyễn Huy Thiệp. Tôi lại đọc được từ ấy. Có lẽ tôi đọc lại được nhờ Nguyễn Huy Thiệp thì đúng hơn.

Trong tù, một người bạn tù già rất giỏi xem tướng số (nhưng rất ít khi xem cho người khác vì sợ bị kỷ luật về tội tuyên truyền mê tín dị đoan) một hôm lúc vắng người, kéo bàn tay tôi ra ngắm nghía. Sau khi khen bàn tay tôi đầy đặn, mềm - dù làm việc vất vả tay tôi vẫn mềm - người tù ấy nói:

- Sau này anh chuyển nghề. Anh không làm nghề cũ nữa.

Tôi im lặng. Nhưng trong lòng không tin. Không bao giờ tôi bỏ sáng tác. Tôi đã sống vì nó. Và đã chết vì nó. Không ai có thể làm tôi rời bỏ việc sáng tác. Thế nhưng xuýt nữa tôi đã rời bỏ nó. Mang trong lòng nỗi oan ức, nỗi lo kiếm sống, làm lụng vất vả, lo lắng, thường xuyên bị kiểm tra hộ khẩu, bị gọi ra đồn khai lại lý lịch, hết bố lại tới con, được công an thăm viếng nhắc nhở, không ai cấm mình viết, nhưng mình có viết cũng không ai in..., tất cả chỉ là một mặt của sự chán nản. Còn mặt chán nản khác Nếu cho đến bây giờ vẫn viết như những sách đã in (kể cả những sách ít ỏi của tôi đã in hoặc còn dưới dạng bản thảo) thì viết làm gì nhỉ?

Một lần gặp Châu Diên, cũng là lâu lắm mới gặp nhau, Châu Diên giục tôi viết. Tôi nổi cáu lên với Châu Diên:

- Đất nước này cần sự thay đổi. Đất nước không cần đến những sáng tác như vậy. Mà xui tao viết làm gì, thẳng gần?

Và tôi đã nói với Lê Bầu, Nguyễn Vĩnh trong cuộc gặp gỡ ở nhà Lê Bầu:

- Nói thật nhé. Tôi ở dưới cơ sở, tôi biết. Người ta quan tâm đến những cái gì cơ! Người ta không đọc sách mấy ông viết đâu.

Nguyễn Vĩnh cùng ở báo Tiền Phong một thời với tôi. Anh chuyển sang báo Văn Nghệ phụ trách tổ dịch.

Nguyễn Vĩnh rất tán thành điều tôi nói:

- Đúng rồi. Mấy ông nhà văn viết, mấy ông nhà văn đọc với nhau thôi. Rồi khen nhau: Chữ ông dùng đắt lắm. Có chữ nào đắt bằng quả trứng vịt lộn!

Trong những ngày mệt bã ra ấy, thỉnh thoảng tôi lên Hội Văn nghệ gặp Nguyên Bình. Anh đã dọn hẳn lên Hội ở. Anh em Hội Văn nghệ nhìn tôi thật lạ. Không ra nhìn thấy. Không ra không nhìn thấy. Không ra chào, không ra không. Chẳng là quen mà cũng không là lạ. Mọi người nhìn tôi như nhìn một người chết còn sống, một cái xác biết đi. Kể cả Nguyên Hồng. Cả Nguyên Bình nữa. Không phải chỉ các anh em văn nghệ. Tất cả những ai

quen biết tôi đều nhìn tôi như một cái gì đã kết thúc rồi. Tôi hiểu: Tương lai tôi đã được định đoạt. Nó là thế đấy. Một hôm tôi và Nguyên Bình đang lúi húi sửa điện trong buồng. Nguyên Bình thì thấy đầu Nguyên Hồng ló vào.

Vẫn đứng ngoài sân, Nguyên Hồng hỏi:

- Tần với Nguyên Bình uống... uống rượu đấy à?

Chờ Nguyên Hồng đi, Nguyên Bình thì thảo:

- Cụ lên cơn nghiện đấy. Tuốc nơ vít, kìm, giấy điện thế này mà cụ lại nhìn ra cốc chén, chai lọ thì ghê thật.

Lại một buổi sáng, tôi và Nguyễn Văn Chuông đang đứng ở sân sau Hội Văn nghệ thì Nguyên Hồng dắt Cún vào, theo sau là một thanh niên. Nguyên Hồng dựng xe, tháo cái làn rành rành đặt xuống sân. Anh thanh niên ngồi xuống bên cạnh. Nguyên Hồng lấy từ trong làn ra một cái gì đó đưa cho anh thanh niên. Anh đứng lên, giữ mạnh. Một cái quần. Một cái quần xi-mi-li màu nâu. (Chắc là giống cái quần cho Thi Hoàng). Nguyên Hồng cũng đứng lên, ngược nhìn cái quần, vẻ mặt căng thẳng chờ đợi lời phán xét. Bỗng anh thanh niên kêu:

- Ô! Quần con gái hở bố?

Nguyên Hồng ớ ra, không nói được một lời.

Chuông kéo tay tôi, chuồn vội ra phía trước.

- Đi mau. Cụ bán quần. Màu sắc, vải đúng cả rồi. Nhưng lại là quần con gái. Hắn là lúc ấy trông tôi phong trần lắm, nên Nguyễn Văn Chuông an ủi tôi:

- Con người ta có số hết anh ạ.

Ngày ấy Chuông đã tin ở số. Khi về hưu, Chuông càng nghiện ngẫm, càng tin tưởng. Trong bữa rượu với tôi ở Kênh Giang, Chuông an ủi tôi: Anh không lâm nạn là anh hồng đấy. Đạo ấy anh viết nhiều nhưng anh sắp hồng, thật đấy. Anh bị bắt có khi lại là may. Anh lại có một cuộc sống không ai có được.

Cùng ý của Chuông nhưng Phùng Quán nói khác. Phùng Quán tới nhà tôi cũng phải sau một phần tư thế kỷ.

Gặp nhau lần trước tóc còn xanh, còn đi đứng như một thanh niên, lần gặp nhau sau râu tóc bạc trắng, trông anh già hơn cả Nguyên Hồng.

Chúng tôi ôm lấy nhau như những người qua cơn hoạn nạn còn sống ôm lấy nhau.

Quán có trí nhớ tuyệt vời. Anh vẫn nhớ tên vợ tôi, vẫn nhớ số nhà vợ chồng tôi ở Hà Nội ngày trước. Chúng tôi nhắc lại bao nhiêu chuyện. Quán thú thật với tôi về phiên bản thu nhỏ bức tượng Vệ nữ ở Mi lô mà Lê Bầu từ Thượng Hải mò lên tận Vô Tích mua, gửi bằng đường bưu điện về báo Tiền Phong cho tôi năm 1956. Thích bức tượng quá, Quán mượn và không trả, nói dối tôi là nó vỡ mất rồi!

Tôi hỏi Quán có nhớ Quán dạy tiếng Pháp cho một sĩ quan cao cấp ở Hà Nội

không? Với giọng Huế du dương, Quán cao giọng, bắt chước người học sinh già ngày xưa hỏi anh:

- Sao lại đọc là sec sê mà không đọc là sec sec?

Chả từ chercher tiếng Pháp (nghĩa là tìm) gồm hai nhóm chữ hoàn toàn giống nhau đã khiến học sinh chắt vắn thầy về cách đọc.

Chúng tôi cả cười. Ôi! Những chuyện một thời xa lắc xa lơ. Một thời đẹp gần ngang thời thơ ấu?

Quán nói về những ngày hậu Nhân văn, anh đi lao động cải tạo tại công trường thủy lợi. Run rủi thế nào lại đứng vào đơn vị anh ruột tôi, anh Bùi Ngọc Chương (cùng sinh năm 1932 với Quán) làm thủ trưởng. Quán chỉ xin anh Chương tôi một tờ giấy khen, “với các anh nó cũng bình thường thôi, nhưng với tôi quan trọng lắm. Họ có thể rút ngắn thời gian lao động của tôi”. Anh lại cười. Cười đầy nhưng đôi mắt ông già Quán đượm buồn. Anh bảo tôi (và có lẽ cũng để nói với chính mình):

- Đừng buồn. Ông Giê-su phải tự mình vác cây thập tự tới chỗ hành hình.

Không có cây thập tự, Đức Giê-su không còn là Đức Giê-su nữa. Mỗi người đều có cây thập tự của mình, phải tự mình vác nó. Tao có cây thập tự của tao. Mày có cây thập tự của mày. Không có nó, ông Giê-su không còn là ông Giê-su, tao không còn là tao, mà mày cũng chẳng phải là mày.

Nghe lời Phùng Quán, tôi mang cây thập tự của tôi thấy nhẹ nhõm hơn.

Đúng là trên đời này ai cũng phải mang một cây thập tự.

Nguyễn Hồng cũng có cây thập tự mà anh mang vác nó cho đến lúc chết. Đó là sự đam mê viết - luôn bị ám ảnh bởi công việc, ngoài viết ra không còn thiết gì nữa như Nguyễn Tuân đã nói. Anh tự khoác cho mình những cái ách rồi gò lưng kéo, nhiều khi quá cả sức mình. Anh muốn anh em trẻ cũng như anh. Trước hết là phải đam mê.

Trong những ngày tôi sống cuộc sống vỉa hè đường phố ấy, Nguyễn Hồng đưa anh em trong Hội Văn nghệ Hải Phòng đi Lào Cai, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hoá, Nghệ An. Anh muốn anh em hiểu được bài học về đất nước.

Uống rượu bằng bát ở Lào Cai, thăm nhà tu kín Phát Diệm, nghe ông phó chủ tịch tỉnh Nghệ An báo cáo công trình dồn dân Quỳnh Lưu lên núi, sắp xếp lại nông thôn, “tạo dáng cho một cánh đồng chính là tạo dáng cho một cuộc đời”.

Người ta đã viết nhiều về chuyện ở Mường khương, đang đêm, nghe tin bóng đá qua loa truyền thanh, Nguyễn Hồng bật dậy, gọi chánh văn phòng Hội Văn nghệ cùng đi:

- Mìn ơi. Dậy đi! Đi đánh điện về chúc mừng đi! Hải Phòng ta thắng rồi!

Ở Mường khương tiếp đón long trọng quá. Món thịt thắng cố ninh trong vạc lớn. Rượu mức từng bát. Một chút gì hoang dã. Một chút gì Lương Sơn Bạc.

Ăn uống xong, thâm nhập thực tế. Sổ sách, giấy bút, hỏi han, ghi chép. Nhưng anh em nhớn nhोर, không viết. Nguyên Hồng họp tất cả lại, mắng nhiếc tàn tệ:

- Viết đi! Người ta tiếp đón như thế mà không viết thì thì thì... khốn nạn! Tất nhiên anh em viết ngay. Có bài ngay. Gửi đăng báo Lào Cai. Tất cả đều được đăng. Cả thơ, bút ký, phóng sự.

Nguyên Hồng hài lòng. Bữa rượu chia tay, tất cả say.

Ngồi trên ô tô từ Mường khương về Lào Cai xuôi dốc Ô quy hồ, Nguyên Hồng bốc lên:

- Mìn ạ! Sang Liên xô, tao có thềm đến thăm Sô-lô-khôn đâu. Sô-lô-khốp hơn gì tao. Bộ Cửa biển của tao có kém cũng chỉ kém, kém, kém một tí thôi! Từ Lào Cai trở về bằng tàu đêm. Nguyên Hồng bắt anh em xếp hàng mua mỗi người một vé toa đen, toa chở hàng, không có ghế. Phải giải ni lông nằm chen chúc dưới sàn.

- Thế này mới biết, mới viết được. Chứ chúng mày ngồi toa trên kia, chẳng biết được cái gì mà viết đâu!

Nằm thế cũng được thôi, nhưng bí một cái trong toa không có chỗ đi tiểu.

Ông chủ tịch hội Nguyên Hồng thao diễn cách giải quyết ngay. Lấy một cái ca, quay mặt vào một góc. Rồi hát qua cửa sổ toa tàu: Thế là xong! Tất cả anh em, các ông các bà hành khách nằm ngổn ngang trên tàu nghe tiếng ro ro từ ca phát ra đều công nhận cách ấy là tốt nhất và cũng là duy nhất.

Không chỉ những cuộc dã ngoại quy mô như thế. Còn tranh thủ đi ngay trong thành phố. Anh đưa Thanh Tùng về thăm Ao Than, nhà Nguyễn Sơn Hà, nhà Bạch Thái Bưởi. Anh cùng Đoàn Mìn về lại xóm Cắm, nhìn lại gian nhà anh ngồi viết Bỉ vớ. Vào chơi nhà ông Đoá, ông Mô, những học trò của cậu giáo Hồng ngày trước.

Bà Đoá nói:

- Cậu giáo còn nhớ không? Cánh cửa hạ xuống làm bàn học, kê ở chỗ này... Ông Mô gọi vợ lên chào cậu giáo Hồng, vợ ông khi ấy còn bé tý chưa đi học mà chỉ được cậu giáo bế lên lòng. Ngày ấy có nhiều học sinh cứ đến cuối tháng là trốn học vì không có tiền nộp học, cậu giáo lại phải đi từng nhà nói để các em vẫn đến lớp, duy trì lớp.

Những chuyện ấy Nguyên Hồng không kể với tôi.

Tôi cảm ơn anh về sự tế nhị ấy. Anh đến nhà tôi chỉ để nghỉ ngơi, xem chúng tôi sống ra sao và uống rượu. Tôi hỏi anh đến bao giờ anh đi Sài Gòn. Đây là quê hương Năm Sài Gòn, lại có Cửu Long giang ta ơi. Anh không trả lời vào câu hỏi mà đi kể chuyện Nguyễn Tuân:

- Ông Tuân vào Sài Gòn đi xích lô, hỏi ông xích lô là từ khi giải phóng đến giờ ông sợ cái gì nhất? Ông xích lô nói: Sợ nhất là đổi tên phố...

Rồi cười:

- Quái quỷ!

Và bỗng nhiên nhảy sang một chuyện hoàn toàn khác, kiểu nhớ đâu nói đấy:

- Ông Tuấn hỏi tôi có biết tiêu chuẩn mai táng của mình là Văn Điền hay Mai Dịch không? Được bao nhiêu dòng cáo phó trên trang tư các báo, có nắm được không? Biết để khi chết còn đấu tranh.

Lại cười:

- Quái quỷ!

Cũng có khi chẳng chuyện, chẳng rượu. Chỉ nằm khênh trên chiếc giường cá nhân (vợ tôi mới mua lại của một công nhân Cảng, khi tôi còn ở tù) bắc chân chữ ngũ đọc văn tế Hen ri Rivière của Nguyễn Khuyến mà các cụ vẫn gọi là văn tế Thuyền-đò-phổ-nghĩa:

Nhớ ông xưa

Mắt ông xanh lè

Mũi ông thò lõ

Đít ông cười lờ

Mồm ông huýt chó

Nhà ông bày toàn những chai

Và ngồi bật dậy:

- Đau thật! Đau thật? Nhà ông bày toàn những chai có đau không cơ chứ.

Các cụ bày sập gụ tủ chè, hoành phi câu đối, bát cổ đĩa cổ, đồ sứ Giang Tây, đồ trà Thế Đức mà nó lại bày toàn chai. Đều thật? Khốn nạn thật!

Lại lấy giọng ngâm tiếp:

- Nhà ông bày toàn những chai. Vườn ông giồng toàn những cỏ.

Rồi nhăn nhó:

- Nhà ông bày toàn những chai đã đủ đau rồi. Lại còn vườn ông giồng toàn những cỏ. Khốn nạn. Vườn tưởng giồng gì. Lại đi giồng toàn những cỏ. Lan không. Cúc không. Trúc không, đào cũng không. Đau quá. Chịu thế nào được. Cho nên phải khôn nạn thân ông, đeo mẹ cha nó!

Một bữa Nguyên Hồng đến nhà đúng lúc tôi đang thử một cái áo mới may. Nó bằng pô-pơ-lin pha ni lông. Cái áo vải tổng hợp đầu tiên trong cuộc đời tôi. Nhìn người ta mặc mãi rồi cuối cùng tôi cũng có. Mặc vào mà cứ thấy mình ngang tầm thời đại.

Anh xuýt xoa:

- Áo đẹp quá nhỉ?

Đó là niềm tự hào của vợ tôi. Bao nhiêu cố gắng vất vả. Xếp hàng nửa ngày trời để cắt ô S, mua “xi”, rồi bán “xi” lấy lãi, mua cho tôi mảnh vải này. Rồi xoay tiền công may.

Bị anh bắt quả tang trong lúc đang ngắm vuốt, tôi chỉ nói:

- Cái áo anh cho rách rồi.

Anh hỏi:

- Cái này có pha lon không?

Anh nói tiếng pha lon tròn tan như tiếng các cô mậu dịch viên bách hoá.

Không đợi tôi trả lời, anh tiếp:

- Vãn bây giờ cũng phải pha lon. Vãn-pha-lon ha ha...

Tiếng cười quen thuộc của anh vang tròn.

Giáng Hương của bác đã thành thiếu nữ. Cháu đã học bài “Lê Văn Quất con oi! Hôm nay bố cúng cơm con đây, tập nhất bản phù lưu thanh thủy...” (*Cổ một mâm, có trầu cau và nước trong. Chú thích của Nguyễn Hồng trong Sóng gằm*). Cháu vào bếp nướng mực khô. Đó là món anh thích. Tự tay anh pha chế thứ chấm mực khô: Muối, chanh và một thìa con mỡ nước. Anh rút từ trong làn ra mấy củ hành. Anh uống và nói với vợ tôi, chân tình như nói với một người em gái:

- Một trong những phát minh lớn nhất của nhân loại là phát minh ra men rượu. Uống đi chị Tấn ạ. Chị sẽ tìm thấy hạnh phúc trong rượu.

Một thời để mất

7.

Vĩ thanh

Tôi đã viết xong tập sách. Những kỷ niệm của tôi với Nguyễn Hồng. Kỷ niệm với các bạn tôi. Kỷ niệm về một thời đã mất. Với tôi thời nào cũng là thời để mất cả mà thôi Tôi đã cố nhớ lại. Và tôi biết mình quên rất nhiều. Có thể nói không ngoa: Tới 90 phần trăm. Cả ngọt ngào. Cả đắng cay.

Tôi đã đi cầu viện, hỏi lại, gọi lại trí nhớ bè bạn. Khi biết mục đích của tôi, tất cả đều hoan nghênh, khuyến khích và giúp đỡ tôi.

Tôi khám phá ra một điều chẳng mới mẻ gì nhưng với tôi thật là sâu sắc.

Tình cảm anh em văn nghệ Hải Phòng, nhất là anh em viết văn, làm thơ đối với Nguyễn Hồng sâu đậm thế. Anh sâu nặng với Hải Phòng. Hải Phòng sâu nặng với anh. Con trẻ dễ dàng nhận ra anh cảm đích thực của ai đó với nó.

Không thể lừa dối được trẻ thơ. Trong trường hợp này, Hải Phòng giống như con trẻ.

Các bạn tôi mỗi người đều có những kỷ vật về anh, cất giữ chúng như những tài sản quý giá. Một bức thư anh viết một mẫu giấy anh dặn dò công việc, một tờ lịch anh ghi chương trình công việc, tập sách với chữ đề tặng của anh...

Các bạn tôi đã kể cho tôi nghe nhiều chuyện về Nguyễn Hồng. Tôi cũng hiểu ngay rằng nếu các bạn có kể cho tôi những chuyện gì đó về anh thì

cũng chỉ là những chuyện loại B. Chu Văn Mười nửa đùa nửa thật nói lên cái điều tôi cho là ý nghĩ của số đông:

- Em không bán lúa non đâu.

Trừ một hai ngoại lệ, còn lại các miễn cưỡng “bán lúa non” và cũng nói thẳng ra điều ấy. Sự bủn xỉn keo kiệt nhưng đồng thời cũng là hào phóng tuyệt vời ấy một phần dành cho tôi, nhưng cái chính là vì Nguyên Hồng. Vậy là vàng ròng vẫn còn đang được cất giữ. Và sẽ được tung ra thị trường vào một lúc nào đó. Tôi tin một cách chắc chắn rằng sẽ còn nhiều truyện viết về Nguyên Hồng. Những truyện hay nhất về Nguyên Hồng còn chưa được viết ra.

Tuy nhiên cũng có người dốc hết cho tôi, cho tôi đến cạn lảng: Đoàn Min chẳng hạn. Và Nguyên Bình. Chẳng những Nguyên Bình cho tôi chi tiết, anh còn gọi lại nhiều điều, nhiều việc, nhiều chuyện tôi đã quên đi. Những chuyện, những việc ấy làm chúng tôi sống lại một thời, làm chúng tôi trẻ lại, kích thích tôi làm việc. Ngày ấy chúng tôi đã gắn bó với nhau, và bao giờ Nguyên Bình cũng mong tôi thành công. Thành công trong cuộc sống. Thành công trong sáng tác. Tôi vô cùng cảm ơn các anh Nguyễn Văn Chuông, Nguyễn Quang Thân, Thi Hoàng, Thanh Tùng, Thọ Vân, Phạm Ngà, Lưu Văn Khuê, Phùng Văn Ong, Phan Công Hiến, Vũ Hiến..., những người đã trực tiếp cho tôi tư liệu, đánh thức trí nhớ của tôi, khuyến khích tôi viết tập sách này, và tất nhiên tôi không thể quên hai anh Vương Trí Nhàn, Nguyễn Kiên, ngay từ đầu đã nhắc tôi: Hãy coi là nhiệm vụ của tôi đối với Nguyên Hồng và đối với chính tôi nữa.

Tôi đã đi về xóm Cắm, về Đông Khê, sang Hạ Lý, vào ngõ ông Đồng Lùn, ngõ ông Lý Phình, ngõ Sau Nhà Lốp. Đi một mình, không có anh đi cùng, không có Nguyên Hồng đi cùng. Tôi tìm lại hiệu cà phê điểm tâm Bác Học. Không nhận ra đâu nữa. Chỗ ấy tung bừng màu sắc của hàng hoá, của những biển hàng, những trung tâm, những dịch vụ... Tôi tìm đến danh thủ bóng đá một thời Nguyễn Danh Túc để hỏi về ông, một người đam mê bóng đá như Nguyên Hồng đam mê sáng tác và cho đến bây giờ tôi mới hiểu có sự gặp nhau ấy giữa hai người. Túc năm nay đã ngoài sáu mươi tuổi cho tôi biết ông Bác Học vừa mới qua đời nửa năm. Ông Học qua đời cũng rất nhanh. Hôm trước còn đi xem trận đấu giữa các lão tướng Hải Phòng với các lão tướng Hà Nội, về bị cảm, hôm sau chết. Ông đi giống như Nguyên Hồng đi. Nhanh quá. Nhanh đến ngỡ ngàng. Đức, Túc cùng các lão tướng khác khiêng quan tài ông. Vậy là một thế hệ đã ra đi, từ dương vô cùng thoát cái thành âm vô cùng như cách nói của Xuân Diệu. Cả Xuân Diệu sôi nổi tha thiết yêu nữa cũng đã âm vô cùng, đã thành những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ (thơ Vũ Đình Liên).

Một mình tôi thơ thẩn ở phố Nguyên Hồng.

Ngày xưa Nguyên Hồng dạy tôi yêu Hải Phòng qua các tên phố, nhưng có một tên phố Hải Phòng hải phòng hơn mọi tên phố khác mà Nguyên Hồng không biết. Đó là phố Nguyên Hồng. Sau khi anh mất, Hải Phòng có một đường phố mang tên anh. Phố Nguyên Hồng ngắn, có khoảng 60 số nhà, nối đại lộ Tôn Đức Thắng với phố Lán Bè, còn gọi là phố Bờ Sông... Ở đại lộ Tôn Đức Thắng có những cô gái bán hoa đêm tối đứng ven đường chào khách. Ở phố Lán Bè, phần lớn dân phố bán toàn bộ phiếu lương thực, thực phẩm, phiếu chất đốt, tem vải của cả năm, để lấy vốn làm ăn, buôn bán, sinh nhai. Ở phố Lán Bè có một người bạn nhỏ tuổi của tôi từ đây từ bé. Đó là Giăng... Sau khi ở tù ra, tôi và Giăng đã ngồi ở bờ sông bàn chuyện làm miến kiếm sống. Nhưng làm miến thất bại, Giăng lại đi đánh nghề (ăn cắp xe đạp). Lại tù...

Thành phố Hồ Chí Minh cũng có phố Nguyên Hồng, nhưng tôi chưa đặt chân tới đó.

Như vậy là sau khi chết đi, Nguyên Hồng đã biến thành hai dãy phố. Nguyên Hồng vẫn tiếp tục sống cuộc sống vỉa hè đường phố, bụi bặm, náo nhiệt, có cả bỉ vỏ và chạy vỏ, có cả cậu giáo, có cả hai nhà nghề, hàng cơm đêm...(tên những tác phẩm của Nguyên Hồng).

Chết đi rồi lại biến thành đường phố, sự tái sinh thật là kỳ diệu. Riêng ở Hải Phòng, phố Nguyên Hồng còn gần bờ sông. Nguyên - Hồng - phố có thể nghe thấy tiếng chân vịt tàu thủy đập nước ngược xuôi Hải Phòng - Nam Định như một thời nghe tiếng còi tàu Bạch Thái Bưởi, An Xương... Và vọng tiếng ru con ngày trước

Con ơi đừng khóc mẹ sầu

Cha con đốt lửa dưới tàu Giang Môn

Bao giờ con lớn con khôn

Thời con lại xuống Giang Môn con làm

(Trích Sóng gầm)

Cùng với việc đi tìm những gì của Nguyên Hồng còn trong thành phố, tôi đọc lại anh. Một lần nữa tôi tin rằng Những ngày thơ ấu là tác phẩm hay nhất của Nguyên Hồng.

Tôi viết về anh, cố gắng viết chân thực.

Tôi viết về Nguyên Hồng như tôi biết, như tôi thấy, không thêm bớt, không tô vẽ.

Còn nhiều tài liệu tôi phải để lại. Tập sách này không phải là tập hợp những mẩu chuyện, những giai thoại về Nguyên Hồng để có thể cứ thêm một cái tí là có thể viết thêm một đoạn.

Tôi trình bày nó như một thể thống nhất về một thời đã mất. Có những chuyện không phải chuyện Nguyên Hồng, đó chỉ là vì tôi muốn nói lên bối cảnh chúng tôi đang sống. Những ngày đã qua ấy thật tươi đẹp, thật đau khổ,

thật hạnh phúc và cũng thật bất hạnh ít ra đối với tôi và với một số người khác.

Có thể kể ở đây chuyến đi của các anh Phạm Ngà, Lưu Văn Khuê lên Yên Thế, tới nhà Nguyên Hồng như một cuộc hành hương về đất thánh. Các anh đã nhìn thấy tập bản thảo Bỉ vỏ viết tay, Nguyên Hồng ghi sau dòng cuối cùng hai chữ bằng mực tím Năm 1936 và thấy thời gian như ngưng đọng ở đây. Cùng với Nguyễn Vũ Giang, thứ nam của Nguyên Hồng, hai người đi bộ trên con đường mòn sỏi đỏ, dưới những cây bạch đàn mới trồng tới mộ nhà văn và vợ nhà văn. Hai ngôi mộ song song bên nhau nhìn xuống cánh đồng lúa xanh lúc này lại càng xanh vì cơn mưa vừa dứt, một con suối nhỏ ôm quanh, êm đềm chảy và một bầu trời nặng mây của vùng trung du nhấp nhô đồi núi. Những câu thơ ập đến với Phạm Ngà, bài thơ được hoàn thành gần như tức thời khi thấp hương xong trước mộ vợ chồng nhà văn, anh cùng Lưu Văn Khuê mỗi người một tâm tư, yên lặng.

Thấp hương trước mộ Nguyên Hồng
Chẳng ngờ trời nổi cơn mưa
Lại chẳng ngờ nữa trời vừa tạnh êm
Cung đường nửa xuống nửa lên
Nửa nơi cư ngụ, nửa miền hoang sơ
Khói dương sương lạnh mịt mờ
Đỏ au đồi đất, lơ thơ gió đồng
Ông bà kẻ giấc thong dong
Suối nông một dải ngập ngừng chảy trôi
Chắp tay ngoảnh bốn phương trời
Rượu suông nghiêng chén dâng người nằm đây
Đất trời cũng đảo điên say
Men nồng chưa ráo đã cay mắt mình
Bút lặn rướm máu nhân tình
Bao nhiêu thân kiếp u minh cõi lòng
Khóc người gang tấc vừa xong
Khóc than bao kẻ lạnh lùng bơ vơ...

Còn có thể kể thêm về nỗi ân hận của Thanh Tùng đối với Nguyên Hồng. Suốt lúc sinh thời, Nguyên Hồng toàn bao rượu Thanh Tùng. Thanh Tùng chưa bao giờ được mời Nguyên Hồng uống bằng rượu của mình, trừ một lần anh đã say lắm, mang chai rượu phong tê thấp xin của phòng khám bệnh đến Hội, kéo Nguyên Hồng đang ngồi với Nguyễn Văn Chuông lên gác.

- Hôm nay con uống bố...

Chuông cũng bị kéo lên. Thanh Tùng rót rượu và nói với Nguyên Hồng:

- Hôm nay con uống bố. Bố có công nhận con có tài ứng tác không?

Và Chuông đã thách Thanh Tùng đọc ngay bài thơ về cái bóng đèn điện

đang treo lủng lẳng trước mặt ba người.

Thanh Tùng đứng lên bật điện. Thanh Tùng mím môi, im lặng nhìn cái bóng đèn tròn 100 oát đang toả sáng. Như thôi miên. Rồi đọc. Nào là ánh sáng văn minh. Mặt trời đêm tối. Bài ca chiến thắng sau mỗi trận bom.

Trong bữa rượu, cả Nguyên Hồng và Nguyễn Văn Chuông đều công nhận tài ứng tác của Thanh Tùng. Tác giả Thời hoa đỏ còn nói với tôi rằng anh đang truy tìm lý lịch Tư Lập lơ, Năm Sài Gòn, Tám Bính, những nguyên mẫu ngoài đời mà Nguyên Hồng dựa vào đây để viết Bỉ vỏ. Anh nói “Tư Lập lơ thật” người Hải Dương mới chết ít lâu nay.

Nói vậy để hiểu rằng sau khi qua đời, Nguyên Hồng vẫn sống trong các anh em “trẻ” Hải Phòng như thế nào. Nguyễn Văn Chuông và Nguyên Bình thì lại cứ thích chuyện hải hước, những chuyện hải hước chỉ làm người ta thêm yêu Nguyên Hồng mà người nghe không còn biết thật hư thế nào nữa. Như chuyện bản thảo nở. Nguyên Hồng có mất một bản thảo nào đó. Bản thảo mất ấy lúc đầu chỉ dài 100 trang, ít ngày sau nó nở ra 200 trang. Rồi một hôm Chuông bảo với Nguyên Bình: nó nở ra tới 300 trang rồi! Tôi xếp những chuyện loại này (nhiều lắm, như chuyện Nguyên Hồng được một bì vỏ gọi lên xeousse-pousse càng đồng sáng loáng về một biệt thự ở phố Tây và sống ở đó suốt một tuần lễ trong nhung lụa, rượu và vòng tay người đẹp cho tới khi chồng thị, một tên quan tư đi kinh lý trở về) thuộc loại dị bản (có lẽ nên gọi là những giai thoại, bao gồm cả những chuyện hoàn toàn hư cấu (bịa đặt) được gán cho nhà văn), cần được xem xét thêm. Có thể cũng lại chỉ vì quá yêu Nguyên Hồng nên bạn bè nói thế về anh thôi.

Người bạn tù già trại Đồng Vải đã đoán sai về tôi: Tôi không bỏ nghề, không chuyển nghề, tuy một thời gian rất dài tôi tin lời đoán ấy và thực tế cũng chứng minh lời đoán ấy là đúng. Nhưng rồi tôi lại viết.

Đầu năm 1990, Nguyễn Quang Thân gặp tôi đâu là nhắc

- Bây giờ viết được rồi đây. Mà viết cái gì cho Cửa biển đi.

Bùi tai. Hăng lên. Tôi viết. Nhưng viết gì đây. Sau hơn hai mươi năm ngừng viết, lại trải qua quá nhiều chuyện thăng trầm, cái vốn của tôi không phải không có, không đến mức phải bịa đặt ra. Tôi đã nói với Hứa Văn Định vào cái lúc anh đang đưa Vũ Trọng Phụng lên màn ảnh nhỏ:

- Tao quan niệm văn chương trước hết là thông tin. Phải đưa những thông tin đến với bạn đọc. Văn nghệ trước đây không làm việc ấy, nên bây giờ mới tùm lum lên nhiều chuyện. Mới thấy cuộc đời chẳng có gì ỏn cả. Còn trong sách thì ỏn lắm. Tốt tốt. Xà và tốt tốt (thơ Lê Đạt).

Định trừng mắt:

- Sao mà lại nói văn học là thông tin?

- Tất nhiên là thông tin mang tính nghệ thuật.

Tôi nói vậy vì đối với tôi, nhu cầu thông tin quá lớn.

Tôi suy nghĩ về điều tôi sẽ viết theo đặt hàng của Nguyễn Quang Thân. Tôi nghĩ đến Nguyên Hồng. Tôi trở lại nghề viết bằng bài Nguyên Hồng thời đã mất. Tôi viết một mạch, gần như không phải nghĩ. Chỉ phải nghĩ khi bài báo đã viết xong: Liệu Chu Văn Mươi có in cho mình không?

May quá lần này Chu Văn Mươi đã in bài tôi viết ký tên thật của tôi trên tạp chí Cửa biển mà anh là tổng biên tập. Cũng lại tình cờ, trong số tạp chí ấy, ngay cạnh bài viết của tôi về Nguyên Hồng là bài Thư gửi về bên kia mộ của Dương Tường viết từ bên dòng sông Tiền nhân ngày giỗ Nguyễn Tuân, gửi bác Nguyễn, “Người làm vườn quốc ngữ tài hoa”, người đã viết nên “Những đàn chữ tươi mảy, căng mọng electron biểu năng, đôi khi thành những tiệc chữ tung bùng mà anh nắm được bí quyết tạo tác”.

Thế là đôi bạn hậu sinh bèo mây tan tác chúng tôi không ai bảo ai lại có mặt bên nhau, cùng tưởng nhớ đến bậc tiền bối đã khuất đang xum họp “bên kia mộ”.

Sinh thời Nguyên Hồng gọi tôi là Bùi Ngọc Tấn rất thương. Anh thương tôi vì những gì tôi đã ném trái. Anh thương tôi vì những gì tôi sắp ném trái, vì tôi không còn viết được nữa.

Anh Hồng ơi!

Hôm nay tôi lại được viết và viết được rồi.

Hãy bớt đi chữ rất trong tên tôi. Hãy gọi tôi là Bùi Ngọc Tấn thương thôi, anh nhé.

Tôi viết về anh trung thực, mong anh chứng giám.

Trời còn cho sống, cho viết, tôi luôn cố gắng là người trung thực.

17.10.1993 - 11.1.1994

Phụ lục 1

Lại chuyện Nguyên Hồng - Một thời đã mất

(Bài viết nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày mất Nguyên Hồng (1982-1992)- In trong tạp chí Cửa Biển).

- Lại mở cửa hiệu bán buôn bán lẻ Nguyên Hồng đây phải không?

Một anh bạn hỏi tôi như vậy khi thấy tôi loay hoay với những trang bản thảo dập dập xoá xoá viết về Nguyên Hồng. Nguyên Hồng quả như một vùng tài nguyên chưa cạn vẫn còn đang được khai thác và chưa thấy đâu là vĩa quặng cuối cùng. Người ta đã viết và in nhiều về anh (tôi cũng có một bài). Năm nay kỷ niệm tròn mười năm anh từ biệt thế giới này, lại một loạt bài nữa về anh. Bài nào cũng có những thông tin mới, cũng đậm tình người viết. Đó là điều đặc biệt đời dành cho anh. Không một ai - kể cả Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng - được như vậy. Người ta viết về anh như viết về một nhà văn lớn. Như viết về một người bạn. Như viết về cuộc đời của chính họ. Cuộc đời ấy là một tập đại thành chữ của Nguyên Hồng) của khát vọng, của lao

động khổ sai, của sáng khoái hưởng thụ, của sự nhọc nhằn lam lũ vất vả, của ý thức về sự cao sang nghề nghiệp, sự nhẹ dạ hồn nhiên trong cuộc sống, và vượt lên tất cả là lòng yêu đời, dù thế nào cũng cứ yêu tha thiết cuộc sống này. Anh là lương tâm văn học của lớp trẻ chúng tôi. Chưa bao giờ đời cảm dỗ nổi anh, biến anh thành một công chức văn nghệ.

Thế là đã mười năm Hải Phòng vắng bóng anh. Tôi nhớ lại mùa hè năm 1982 đó. Tôi đang làm ở xí nghiệp đánh cá. Một xí nghiệp có đối tượng lao động là biển cả. Người ta đi biển hàng tháng, hàng năm mới trở về. Người ta vật lộn với bão, với gió mùa, với biển động, với những sự cố và những tai nạn. Người ta làm việc không kể ngày đêm. Thèm một ngọn rau xanh. Nhớ vợ con. Nhớ người yêu Nhớ cây. Nhớ tiếng còi ô tô. Nhớ đất ẩm. Và uống rượu. Ai cũng uống. Uống nhiều cho quên đi tất cả. Bởi vậy người ta ít quan tâm đến mọi chuyện. Nhiều người còn lẫn lộn tên và chức vụ của những vị rường cột nhà nước. Nhưng tin Nguyên Hồng qua đời ai cũng biết. Ai cũng biết đất nước vừa mất đi một nhà văn lớn dù có người chưa đọc anh một dòng nào.

Tin dữ đến với tôi quá bất ngờ. Tôi đã tưởng không còn chuyện gì là bất ngờ đối với tôi được nữa và đã tự bảo chuyện gì cũng có thể xảy ra. Thế mà tôi vẫn choáng. Vẫn phải cố gắng lắm mới quen với ý nghĩ từ nay không được gặp anh nữa, anh đã đi vào hư vô. Ba năm sau cảm giác ấy lại đến với tôi khi cha tôi qua đời cũng đột ngột như vậy. Cũng như với Nguyên Hồng, tôi nghĩ cha tôi còn có thể sống khoẻ mạnh mười năm nữa. Khi thể hệ cha anh mình mất đi, mình bỗng thấy trơ trọi. Không còn nữa cái tuyến một vẫn đứng chắn giữa mình với vô cùng, che chở cho mình bình yên sống. Mình không an toàn nữa. Mình bỗng biến thành tuyến đầu. Từ nay mình bị phơi ra trước hòng súng bắn tía của Thần Chết.

Bên cạnh nỗi xót thương, tôi quen dần những cuộc trò chuyện tay đôi với kết cục tất yếu sẽ đến cùng mỗi chúng ta và tôi hiểu rằng được chết như anh, như cha tôi là vô cùng sung sướng. Chết mà không biết rằng mình đã chết. Chết mà vẫn chuẩn bị cho những việc phải làm, vẫn bận bịu với công việc và hình như đến bây giờ vẫn tưởng mình còn đang làm việc. Tôi muốn lên Yên Thế - một vùng đất tôi sống nhiều năm trong thời chống Pháp - vĩnh biệt anh lần cuối. Nhưng với văn chương, tôi đã là người ngoài cuộc. Tôi đã bị văng ra ngoài quỹ đạo. Tôi đành ở lại thành phố Hải Phòng, nơi chính tôi đã cùng Nguyên Bình đưa mẹ anh từ Đông Khê ra ô tô để bà lên Yên Thế. Tôi nhớ đến căn nhà đơn sơ của bà ở Đông Khê, nơi anh viết Bỉ vỏ, Những ngày thơ ấu. Tôi nhớ đến bà, đến dáng người, vẻ mặt bà.

Bà rất giống anh. Chẳng riêng ngoại hình mà còn ở những điều dễ nhận thấy trong tính cách: sự chịu đựng và lòng đôn hậu.

Thực ra trong những năm cuối đời, Nguyên Hồng ít lại nhà tôi. Anh đến tôi chỉ để được yên tĩnh. Nằm trên giường, đọc, hoặc uống rượu.

Trước đây nơi ở chính của anh khi anh về Hải Phòng là nhà tôi. Giờ đây anh đã có một chỗ trong trụ sở Hội văn nghệ Hải Phòng. Và hình như cả một căn buồng ở Cầu Tre thành phố phân cho anh.

Anh đến nhà tôi và nằm xoài xuống sàn nhưng tôi vẫn tinh ý thấy anh nhìn rất nhanh vào đám chai lọ ở gầm giường.

Tôi biết anh đang thèm rượu. Rất ít khi anh bị thất vọng. Tôi có thể moi ra ở đám chai lọ ấy khi nửa chai Lúa Mới, khi một xị rượu gừng hay một cút cóc lủi. Lúc thì thứ rượu cà phê thắm màu. Sau vụ tai nạn của tôi, vợ tôi, một nữ sinh kháng chiến, rất chăm chỉ hương khói.

Nguyên Hồng là người được hưởng lộc nhiều nhất. Anh không khát khe chọn rượu. Anh đã uống cả rượu cà phê, thứ rượu trước đây anh cho là đã man, bởi vì theo anh, cà phê làm giã rượu. Uống rượu cà phê có nghĩa là được uống nhưng không bao giờ được thoả mãn. Đó chính là tra tấn. Vậy là anh đã quen với sự tra tấn ấy.

Thời gian anh đi Liên xô về, tôi hỏi anh rượu bên ấy loại nào ngon. Anh thì thâm vào tai tôi như sợ có người nghe thấy điều bí mật phạm pháp, vì nó phủ nhận quốc doanh trên quy mô lớn:

- Cũng như ta thôi. Ngon nhất là, là vốt-ca lệu!

Rồi cười. Cười như một người khám phá công bố kết quả bất ngờ. Cười như một người táo tợn dám nói lên chân lý. Cười như đã tìm ra đặc điểm chung nhất của nhân loại. Cười như một trò tình nghịch. Đó là lúc anh thật sự thơ trẻ lại.

Nhìn Nguyên Hồng uống rượu bao giờ tôi cũng vui. Hơn thế, một cảm giác kính cẩn, gần như một nghi thức tôn giáo.

Từ Cô Tô về, đen nhẻm, anh kể về bữa rượu ngoài đảo do chính quyền sở tại chiêu đãi anh em văn nghệ sĩ. Hải sản. Tất nhiên. Lại cả thịt dê. Và rượu. Và cũng tất nhiên là Nguyên Hồng ngồi cùng mâm với Nguyễn Tuân. Một thứ rượu tằm chính hiệu. Hai người tận hưởng ngọn lửa được thắp lên ở họng và lan vào cơ thể. Anh em văn nghệ sĩ trẻ ngồi cùng mâm và khác mâm ăn như đã bị bỏ đói mấy ngày. Vì không khí trên đảo. Vì sự chuyển dịch. Vì những món ăn ngon lạ miệng. Vì biển ngay bên cạnh. Vì chẳng mấy khi tụ họp đông vui thế... “Họ ăn hơi phũ”. Nguyên Hồng nói vậy. Thực ra họ ăn phũ. Ngon miệng, vô tâm, ồn ào, háu đói.

Mặc. Hai ông già cứ “nâng lên đặt xuống”. Cứ đối ẩm. Cứ ngâm nga. Như chỉ có hai người. Khi hai ông ngừng uống để ăn cơm, các món ăn chỉ còn lại xương. Thấy mỗi người chỉ và một lưng cơm như kiểu ăn chiếu lệ, một bạn trẻ cùng đi lễ phép hỏi:

- Hai bác ăn ít thế ạ?

Nguyên Hồng im lặng vì biết thế nào Nguyễn Tuân cũng... trả lời. Anh không nhầm. Tác giả Sông Đà, Vang bóng một thời nhìn cái bụng căng tròn của anh bạn trẻ, đáp với giọng thương hại:

- Sao anh chậm hiểu thế. Các anh ăn gạo. Còn chúng tôi ăn tinh của gạo. Lại cười dòn. Nguyên Hồng quả là người mau nước mắt. Khi cười cũng lấy khăn mùi soa lau mắt. Dịp quốc khánh năm ấy, anh thi đua xí nghiệp đánh cá (nơi tôi sẽ đến làm thi đua khi ở tù ra) mua cho tôi mười ki lô cá mực theo giá cung cấp. Nghĩa là “bán như cho” và “mua như vớ được”. Chưa bao giờ tôi có trong tay một khối lượng thực phẩm quý giá, không lồ như vậy. Khi đó tôi vẫn đang làm báo. Sau khi đã vội bớt cho vài người bạn thân, chúng tôi giã chả. Hai vợ chồng thay phiên nhau giã, rán. Và phải gương mẫu ăn nữa vì cũng chỉ có hai chúng tôi. Các cháu đã về quê với bố mẹ tôi. Suốt một ngày ăn chả mực, tới tối vẫn còn một đĩa men đầy. Giống này rất chóng thiu. Đang lo vì sắp phải mở toà án lương tâm tự đưa mình ta xét xử về tội tham lam dẫn tới sự lãng phí không thể tha thứ được thì Nguyên Hồng đến. Thấy anh và cái làn rỗng rỗng lưng cũng chai lọ hiện ra ở hành lang, chúng tôi cùng reo lên.

Anh ngạc nhiên:

- Có chuyện gì mà vui thế?

Đó là một đêm thu. Trời đẹp. Gió tới tấp. Mà cửa sổ nhà tôi thì rộng, lại trông thẳng ra biển. Bóng điện tròn treo giữa nhà bị gió đánh đung đưa. Nguyên Hồng rút từ trong làn ra một gói chè Ba Đình và hai gói thuốc Tam Đảo tiêu chuẩn phân phối của anh. Quà anh mang từ Hà Nội về tặng tôi ngày Quốc khánh.

Nhìn đĩa chả mực vàng ruộm vợ tôi vừa rán lại, Nguyên Hồng xuýt xoa. Chúng tôi ngồi uống rượu.

Nguyên Hồng nói với vợ tôi:

- Chị Bích ạ. Chả mực phải rán nhỏ nữa. Bằng ngón chân cái thôi. Rán ngập mỡ. Như mấy bà bán ở chợ ấy.

Thế là anh kể về những hàng quà rong. Cái thú khi ngồi ăn ở vỉa hè, công chợ. Vừa ngon. Vừa rẻ. Vừa được nhìn, được nghe. Biết bao nhiêu chuyện. Như cái hôm anh ăn bên Hạ Lý. Giời rét đại hàn chỉ cực. Anh thanh niên ngồi cạnh anh quần áo phong phanh lại chỉ ăn bún chấm mắm tôm, vừa ăn vừa run lập cập khiến chính Nguyên Hồng cũng run lên. Lại như cái hôm anh ngồi uống rượu ở hàng bà bán bún ngoài cổng chợ Lạc Viên. Ngồi ghé đối diện với anh là một phụ nữ, chắc là làm bốc vác Cảng. Giày vải, quần áo bảo hộ lao động xanh rộng thùng, lấm bẩn. Rõ ràng vừa tan ca về. Người ấy lẳng lặng ăn như anh lẳng lặng uống. Ăn xong khen bún ngon và lấy trong túi xách ra cái cặp lồng đựng một bát mua thêm. Lấy cả chanh ớt, chiu chương. Thêm một ít hành dúng. Đùng cho hành dúng vào bún. Cứ để ngăn

trên chỗ chanh ớt. Rồi chỉ vào cái tỏi gà: Chặt cho tôi cái tỏi này. Con gà hôm nay béo, mềm. Gói riêng ra hộ tôi. Cả lá chanh nữa. Cho vào cặp lồng, cho gói thịt vào túi xách. Tưởng xong. Lại rút từ túi ra một con hươu. Cho tôi một cút vào đây. Lúc ấy mới trả tiền. Xách túi đứng lên còn quay lại giải thích với Nguyên Hồng đang cố làm ra không để ý gì đến mọi việc chung quanh:

- Cho ông lão ở nhà.

Và đơn đả ra đi.

Nguyên Hồng xuýt xoa không một chút hài hước:

- Lấy được một người vợ như vậy thật đại hạnh phúc!

Chúng tôi cùng cười. Hình như anh muốn tin đây là Gái Đen, là mẹ La của anh. Anh muốn tin rằng đó là những người trong Cửa biển của anh đã đổi đời cũng với cách mạng, đang sống hạnh phúc trong cuộc sống mới.

Chúng tôi uống lâu. Tới lúc đài phát thanh kết thúc bản tin và bắt đầu chương trình văn nghệ- tiết mục Tiếng thơ. Mười giờ đêm rồi. Cái loa nón Ngã Sáu vọng vào giọng ca thơ lạnh lạnh của ai đó đang hát bài thơ chưa in (như giới thiệu của đài Tiếng nói Việt Nam) của Tố Hữu, bài Nhật ký đường về. Đúng là inédite vì tới sáng hôm sau, mừng hai tháng chín báo Nhân Dân in bài thơ ấy mới phát hành.

Hay tin giặc bắn Hòn Mê

Đêm nằm nghe biển gọi về quê hương

Sáng ra cất cánh lên đường

Xôn xao sóng nước đại dương muốn trùng.

Cu Ba chào bạn anh hùng

Cũng giống tôi, Nguyên Hồng không thích ngâm thơ. Ghét nữa. Giọng véo von trầm bổng làm mất âm điệu của ngôn ngữ. Nó giết chết nhạc của thơ.

Nó có thể tạo nên một lớp công chúng không biết gì về chất nhạc này.

Nguyên Hồng không gọi là ngâm thơ. Anh gọi là hát thơ. Và anh cho biết thủ phạm của ngành nghệ thuật này chính là hai nhà thơ Hoàng Cầm, Xuân Diệu. Nguyên Hồng ghé sát tai tôi, tinh nghịch:

- Lại có những vị lên ngâm thơ cứ ưỡn bụng ra mà chẳng có gì là gọi tình cả.

Chúng tôi lại cười. Trần ngập không gian là tiếng đàn thập lục thánh thót, tiếng sáo lúc vút lên như tiếng chim chiến chiến, lúc là là như trôi sát mặt sông và giọng ngâm điệu luyện:

Sáng rồi rộn rã trong tim

Đường về phôi phới cánh chim tung hoành

Cờ bay Vạn lý trường thành

Bắc Kinh tay chị tay anh triệu vòng

Tôi bảo Nguyên Hồng:

- Cừ Long giang ta ơi của anh cũng được hát trên đài đấy. Tôi nghe mấy

lần rồi.

Anh làm ra bộ thiếu não, lắc đầu, kiêu như muốn nói: “Phải chịu thôi. Phải đầu hàng thôi. Không còn cách nào khác”.

Chúng tôi lại nói chuyện thơ. Nguyên Hồng là tác giả những bài thơ có thể làm bất kỳ nhà thơ nào ghen tỵ.

Một bài thơ của anh ít được nhắc tới, nhưng tôi chỉ nghe một lần đã thuộc. Và nó cứ nằm lý trong trí nhớ ngày một tồi một suy giảm của tôi. Đó là bài “Hồng Hà, tên con, dòng sông yêu dấu”.

Hồng Hà

Ngẩng trán lên

Cha hôn

Nước sa đã về

Vải thiều đã đỏ.

Bãi ngô ngả rạp

Gió Tây cháy vàng đồng lúa

Mây đen Tam Đảo gọi gió chiều hôm

Lô, Thao thác réo ghềnh sôi

Biển Đông chớp nhói lửa chài chông chênh.

Mẹ đẻ con

Mùa ấy

Tên con tìm đặt

Ngay khi thai nghén

Vú nhỏ nổi gai

Bụng nhỏ căng tròn

Mặt vầng vát những buổi chiều nhớ sót

Trong thịt xương một xương thịt mang hồn

(.)

Còn đây là Cửu Long giang ta ơi đã đi vào cổ điển:

() Mê không chảy

Cây lao đá đỏ

Lan hoang đưa mật thông nhựa lên hương

Những trưa hè gun ngút nắng Trường Sơn.

Ngẫm nghĩ vui đi

Thác Khôn cười trắng xóa

Rừng Lào - Miên rộng quá

Dân Lào - Miên mến yêu

Hai bài thơ anh viết về hai con sông lớn nhất đất nước, một ở miền Nam, một ở miền Bắc, bồi đắp thành hai châu thổ lớn, “thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa”.

Trong thơ Nguyên Hồng không có chỗ cho sự trung bình của tình cảm, lại

càng không có chỗ cho sự uốn éo, làm duyên.

Đêm ấy chúng tôi thức khuya. Một tối thật vui.

Nguyên Hồng ngủ lại nhà tôi. Vợ tôi đẹp lắm. Tôi lấy khăn mặt đưa anh lau tay, lau miệng. Nhưng anh cho tay vào làn, lục tìm, lôi từ đồng hồ mang ấy ra một cái khăn mặt màu nước dưa và thân mật vỗ vai tôi, phổ biến cho tôi một chân lý mới mẻ, vĩnh hằng:

- Người ta có thể uống chung một chén rượu. Nhưng không thể dùng chung một cái khăn mặt!

Khi tôi bị văng ra ngoài quỹ đạo, Nguyên Hồng thừa lại nhà tôi. Ngoài những lý do về nhà cửa, nơi ở của anh đã có còn một lý do khác nữa. Anh không thể nói chuyện văn chương với tôi, mà đây lại là nội dung chính trong cuộc sống của anh. Mọi con đường đều dẫn tới thành Rô-ma. Dù có nói chuyện gì cuối cùng cũng dẫn tới chuyện sáng tác, cũng dính dáng tới công việc của anh, tới các bạn tôi đang viết, đang in.

Cuối năm 1974, nghĩa là khi tôi ở tù ra được một năm và đang làm bốc vác, Nguyên Hồng lại nhà tôi. Đó là một tối mùa đông. Ngồi trên chiếc chiếu giải giữa nhà, đúng chỗ tôi và anh uống rượu với chả mực năm nào, anh lục trong cặp (lần này là cặp, không phải cái làn đựng các thứ hỗn mang nữa) rút ra một tập sách anh mới in. Một tuổi thơ văn. Anh lấy bút ghi tặng tôi, vẫn bằng thứ chữ to anh chuyên đề tặng trên các tập sách: Cho Bùi Ngọc Tấn rất thương. Mùa đông nhớ năm xưa. Nguyên Hồng.

Đưa tập sách cho tôi, thật bất ngờ, anh oà khóc. Đó là những giọt nước mắt mặn xót cả lòng tôi. Tập sách đầu tiên anh tặng tôi khi tôi trở lại cuộc sống con người. Cầm tập sách tôi nguôi đi tất cả những hờn giận về anh, về những xa cách đã có giữa chúng tôi. "... rất thương. Mùa Đông nhớ năm xưa". Anh vẫn nhớ những năm xưa. Không quên.

Đó là tất cả những gì có thể làm được cho tôi. Thế cũng đã là nhiều lắm.

Hơn một lần anh chảy nước mắt về những đau khổ của tôi. Nhưng chỉ ba lần anh khóc nhiều như vậy. Lần đầu tiên: Gặp lại tôi sau 5 năm tù. Lần thứ hai khi tôi cho anh xem bộ quần áo số của tôi. Và lần này. Anh sợ quyền sách của anh sẽ làm tôi đau. Vì tôi đã bị văng ra ngoài quỹ đạo.

Nguyên Hồng vẫn tránh mọi chuyện văn chương với tôi ấy thế mà có một lần vừa đến nhà, anh đã lôi ra một tạp chí nước ngoài. Anh lật tìm trang. Và đặt trước mặt tôi quyển tạp chí để mở. Tôi nhìn tấm hình in trên tạp chí và lại nhìn anh. Đúng là anh. Nhưng tôi kêu lên:

- Giống Đề Thám quá?

Thật là một phát hiện bất ngờ. Eureka!

Tạp chí giới thiệu Nguyên Hồng và in ảnh của anh. Khuôn mặt. Chòm râu.

Chỉ thiếu vành khăn trên đầu là thành Hoàng Hoa Thám.

Anh ngắm lại tấm ảnh:

- Mình không biết họ chụp mình lúc nào. Đúng là Đề Thám.

Khi đó anh đang viết Núi rừng Yên Thế, anh “vẫn khoẻ vì cần phải khoẻ” như thư anh viết cho tôi ngày trước.

Khi đó anh đã dạy con gái anh cách bán mèo ở chợ Yên Thế để lấy tiền mua sách bút vào năm học mới.

- Con cứ cầm gậy nó giơ lên thế này này. Chân nó chụm lại thế này là mèo hay chuột đấy. Cứ bảo người ta là mèo nhà cháu hay chuột lắm..

Chờ đến gần trưa, chưa thấy con gái về, Nguyên Hồng ra chợ. Chợ đã vắng.

Con bé con và con mèo con vẫn còn ngồi đó. Thấy anh, con bé oà lên khóc

- Con đã làm như thầy bảo, nhưng người ta không mua. Người ta bảo mèo nhà mình là mèo đực.

Còn một chuyện nữa về Nguyên Hồng, tôi cứ suy nghĩ mãi: Nên viết hay chỉ lưu giữ trong bộ nhớ. Đó là cuộc gặp giữa Giăng và Nguyên Hồng ở nhà tôi. Giăng là con liệt sĩ. Bố Giăng hy sinh từ những năm đầu chống Pháp. Mẹ đi lấy chồng. Giăng trở thành trẻ bụi. Móc túi. Đánh nhau. Ăn cắp xe đạp. Đi tù.

Khi tôi và Nguyên Hồng đang uống rượu thì Giăng đến. Không cần giới thiệu, Giăng cũng biết ngay là Nguyên Hồng. Có lẽ hỏi ở trong tù tôi đã tả về anh quá nhiều, nên vừa gặp, Giăng đã nhận ra anh. Tôi bảo Giăng ngồi xuống mâm. Thức nhắm với Nguyên Hồng bao giờ cũng đơn giản. Bữa ấy chỉ có ít lạc rang. Tôi nói cho Nguyên Hồng biết đôi chút về cuộc đời Giăng. Giăng rụt dè:

- Cháu đã đọc Bỉ vỏ. Chúng cháu thích lắm...

Đó là những điều quá nhàm, nhà văn chỉ mỉm cười độ lượng. Nhưng câu nói tiếp theo của Giăng thật bất ngờ:

- Sao bác không viết những chuyện như thế nữa. Những chuyện xảy ra bây giờ cơ. Nhiều chuyện lắm. Chúng cháu sẽ kể cho bác. Bác viết thì hay lắm...

Nguyên Hồng im lặng. Giăng nhìn anh chờ câu trả lời.

Tôi bỗng nhớ đến một câu chuyện Nguyên Hồng kể cho tôi lâu lắm rồi, từ trước khi tôi bị bắt. Một cô gái tuổi đôi mươi nói với Nguyên Hồng đầy tự tin:

- Tôi có cuộc sống. Anh có tay nghề. Chúng ta sẽ cộng tác viết một tác phẩm...

Tôi đã cười mãi về sự tự tin đến mức ngây ngô của người con gái ấy, người đã khoe cuộc sống với cả Nguyên Hồng. Giờ đây tôi mới hiểu cô. Đến bây giờ tôi mới biết có những Tám Bính, Năm Sài Gòn mới đang đòi có những nhà văn của mình.

Tôi nhớ sự đăm chiêu của Nguyên Hồng trước câu hỏi của Giăng. Tôi nhớ anh đã tránh cái nhìn lễ phép, chờ đợi của Giăng. Tôi nhớ vẻ sợ sệt của

Giăng vì đã làm anh buồn.

Cũng như tôi nhớ trong một lần khác, lại nhà tôi, anh phe phẩy cái quạt giấy tùy thân. (Anh không thích dùng quạt máy dù tôi đã ưu tiên cái quạt cóc duy nhất cho anh). Nằm trên giường, anh đọc. Bỗng anh nhồm dậy gọi tôi với vẻ đầy sáng khoái:

- Tân ơi! Làm gì đấy. Nghe đã nhé. Đây là câu kết một vở kịch Ba Lan.

Nhân vật chính quay ra nói với khán giả: “Các bạn có biết vì sao người ta nói dối không? Có hai lý do. Thứ nhất: Người ta sợ nói khác mọi người. Thứ hai: Người ta mệt quá rồi”.

Ngã Sáu 18 - 20.5.1992

Nguồn: Nguyễn Học (Mỗ Hà Nội)

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 25/09/2006 11:28:19 SA

Một thời để mất

Phụ lục 2:

Đằng sau những bức thư

Ba bức thư của Vương Trì Nhân.

Bức thứ nhất:

Hà Nội ngày 28 tháng 5 năm 1994

Kính gửi anh Bùi Ngọc Tấn

Vừa rồi tôi có gặp anh Lê Bầu. Anh ấy nhắc tôi là lo hộ cuốn sách của Bùi Ngọc Tấn. Tôi phải nói ngay là mọi chuyện đang trong giai đoạn chuẩn bị, và chúng tôi những người biên tập phải tìm được cơ hội tốt nhất để cho sách ra đời. Bởi vậy có một số điểm cũng phải có mẹo mực một chút mới ra được. Xin nói để anh Tấn thông cảm:

- Tôi không dám khoe với ai về tập sách này, cuốn Một thời để mất của anh, vì khoe lắm chỉ gây tò mò, gây chú ý, thậm chí là trở thành một áp lực không có lợi.

- Cứ nên coi đây là quyển sách bình thường, bọn tôi lo làm biên tập rồi lo duyệt, tiếp đó lo “đầu ra”, tức là xem có “đầu nậu” nào (cả nhà nước lẫn tư nhân) nhận in thì kết hợp in cho tiện.

- Trong quá trình biên tập tôi lo chỉnh lại một số việc vặt như viết hoa tên

người tên đất, hoặc các trích dẫn chú thích có chính xác không (việc này mong anh tin ở tôi). Gọi là việc vặt song cũng rất cần, nghề nghiệp của người biên tập buộc phải lo như vậy.

Thế còn vấn đề chính là nội dung của cuốn sách?

Những mong có dịp nói trực tiếp với anh, chứ viết thư không phải bao giờ cũng nói hết được ý mình. Như thư trước đã nói với anh: Tôi đã gợi ý để anh viết, không bao giờ tôi quên điều đó. Tôi sẽ cố gắng lo cho nó như lo cho sách của mình. Chắc anh cũng tin là tôi hiểu tâm huyết của anh khi viết. Tôi sẽ bàn với anh Kiên giữ được quyền sách như hình thù hiện nay. Nếu chỗ nào có phải cắt bớt, chúng tôi cũng đau như chính anh vậy. Còn nêu có gì phải chữa, bọn tôi sẽ báo để anh làm chứ không tự tiện đâu.

Đây về lý mọi chuyện tóm tắt là như thế.

Còn về tình cảm, quả thật, tôi đọc thấy rất cảm động. Trước đây chưa đọc cái gì đáng hoàng của anh ngoài hai bài anh viết về Nguyên Hồng in trên Cửa Biển.

Nhưng tôi thấy không có gì phải hối hận về việc đã “xui đại” anh. Qua hồi tưởng về Nguyên Hồng, anh đã kể về đời mình về thể hệ mình, kể một cách tương đối phải chăng, không bức bối hờn dỗi mà cũng không dạy khôn mọi người, nên nói chung là “nghe được”.

Khi Cát bụi chân ai in ra (cũng do tôi là người biên tập) nhiều anh em đọc xong cứ thấy buồn buồn: Chuyện của Tô Hoài cũng là chuyện mình chứng kiến mà sao mình không kể được như Tô Hoài.

Tôi tin rằng khi cuốn hồi ký của anh in ra, cũng sẽ có người nghĩ vậy Nói thật với anh, trước mắt tôi chưa tin là chúng ta có một nền văn học lớn ở những cái chúng ta làm ra, yếu tố sáng tạo còn thô sơ nhạt nhẽo lắm.

Nhưng tôi tin chúng ta đã sống những năm tháng đáng ghi nhớ, kinh khủng ghê sợ nhưng cũng đẹp kỳ lạ, đúng với những gì mà kiếp người có thể có. Nói cách khác Tôi không tin lắm ở tiểu thuyết. Có thể có cuốn nọ cuốn kia đọc được, một, hai tác giả đọc được. Nhưng toàn bộ nền tiểu thuyết tôi không tin lắm.

Ngược lại, tôi tin ở hồi ký: Nếu anh em ta bảo nhau viết và biết cách viết thì chúng ta có thể có những hồi ký khá khá.

Tôi chưa được đọc tiểu thuyết của anh. Nhưng cuốn hồi ký này tôi nghĩ nên in ra để những anh em khác cũng có dịp nghĩ về đời mình và viết ra những cuốn hồi ký khác.

Viết được như thế là đáng sống rồi.

Tôi xin dừng bút và chúc anh Tấn cùng gia đình vui khỏe.

Có gì mới tôi sẽ báo cho anh biết ngay.

Kính

Vương Trí Nhàn.

Tái bút: Theo tôi nên đưa hai chữ Nguyên Hồng vào đầu đề Nguyên Hồng và Một thời để mất. Nếu anh không đồng ý xin báo cho tôi biết ngay. Còn nếu đồng ý không cần báo cũng được.

Bức thư hai:

Hà Nội ngày 17 tháng 4 năm 1995

Kính gửi anh Tấn.

Tôi ngần ngại mãi, nghĩ là cứ viết thư thẳng cho anh có lẽ hay hơn. Vẫn là chung quanh câu chuyện bản thảo Một thời để mất của anh thôi. Tôi nghĩ là mình có trách nhiệm trong việc này, tôi đã gợi ý để anh viết. Tôi xót xa cho nó, như xót xa cho những gì tự tôi viết ra. Do vậy cứ thấy gờn gợn trước quyết định của mấy anh trong Ban giám đốc chúng tôi, là tước bỏ tốt cả những gì “râu ria” đi (những gì liên quan đến chính Bùi Ngọc Tấn và đám bạn bè) mà chỉ giữ lại những gì liên quan đến Nguyên Hồng thôi. Có thể sách viết ra hôm nay có phần hơi tản mạn, và cái phần lam lũ cay đắng trong nghề của các anh hôm nay viết ra chưa tiện (thậm chí, xin phép được nói thẳng: có thể ai đó nghĩ Bùi Ngọc Tấn chưa phải là người. có quyền và cần chia sẻ với bạn đọc và đồng nghiệp những vui buồn của đời mình như thế). Nhưng đã vậy thì nên để quyền sách lại. Chứ tước bỏ đi cái phần “râu ria” ấy, chỉ giữ phần Nguyên Hồng thôi, thì tức là làm nánh hấn quyền sách, làm nó mất đi sự thống nhất nội tại và tôi nghĩ là cái phần tâm huyết anh đặt vào đó cũng mất đi cơ hội bộc lộ.

Anh Tấn ơi! Tôi viết những dòng này với anh là với tư cách một đồng nghiệp, chứ không phải một biên tập viên nhà xuất bản. Chức năng biên tập viên là làm sao lo để nhà xuất bản có sách in ra và không bị tai nạn. Nếu anh đồng ý cắt phần “râu ria “ và chỉ để lại phần Nguyên Hồng thì dù hơi ngại làm cái công việc là cắt bỏ phần nửa tác phẩm, tôi vẫn làm được thôi. Nhưng anh Tấn ạ, với tư cách một người yêu mến và thích viết về đời sống của những người cầm bút, tôi nghĩ như trên, tức là đừng cắt gì cả. Nếu anh đồng ý với tôi, nghĩa là anh phải tạm gác tác phẩm lại, để đấy, để một dịp khác sẽ in, hoặc tìm một nhà xuất bản khác để in. Tôi không chắc là mình có thể giúp gì được anh trong cái công việc liên hệ để in ấy.

Nhưng ta cứ dúi găng đợi, anh Tấn ạ. Tôi chờ thư của anh, và các biện pháp đề nghị của anh.

Kính

Vương Trì Nhân.

Bức thư thứ ba:

Hà Nội ngày 20 tháng 5 năm 1995

Thân gửi anh Tấn

Chờ mãi không thấy thư anh lên, nhưng thôi tôi đã có thể viết lá thư này để xoá sổ lá thư trước:

Rút cuộc là bản thảo đã giải quyết xong anh Tấn ạ.

Số là theo tôi biết, tiểu thuyết của anh vẫn còn đang treo đó. Bởi vậy, anh Kiên, anh Phú chỉ thị cho tôi là cố gắng đưa đưa tập hồi ký này của anh ra. Tôi chủ yếu làm công việc tước bỏ cho gọn sách lại. Bỏ hết những chi tiết liên quan đến nhà xuất bản chúng tôi (tôi và anh Kiên), tuy vẫn giữ được những câu có tính chất vào truyện của anh (đoạn lên Hà Nội).

Tước bỏ những chi tiết đùa tếu gọi là tự nhiên chủ nghĩa kiểu như đôi tát của anh Tất Vinh, hoặc Vũ Tín đi mua thịt v.v...

Như tôi đã viết trong thư trước, nêu các anh ở Ban giám đốc yêu cầu bỏ hết những gì liên quan đến lớp người cầm bút như anh, Vũ Thư Hiên, Vũ Bảo, Dương Tường... thì tôi khuyên anh để sách lại đừng in.

Nhưng nay các anh không quyết liệt đến quá thế nữa, và hai bên (tôi, coi như đại diện của anh + ban phụ trách đã tìm được chỗ thỏa hiệp). Bản thảo đã duyệt xong, chỉ còn vài việc vặt nữa rồi chuyển sách sang khâu in.

Xong việc này tôi cũng thấy nhẹ cả người, anh Tấn ạ, vì dầu sao tôi cũng “đầu têu ra nó, sách mà không ra được hoặc ra mà méo mó mảy mặt thì tôi cũng buồn.

Mong anh tin ở tôi, tin ở cảm giác về một cuốn sách của tôi..

Lần này chắc anh không im lặng nữa mà viết thư cho tôi chứ?

À, vừa rồi tôi thấy có một mẫu đăng ở báo Người Hà Nội, trích từ cuốn sách này ra. Nói chung là tôi hoan nghênh, anh bán được thêm cho báo nào cứ bán. Như Tiền Phong chẳng hạn, họ rất thích loại này. Nếu anh chưa quen họ, xin viết thư cho tôi biết và uỷ nhiệm cho tôi làm việc này. Chỉ cuối cùng anh đừng đưa bản thảo cho nhà xuất bản nào khác là được.

Chúc anh khoẻ.

Vương Trí Nhàn

Thư của Nguyễn Kiên giám đốc nhà xuất bản Hội Nhà văn (khi đó):

Hà Nội ngày tháng 7 năm 1995

Thân gửi Bùi Ngọc Tấn

Mình đi công tác vắng ít hôm, về nhà nhận được thư Tấn, như vậy là hơi muộn. Về Một thời đề mất, Vương Trí Nhàn đã trao đổi với Tấn. Bọn mình muốn in tập sách này vì những tư liệu ở trong đó rất nên được công bố đã đành, ngoài ra còn vì những kỷ niệm bạn bè giữa chúng ta. Một số chỗ Vương Trí Nhàn cắt bớt là để cho nó gọn hơn. Mong Tấn thông cảm với bọn mình. Mình đã nói lại (nhân tiện đưa luôn cả thư Tấn viết cho mình) những điều Tấn muốn qua mình nói với Ngô Văn Phú. Cũng là cái tình đồng nghiệp với nhau.

Tình hình không khí văn học hiện thời có những biểu hiện không đơn giản.

Chắc Tấn cũng thấy. Giá gặp nhau thì nói được nhiều hơn.

Cuốn Một thời... của Tấn đã có giấy phép xuất bản, mình đã bàn với Lâm Tùng (phó giám đốc phụ trách sản xuất kinh doanh của nhà xuất bản) tìm cách liên kết với một “đầu nậu” nào đó để in (phần lớn sách xuất bản hiện thời đều phải theo cách này). Khi nào có kết quả cuối cùng sẽ tin để Tấn biết.

Mình đã nói với Hội Nhà văn có lẽ mình chỉ làm quản lý một thời gian ngắn nữa thôi. Sẽ nghỉ. Để có chút thì giờ, không bị ràng buộc (tất nhiên là tương đối!) may ra có thể ngâm nghĩ và viết được thêm một chút gì chăng?

Vài lời vắn tắt. Biết ông bạn vẫn khoẻ, thế là mừng.

Cho mình gửi lời thăm bà xã và các cháu.

Thân mến

Nguyễn Kiên

Thư của Vương Trí Nhàn báo tin Nhàn đã liên hệ với báo Tiền Phong đăng nhiều kỳ Một thời để mất.

Hà Nội ngày 29 tháng 6 năm 1995

Kính gửi anh Bùi Ngọc Tấn

Báo Tiền Phong đã nhận đăng Một thời để mất trong nhiều kỳ (không rõ cuối cùng họ có từ bỏ ý định đó không, nhưng hiện nay là thế). Mọi chuyện tôi sẽ lo tiếp, chỉ cần anh gửi lên cho họ một ảnh nghiêm túc, rõ, đẹp, không cần to lắm cũng được. Gửi cho tôi ở 65 Nguyễn Du hoặc cho cô Dương Phương Vinh, báo Tiền Phong 15 Hồ Xuân Hương Hà Nội, bảo là do tôi nhắn.

Chúc anh khoẻ.

Nhàn

Thư của Dương Phương Vinh, báo Tiền Phong:

Hà Nội ngày 6 tháng 1 năm 1996

Kính gửi chú Bùi Ngọc Tấn

Không in được trên báo, cháu và anh Vương Trí Nhàn đều tiếc. Song từng làm báo, chắc chú cũng hiểu.

Vẫn còn khó lắm chú ạ. Để khi nào tiện, cháu nói rõ hơn cho chú nghe.

Cháu gửi lại cả bản thảo + ảnh. Chắc là không lạc trang nào đâu, mặc dù cháu từng đảo lộn để tìm cách trích và thu gọn. Chúc chú sức khoẻ và viết tiếp được nhiều nữa.

Cháu

Dương Phương Vinh.

Giấy mời của Nhà xuất bản Hội Nhà văn:

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập Tự do Hạnh phúc

Ban giám đốc Nhà xuất bản Hội Nhà văn vui mừng báo tin với ông Bùi

Ngọc Tấn.

Tác phẩm Một thời để mất của ông do Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành năm 1995 đã được tặng thưởng năm 1995.

Lễ trao tặng thưởng sẽ tiến hành vào 8 giờ 30 ngày thứ sáu 15-3-1996 tại trụ sở Nhà xuất bản, 65 Nguyễn Du, Hà Nội.

Rất mong ông dành thì giờ về dự.

Xin gửi ông lời chào kính trọng.

Hà Nội ngày 7 tháng 3 năm 1996

Tổng biên tập

Ngô Văn Phú

Thư của Dương Tường:

Hà Nội ngày 5 tháng 3 năm 1996

Tao xin lỗi bây giờ mới viết được cho Tấn vì bận lu bù suốt từ khi đi Mỹ về, nào giải quyết việc ùn đong, nào lo đám cưới con gái, cháu gái...

Cám ơn Tấn đã nhắc đến mình đầy ưu ái trong Một thời để mất. Cuốn sách chân thành và do đó, nhiều đoạn cảm động. Mừng cho Tấn đã trút vơi được một phần những gì mang trong lòng vào tác phẩm. Trên trang sách đã thấy bớt phần chua chát và ấm thêm nồng độ humour, và cái đó là dấu hiệu tốt về sức khỏe tinh thần (có một thời gian mình thực tình lo cho Tấn về mặt này vì thấy Tấn coi quá nặng những năm tháng bất hạnh đã qua).

Lấy tờ giấy đẹp, viết những lời chân thành. Mong Tấn hiểu tình cảm của mình. Thăm Bích và các cháu Hiền, Hương, Hải Yến, Dũng cùng gia đình chúng nó”

Thân yêu

Dương Tường.

TB: Tao vẫn nhớ còn nợ mày cuốn Alexis Zorba. Sắp tìm được rồi. Sẽ gửi sau.

Thư của ông Vũ Quốc Phan, 83 tuổi, Việt Kiều ở Pháp, anh họ Nguyên Hồng:

Vũ Quốc Phan, 22 Rue Caillaux, Paris 75013, France.

Mallorca 16.7.2001

Thân gửi anh Tấn, chị Tấn và các cháu.

Rất thích thú tôi được đọc và đọc đi đọc lại trong lúc nghỉ hè nơi đây. Một thời để mất. Quyền ấy anh tặng cho Vũ Thư Hiên rồi anh Đặng Tiến critique làm photocopie gửi lại cho tôi. Tôi là anh họ Nguyên Hồng. Nhờ ngòi bút của anh mà tôi cảm thấy Nguyên Hồng vẫn sống và có Nguyên Hồng ở bên. Anh đã sống với Nguyên Hồng và tôi dám chắc anh biết Nguyên Hồng còn hơn cả Nguyên Hồng phải không Tấn? Vì thế tôi ao ước gặp anh bất cứ ở đâu. Tôi muốn thực hiện ao ước đó và sẽ tạo điều kiện để gặp nhau. À, mà ngày giỗ Nguyên Hồng 80 tuổi năm 1997 anh có lên Yên Thế dự không?

Nếu anh cũng lên thì tiếc quá vì tôi cũng về Việt Nam, có mặt ở đây mà anh em không biết nhau mà gặp. Tôi rất thương xót Nguyên Hồng...
Vũ Quốc Phan.

Nguồn: Nguyễn Học (Mỗ Hà Nội)
VNthuquan - Thư viện Online
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 25/09/2006 11:32:13 SA